

NCAIT

MIC

# CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

## Viet Nam Information and Communication Technology

# 2014

White Book  
**2014**



**NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  
**INFORMATION AND COMMUNICATIONS PUBLISHING HOUSE**

**ỦY BAN QUỐC GIA VỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**  
NATIONAL COMMISSION ON APPLICATION OF IT (NCAIT)

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  
MINISTRY OF INFORMATION AND COMMUNICATIONS (MIC)

# **THÔNG TIN VÀ SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Information and Data on  
Information and Communication Technology

**VIET NAM 2014**

**NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  
INFORMATION AND COMMUNICATIONS PUBLISHING HOUSE

**Hà Nội - 2014**

# Mục lục

THƯ GIỚI THIỆU	.....	2
I TỔNG QUAN VỀ HIỆN TRẠNG CNTT-TT VIỆT NAM NĂM 2013	.....	9
II HỆ THỐNG CÁC CƠ QUAN CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ VỀ CNTT-TT	.....	15
1. Ủy ban Quốc gia về ứng dụng CNTT	.....	16
2. Bộ Thông tin và Truyền thông	.....	18
3. Sở Thông tin và Truyền thông	.....	28
III ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	.....	31
1. Hạ tầng ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước	.....	32
2. Dịch vụ công trực tuyến	.....	32
3. Nhân lực CNTT trong cơ quan nhà nước	.....	34
4. Các quy hoạch, chiến lược, chương trình, kế hoạch về ứng dụng CNTT/Chính phủ điện tử	.....	34
IV CÔNG NGHIỆP CNTT	.....	37
1. Hạ tầng CNTT	.....	38
2. Tổng số doanh nghiệp đăng ký hoạt động lĩnh vực công nghiệp CNTT	.....	38
3. Thị trường CNTT	.....	40
4. Nhân lực công nghiệp CNTT	.....	42
5. Các quy hoạch, chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về phát triển công nghiệp CNTT	.....	42
V AN TOÀN THÔNG TIN	.....	45
1. Hạ tầng an toàn thông tin	.....	46
2. Thị trường an toàn thông tin	.....	48
3. Nhân lực an toàn thông tin	.....	50
4. Các quy hoạch, chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án đảm bảo an toàn thông tin	.....	50
VI VIỄN THÔNG, INTERNET	.....	53
1. Hạ tầng viễn thông, Internet	.....	54
2. Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông và Internet	.....	58
3. Thị trường viễn thông, Internet	.....	60
4. Nhân lực viễn thông, Internet	.....	66
5. Quy hoạch, chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển viễn thông, Internet	.....	66

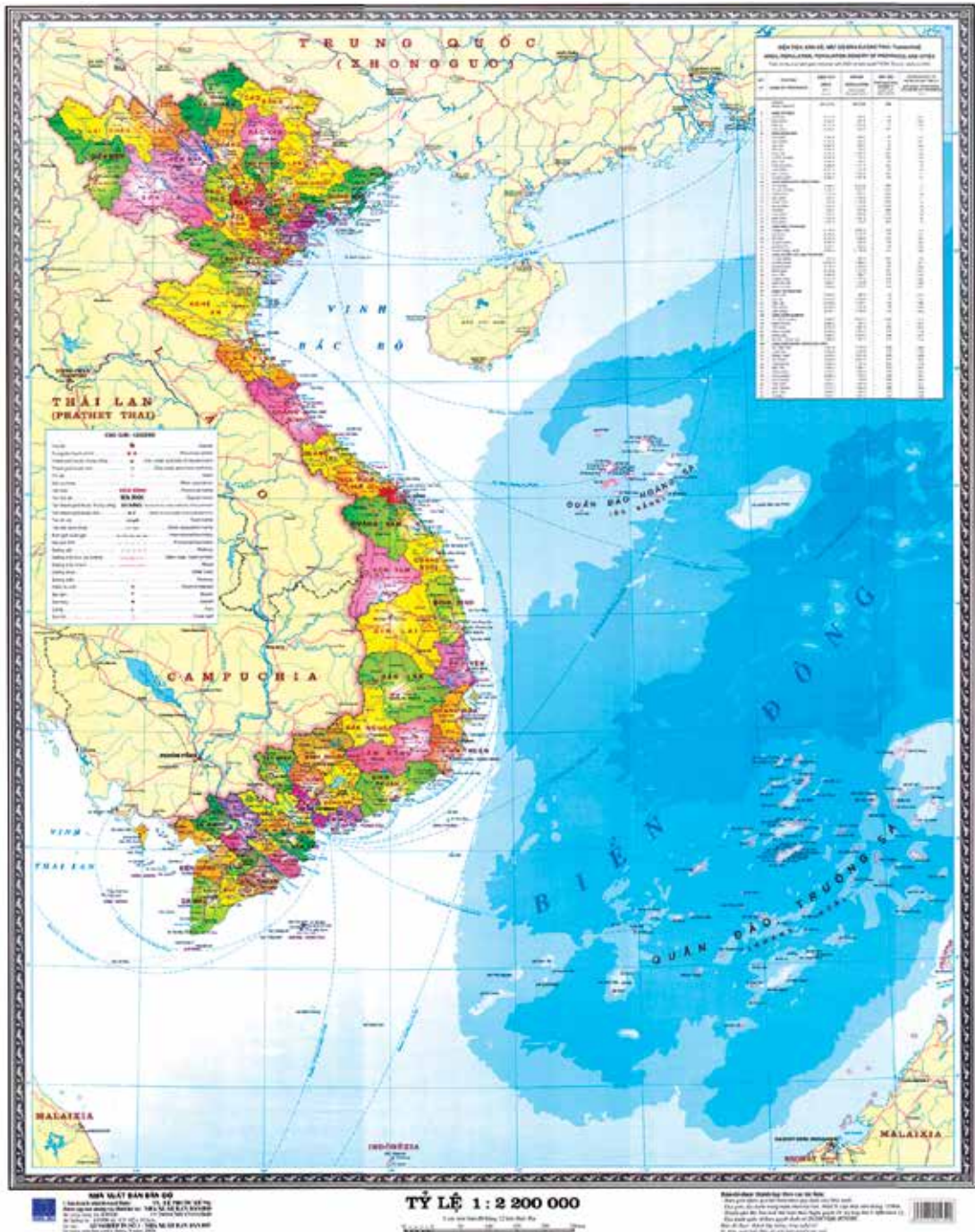
# Contents

INTRODUCTORY LETTER	.....3
I AN OVERVIEW OF VIET NAM ICT IN 2013	.....9
II ADMINISTRATIVE AGENCIES FOR DIRECTION AND MANAGEMENT ON ICT	.....15
1. The National Commission on Application of Information Technology	.....17
2. The Ministry of Information and Communications	.....19
3. Provincial Department of Information and Communications	.....29
III INFORMATION TECHNOLOGY APPLICATION IN STATE AGENCIES	.....31
1. Infrastructure for IT application in state agencies	.....33
2. Online public services	.....33
3. ICT workforce in state agencies	.....35
4. National master plans, strategies, programs, plans on IT application/E-Government	.....35
IV INFORMATION TECHNOLOGY INDUSTRY	.....37
1. Information technology infrastructure	.....39
2. Total number of registered enterprises in the IT industry sector	.....39
3. Information technology market	.....41
4. Workforce in the IT industry	.....43
5. National master plans, strategies, programs, plans, projects on IT industry development	.....43
V INFORMATION SECURITY	.....45
1. Information security infrastructure	.....47
2. Information security market	.....49
3. Information security workforce	.....51
4. National master plans, strategies, programs, plans, projects on information security assurance	.....51
VI TELECOMMUNICATIONS, INTERNET	.....53
1. Telecommunications, Internet infrastructure	.....55
2. Number of telecoms, Internet service providers	.....59
3. Telecommunications market	.....61
4. Telecommunications, Internet workforce	.....67
5. National master plans, strategies, programs, plans, projects on telecommunications and Internet development	.....67

<b>VII</b>	<b>PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ</b>	.....69
1.	Phát thanh - truyền hình	.....70
2.	Thông tin điện tử	.....74
<b>VIII</b>	<b>BƯU CHÍNH</b>	.....77
1.	Hạ tầng mạng bưu chính công cộng	.....78
2.	Số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính	.....78
3.	Thị trường bưu chính	.....78
4.	Nhân lực lĩnh vực bưu chính	.....78
5.	Quy hoạch, chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển bưu chính	.....78
<b>IX</b>	<b>NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO NGÀNH CNTT-TT</b>	.....81
1.	Nghiên cứu - phát triển ngành CNTT-TT	.....82
2.	Đào tạo nguồn nhân lực	.....84
3.	Quy hoạch, chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển nguồn nhân lực	.....88
<b>X</b>	<b>CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ CNTT-TT</b>	.....91
1.	Về công nghệ thông tin	.....92
2.	Về viễn thông, Internet, phát thanh - truyền hình và thông tin điện tử	.....96
3.	Về bưu chính	.....104
<b>XI</b>	<b>HỢP TÁC QUỐC TẾ</b>	.....107
1.	Các tổ chức chuyên ngành quốc tế và khu vực mà Việt Nam tham gia là thành viên	.....108
2.	Một số sự kiện quốc tế tổ chức tại Việt Nam	.....108
<b>XII</b>	<b>CÁC SỰ KIỆN CNTT-TT TIÊU BIỂU HÀNG NĂM TẠI VIỆT NAM</b>	.....113
<b>XIII</b>	<b>CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VỀ CNTT-TT</b>	.....117
1.	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông	.....118
2.	Đơn vị chuyên trách về CNTT trong cơ quan nhà nước	.....124
3.	Hiệp hội nghề nghiệp về CNTT-TT	.....138
<b>XIV</b>	<b>MỘT SỐ TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP CNTT-TT TIÊU BIỂU</b>	.....141
1.	Doanh nghiệp CNTT tiêu biểu	.....142
2.	Doanh nghiệp viễn thông và Internet tiêu biểu	.....158
3.	Nhà cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền tiêu biểu	.....160
4.	Doanh nghiệp bưu chính tiêu biểu	.....162
5.	Tổ chức, cơ sở đào tạo và cung cấp dịch vụ đào tạo CNTT-TT tiêu biểu	.....164
6.	Doanh nghiệp quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam	.....166
7.	Các khu CNTT tập trung tại Việt Nam	.....168
8.	Quý đầu tư mạo hiểm và công nghệ đang hoạt động	.....170
	<b>BAN BIÊN TẬP SÁCH TRẮNG 2014</b>	.....172

VII	BOADCASING AND ELECTRONIC INFORMATION	.....69
1.	Broadcasting	.....71
2.	Electronic Information	.....75
VIII	POSTS	.....77
1.	Public postal network infrastructure	.....79
2.	Number of postal operators	.....79
3.	Postal market	.....79
4.	Postal workforce	.....79
5.	National master plans, strategies, programs, plans on posts development	.....79
IX	RESEARCH AND TRAINING ON ICT	.....81
1.	Research and development (R&D) on ICT	.....83
2.	ICT human resources training	.....85
3.	National master plans, strategies, programs, plans, projects on human resources development	.....89
X	LEGAL DOCUMENTS ON ICT	.....91
1.	Information technology	.....93
2.	Telecommunications, Internet, broadcasting and electronic information	.....97
3.	Posts	.....105
XI	INTERNATIONAL COOPERATION	.....107
1.	Membership in international and regional organizations	.....109
2.	Recent major events organized in Viet Nam	.....109
XII	ANNUAL ICT EVENTS IN VIET NAM	.....113
XIII	AGENCIES, ORGANIZATIONS ON ICT	.....117
1.	Units of the Ministry of Information and Communications	.....119
2.	Units in charge of ICT in state agencies	.....125
3.	Organizations and associations on ICT	.....139
XIV	SEVERAL TYPICAL ORGANIZATIONS, ENTERPRISES ON ICT	.....141
1.	Typical information technology enterprises	.....143
2.	Typical telecommunication operators and Internet service providers	.....159
3.	Typical pay TV providers	.....161
4.	Typical postal operators	.....163
5.	Typical universities and institutions offering ICT degrees	.....165
6.	ICT multi-national companies in Viet Nam	.....167
7.	Information technology parks in Viet Nam	.....169
8.	Overview of technology funds and venture capital for IT enterprises	.....171
	2014 WHITE BOOK EDITORIAL BOARD	.....173

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Diện tích: 330.972,4 km<sup>2</sup>  
 Dân số tính đến 31/12/2013: 89.708.900 người  
 Số hộ gia đình năm 2013: 24.655.600 hộ  
 GDP năm 2013: 171,2 tỷ USD  
 GDP bình quân đầu người năm 2013: 1.908 USD  
 Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2013: 5,42%  
 Kim ngạch xuất khẩu năm 2013: 132.134,9 triệu USD  
 Kim ngạch nhập khẩu năm 2013: 132.125,5 triệu USD  
 Tỷ giá VND/USD thị trường liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 31/12/2013: 21.036 VND/USD  
 (Nguồn: Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

## SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Area of land: 330,972.4 km<sup>2</sup>  
 Population up to Dec 31<sup>st</sup>, 2013: 89,708,900 people  
 Number of households in 2013: 24,655,600 households  
 GDP of 2013: 171.2 billion USD  
 GDP per capita of 2013: 1,908 USD  
 Growth rate of GDP in 2013: 5.42%  
 Export value of 2013: 132,134.9 million USD  
 Import value of 2013: 132,125.5 million USD  
 Inter-bank exchange rate of VND vs USD of the State Bank of Viet Nam on December 31<sup>st</sup>, 2013: 21,036 VND/USD  
 (Source: General Statistics Office and State Bank of Viet Nam)



# TỔNG QUAN VỀ HIỆN TRẠNG CNTT-TT VIỆT NAM NĂM 2013

**An overview of Viet Nam ICT  
in 2013**



Năm 2013, trong khi nền kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, chưa ổn định với nhiều rủi ro tiềm ẩn, nền kinh tế Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức trong đó tình hình nợ xấu của các ngân hàng và tình trạng kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn khiến nguy cơ mất ổn định nền kinh tế vĩ mô vẫn còn. Trong bối cảnh đó, ngành công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT) vẫn có những bước phát triển bền vững, tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và góp phần cùng đất nước hội nhập sâu rộng với thế giới.

Năm 2013, ngành CNTT-TT đã ghi nhận sự thay đổi trong cơ cấu tổ chức của Ngành. Đầu tiên, đó là việc thành lập Ủy ban Quốc gia về ứng dụng CNTT do Thủ tướng Chính phủ trực tiếp làm Chủ tịch Ủy ban. Điều này đã khẳng định sự quan tâm của Chính phủ đối với việc thúc đẩy phát triển và ứng dụng CNTT trong các cơ quan Nhà nước, các ngành, lĩnh vực trọng điểm và trong xã hội. Tiếp theo đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 tạo cơ sở pháp lý quan trọng để hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Bộ Thông tin và Truyền thông nhằm thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Đặc biệt, vào ngày 01/7/2014, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Văn bản này đã thể hiện quyết tâm chính trị của Đảng và Chính phủ trong việc khẳng định tầm quan trọng và đề ra định hướng chiến lược cho sự nghiệp ứng dụng và phát triển CNTT trong giai đoạn tới.

Trong năm 2013, hành lang pháp lý về CNTT-TT tiếp tục được mở rộng với 19 văn bản quan trọng được ban hành, trong đó có 07 nghị định của Chính phủ, 12 quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Nổi bật là Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 thay thế Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng khắc phục những tồn tại, bất cập trong công tác quản lý và thúc đẩy phát triển Internet. Sự ra đời của Nghị định số 154/2013/NĐ-CP quy định về khu CNTT tập trung cũng đã giải quyết vấn đề quy hoạch các

khu CNTT tập trung trên phạm vi toàn quốc, đảm bảo sự quản lý thống nhất của Nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

Trong năm 2013, tổng số dịch vụ công trực tuyến là 104.306 dịch vụ (tăng 640 dịch vụ so với năm 2012), trong đó, dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và 2 đạt 101.829 dịch vụ (giảm 166 dịch vụ so với năm 2012); dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đạt 2.366 dịch vụ (tăng 704 dịch vụ so với năm 2012) và dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đạt 111 dịch vụ (tăng 102 dịch vụ so với năm 2012).

Công tác đảm bảo an toàn thông tin luôn được chú trọng với 73,8% cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên toàn quốc đã có cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin. Trong năm qua, Bộ TT-TT cũng đã tổ chức chương trình khung đào tạo về an toàn thông tin, tổ chức diễn tập quốc gia về điều phối ứng cứu sự cố máy tính lần đầu tiên với sự tham gia của nhiều Bộ, ngành, các Sở TT-TT và các nhà cung cấp dịch vụ Internet trên toàn quốc.

Về công nghiệp CNTT, tổng kim ngạch xuất khẩu công nghiệp phần cứng - điện tử tiếp tục đạt mức ấn tượng, đạt 34,76 tỷ USD (tăng 51,7% so với năm 2012), trong khi kim ngạch nhập khẩu là 26,39 tỷ USD (tăng 35,7% so với năm 2012). Cơ cấu xuất khẩu chủ yếu là điện thoại chiếm tới 63%. Doanh thu công nghiệp phần mềm năm 2013 tăng 12,7% so với năm 2012, đạt 1.361 triệu USD. Lĩnh vực công nghiệp nội dung số cũng chịu ảnh hưởng bởi khó khăn của nền kinh tế chỉ tăng 13,9% so với năm 2012, đạt 1.407 triệu USD.

Hạ tầng mạng viễn thông và Internet vẫn phát triển bền vững với tổng doanh thu viễn thông đạt 7,4 tỷ USD trong năm 2013. Tổng băng thông kết nối Internet quốc tế đạt trên 640.000 Mbit/s tăng tới gần 83% so với năm 2012. Tổng số thuê bao điện thoại đạt 130 triệu thuê bao, trong đó thuê bao di động chiếm 95% và số thuê bao 3G đã gần chạm mốc 20 triệu. Số thuê bao Internet băng rộng đạt trên 22,4 triệu thuê bao (tăng 11,2% so với năm trước) đạt tỷ lệ 24,93 thuê bao/100 dân. Trong năm 2013, với 100.380 tên miền đăng ký mới và số lượng duy trì sử dụng là 266.028 tên miền, tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” tiếp tục giữ vị trí số 1 Đông Nam Á

In 2013, the world economy showed complicated movements and remained unstable with potential risks. Meanwhile, Viet Nam economy has been still facing with many challenges where the nonperforming loans in banking and the difficulties in business of enterprises illustrated the risk of destabilizing the macro-economy. In this context, Viet Nam ICT has had steady development steps to continuously strengthen its position and role in the sectors such as politics, socio - economics, security - defense for further integration into the world.

In 2013, the ICT has been marked with an enormous change in organizational structure. Firstly, there was an establishment of the National Commission on Application of IT with the Prime Minister as the Chairman. This showed the interest of the Government of Viet Nam to promote the use and development of IT in state agencies as well as in key sectors, areas and in the society. The introduction of Decree No. 132/2013/ND-CP dated October 16<sup>th</sup> in 2013 is an important legal base to complete the functions, duties and organizational structure of the Ministry of Information and Communications (MIC) in order to effectively implement the state management of MIC to meet the demand for the development of the line sectors in the new period. Specially, on July 01<sup>st</sup> in 2014, the Bureau of Politics of Viet Nam Communist Party promulgated the Revolution No. 36-NQ/TW on boosting the use and development of ICT to meet the demand for sustainable development and international integration. This document shows the political determination of the Party and the Government in emphasizing the importance and setting a strategic orientation of the use and development of ICT in the next period.

In 2013, the legal framework on ICT continued to be expanded with 19 issued documents including 7 decrees of the Government, 12 decisions of the Prime Minister. Notably, the Government's Decree No. 72/2013/ND-CP dated July 15<sup>th</sup> in 2013 which replaced the Government's Decree No. 97/2008/ND-CP dated August 28<sup>th</sup> in 2008 regulated the management, provision and use of Internet services and online information. This is an important legal base to handle shortcomings in the current management of Internet and to promote the development of the Internet in Viet Nam. The introduction of the Government's Decree No. 154/2013/ND-CP stipulating on IT park

also resolved the problems of setting master plans of the IT parks nationwide, ensuring the concerted state management from central to local.

In 2013, total number of online public services reached 104.306 services (an increase by 640 services compared to 2012) including 101,829 at level 1 and 2 (a decrease by 166 services compared to 2012); 2,366 at level 3 (an increase by 704 services compared to 2012) and 111 services at level 4 (an increase by 102 services compared to 2012).

The information security assurance has been focused with 73.8% state agencies, organizations, businesses which had staffs in charge of information security. In this year, MIC organized training framework programs on information security, the first national rehearsal of coordinating responses to the computer emergency incidents with the participation of ministries, sectors, provincial departments of information and communications and Internet service providers.

As for the IT Industry, the total export value of the hardware - electronics industry continued to achieve an impressive number with 34.76 billion USD (a 51.7% increase compared to 2012 while the total import value accounted for only 26.39 billion USD (a 35.7% increase compared to 2012). The exported items mainly consisted of mobile phone, taking up 63% of the total. The software industry revenue rose 12.7% compared to 2012, reached 1,361 million USD. Being affected by the economic downturn, the revenue of the digital content industry reached 1,407 million USD, an increase by only 13.9% compared to 2012.

The telecommunications and Internet infrastructure remained sustainable development with the total telecommunications revenue of 7.4 billion USD in 2013. The number of Internet broadband subscribers represented 22.4 million subscribers (a growth rate of 11.2% compared to the last year) and the ratio of 24.93 subscribers among 100 people. The total of Internet connection bandwidth exceeded 640.000 Mbps, an 83% increase compared to 2012. The total number of telephone subscribers reached 130 million subscribers, 95% of which are mobile subscribers and the number of 3G subscribers reached a peak of 20 millions. In 2013, the ".vn" domain names with 100,380 registered and 266,028 in use helped Viet Nam continuously hold the leading in the Southeast Asia in the usage of

về số lượng sử dụng tên miền cấp cao mã quốc gia, tăng trưởng trung bình 172%/năm. Mặc dù doanh thu các dịch vụ viễn thông cơ bản như thoại, nhắn tin bị suy giảm do sự bùng nổ của các ứng dụng OTT nền Internet di động nhưng doanh thu dịch vụ Internet vẫn đạt mức kỷ lục là 965 triệu USD tăng gấp đôi so với năm 2012.

Lĩnh vực phát thanh - truyền hình năm 2013 đã có sự phát triển bền vững theo hướng tăng cường cạnh tranh, nâng cao chất lượng dịch vụ. Sự tham gia của Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ truyền hình trả tiền đã tạo ra sự chuyển biến tích cực. Số lượng thuê bao truyền hình cáp năm 2013 tăng hơn 1,1 triệu thuê bao, nâng tổng doanh thu truyền hình trả tiền năm 2013 lên 276,43 triệu USD, tăng 38% so với năm 2012.

Doanh thu dịch vụ bưu chính năm 2013 đạt gần 317 triệu USD, tăng 15,7% so với năm 2012. Mạng bưu chính công cộng có trên 13.000 điểm phục vụ và Tổng công ty Bưu điện Việt Nam tiếp tục đóng vai trò là doanh nghiệp chủ đạo trong việc cung cấp các dịch vụ bưu chính và các dịch vụ tiện ích khác tại các tỉnh thành trên cả nước.

Về đào tạo nguồn nhân lực, đến hết năm 2013, cả nước có 290 trường đại học, cao đẳng và 228 trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề có đào tạo về viễn thông, CNTT với tổng chỉ tiêu tuyển sinh đạt trên 80.000 sinh viên và học viên.

Theo đánh giá của các thành viên Câu lạc bộ Nhà báo CNTT Việt Nam, năm 2013 có 10 sự kiện CNTT-TT nổi bật được bình chọn. Sự kiện nổi bật nhất đó là sự bùng nổ chưa từng có của các ứng dụng nhắn tin, gọi điện miễn phí (OTT) với hàng chục triệu người Việt đăng ký sử dụng. Năm 2013, thị trường dịch vụ truyền hình trả tiền cũng chứng kiến sự thay đổi với sự gia nhập của Viettel, FPT, VNPT thúc đẩy sự cạnh tranh mạnh mẽ trong lĩnh vực truyền hình trả tiền tại Việt Nam. Đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực CNTT-TT năm 2013 tiếp tục khởi sắc với đầu tư mạnh mẽ của hai tập đoàn lớn là Samsung và Nokia. Trong đó, Samsung đã chính thức nâng vốn đầu tư tại Việt Nam lên gần 6 tỷ USD và Nokia đã khánh thành nhà máy đầu tiên tại thành phố Bắc Ninh với vốn đầu tư ban đầu khoảng 320 triệu USD.

Trong 2013, Bộ Thông tin và Truyền thông đã thực hiện ký kết văn bản hợp tác ở cấp song phương với Belarus, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ, Lào và tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp nước ngoài như Microsoft, Intel, Samsung. Ngoài ra, Bộ tiếp tục tham gia vào các hoạt động đàm phán của Chính phủ Việt Nam trong các hiệp định tự do thương mại và đầu tư gồm: Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP); Hiệp định Thương mại tự do (FTA) với EU, Hàn Quốc, Liên minh Hải quan, Hiệp định với Khối thương mại tự do châu Âu (EFTA), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP), Hiệp định đối tác toàn diện khu vực (ASEAN RCEP).

Trong Báo cáo đánh giá về xã hội thông tin của Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU), chỉ số phát triển CNTT-TT của Việt Nam tụt 2 bậc, từ 86/155 năm 2012 xuống 88/157 năm 2013, vẫn xếp vị trí thứ 4 khu vực Đông Nam Á và đứng 14/28 nước châu Á - Thái Bình Dương. Việt Nam tiếp tục được ITU đánh giá cao về ứng dụng CNTT với thứ hạng 83/155 năm 2013. Theo xếp hạng được công bố trong Báo cáo CNTT toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), thứ hạng chỉ số sẵn sàng kết nối NRI của Việt Nam năm 2013 đạt 84/148 nước, giữ nguyên so với năm 2012. Trong đánh giá này, mức độ sẵn sàng trong Chính phủ Việt Nam được xếp thứ hạng 58/148 và đặc biệt giá cước viễn thông, Internet của Việt Nam gần như thấp nhất thế giới, được xếp hạng 8/148. Đối với xếp hạng về chỉ số kỹ năng của ITU, đến năm 2013, Việt Nam đang xếp vị trí 101 trên tổng số 155 quốc gia, giữ nguyên so với năm 2012. Đặc biệt, trong lĩnh vực công nghiệp CNTT, Việt Nam vẫn nằm trong 10 quốc gia gia công phần mềm hấp dẫn nhất khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời, TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội tiếp tục nằm trong nhóm 20 và 30 thành phố gia công phần mềm hấp dẫn nhất thế giới.

Có thể khẳng định, năm 2013 là một năm đầy khó khăn, thách thức, song ngành CNTT-TT vẫn tiếp tục khẳng định vị thế của mình và đã có đóng góp không nhỏ trong việc phát triển của hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ của nền kinh tế quốc dân và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước ■

national level domain names with an average growth by 172% per year. Although the revenue of basic telecommunications services such as voice call, text message, etc reduced due to the boom of Internet-based over-the-top mobile applications (OTT), the Internet services revenue rocketed to 965 million USD, doubling compared to 2012.

In 2013, the broadcasting sector had a sustainable growth by enhancing competitiveness and improving the service quality. The involvement of Viettel Group in the pay TV service market has created a positive change. Specifically, the number of cable TV subscribers in 2013 increasing by more than 1.1 million subscribers. This also raised the total revenue of pay TV services up to 276.43 million USD in 2013, a 38% increase compared to 2012.

The revenue of postal services numbered nearly 317 USD with a 15.7% increase compared to 2012. The public postal network included more than 13,000 postal outlets and Viet Nam Post Corporation (VN Post) kept on playing a leading role in providing postal services and other utility services in the provinces throughout the country.

As for human resources training, by the end of the year 2013, Viet Nam had 290 universities and colleges and 228 vocational schools which offered training courses on telecommunications and IT majors with the total enrollment quota exceeding 80,000 students.

According to members of the Viet Nam IT Journalists Club, 10 outstanding ICT events were selected in 2013. The most prominent event is the unprecedented boom of OTT with millions of registered Vietnamese users. In 2013, the pay TV service market also witnessed a change with the entry of Viettel, FPT, VNPT so that they could promote competition in this sector in Viet Nam. Also in this year, the foreign investment in the ICT still thrived thanks to the considerable investment of two major corporations like Samsung and Nokia. In particular, Samsung officially raised its investment in Viet Nam to nearly 6 billion USD and Nokia launched the first factory in Bac Ninh province with an initial investment of 320 million USD.

In the past year, MIC signed cooperation documents with Belarus, Japan, Russia, India, Laos and cooperated with FDI enterprises such as Microsoft, Intel, Samsung. Also, MIC has been actively participating in negotiation activities of Vietnamese Government under Free Trade Agreements (FTAs), of which Viet Nam is a member: Trans-Pacific Partnership (TPP); Viet Nam - EU FTA, Viet Nam - South Korea FTA, Viet Nam - Customs Union FTA, Viet Nam - EFTA, ASEAN - Japan Comprehensive Partnership (AJCEP), ASEAN Regional Comprehensive Economic Partnership Agreement (ASEAN RCEP).

According to the ranking of the evaluation report on Measuring of Information Society by the International Telecommunication Union (ITU), the ICT Development Index (IDI) of Viet Nam dropped 2 grades, from the 86<sup>th</sup> among 155 countries in 2012 to the 88<sup>th</sup> among 157 countries in 2013, ranked 4<sup>th</sup> in the Southeast Asia and ranked 14<sup>th</sup> among 28 countries in Asia - Pacific. Viet Nam was highly rated by ITU in terms of ICT use with a rank of 83<sup>th</sup> among 155 countries in 2013. According to the ranking in the Global IT Report by the World Economic Forum (WEF), the Networked Readiness Index (NRI) of Viet Nam in 2013 reached the 84<sup>th</sup> among 148 countries, remaining unchanged compared to 2012. In this evaluation, the readiness subindex of the Government of Viet Nam was ranked 58<sup>th</sup> among 148 nations and especially the telecommunications and Internet costs of Viet Nam was nearly the lowest in the world and ranked the 8<sup>th</sup> among 148 countries. According to the ranking of the ICT skills and ICT human resource subindex by ITU, in 2013, Viet Nam stood at the 101<sup>th</sup> among 155 countries, the same rank as in 2012. Notably, in the IT industry, Viet Nam was ranked among top 10 countries in the Asian - Pacific region in terms of offshore services and Ho Chi Minh City and Ha Noi were still among the world's top 20 and 30 outsourcing destinations, respectively.

Passing a year full of difficulties and challenges, in 2013, Viet Nam ICT continued to affirm its essential position and has contributed significantly to the development of harmonized infrastructure systems of the national economy and the industrialization and modernization of the country ■

<http://www.>





# HỆ THỐNG CÁC CƠ QUAN CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

## **Administrative Agencies for Direction and Management on ICT**



## 1. ỦY BAN QUỐC GIA VỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

### 1.1 Cơ cấu tổ chức

- Chủ tịch Ủy ban: Thủ tướng Chính phủ  
Nguyễn Tấn Dũng
- Phó Chủ tịch Ủy ban: Phó Thủ tướng Chính phủ  
Vũ Đức Đam
- Các Ủy viên thường trực:
  - + Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông:  
Ông Nguyễn Bắc Sơn
  - + Bộ trưởng Bộ Tài chính: Ông Đinh Tiến Dũng
  - + Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư:  
Ông Bùi Quang Vinh
  - + Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo:  
Ông Phạm Vũ Luận
- Các Ủy viên:
  - + Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông:  
Ông Nguyễn Minh Hồng
  - + Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ:  
Ông Trần Việt Thanh
  - + Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển  
nông thôn: Ông Hoàng Văn Thắng
  - + Thứ trưởng Bộ Công Thương:  
Ông Trần Tuấn Anh
  - + Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:  
Bà Đặng Thị Bích Liên
  - + Thứ trưởng Bộ Y tế: Ông Lê Quang Cường
  - + Thứ trưởng Bộ Xây dựng: Ông Nguyễn Trần Nam
  - + Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải:  
Ông Nguyễn Hồng Trường
  - + Thứ trưởng Bộ Nội vụ: Ông Trần Anh Tuấn
  - + Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường:  
Ông Nguyễn Linh Ngọc
  - + Thứ trưởng Bộ Quốc phòng: Ông Đỗ Bá Ty
  - + Thứ trưởng Bộ Công an: Ông Đặng Văn Hiếu

- + Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:  
Ông Nguyễn Toàn Thắng
- + Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng:  
Ông Lê Quang Vĩnh
- + Phó Trưởng ban Ban Kinh tế Trung ương:  
Ông Nguyễn Xuân Cường
- + Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội:  
Ông Nguyễn Sỹ Dũng
- + Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ:  
Ông Nguyễn Văn Tùng
- + Tổng Thư ký Hội đồng Quốc gia về Phát triển  
bền vững và Nâng cao năng lực cạnh tranh:  
Ông Nguyễn Bá Ân

### 1.2 Chức năng, nhiệm vụ

Ủy ban có các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 109/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Tham mưu giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chủ trương, chiến lược, cơ chế chính sách để thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, các ngành, lĩnh vực trọng điểm và trong toàn xã hội;
2. Chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương trong việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội;
3. Cho ý kiến về các cơ chế, chính sách, các chương trình, dự án lớn về phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin;
4. Giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ điều phối, đôn đốc việc thực hiện các chiến lược, chương trình, dự án quan trọng có tính chất liên ngành về phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin;
5. Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền.

## 1. THE NATIONAL COMMISSION ON APPLICATION OF INFORMATION TECHNOLOGY (NCAIT)

### 1.1 Organizational structure

- Chairman: Prime Minister Mr. Nguyen Tan Dung
- Vice Chairman: Deputy Prime Minister Mr. Vu Duc Dam
- Standing members:
  - + Minister of Information and Communications: Mr. Nguyen Bac Son
  - + Minister of Finance: Mr. Dinh Tien Dung
  - + Minister of Planning and Investment: Mr. Bui Quang Vinh
  - + Minister of Education and Training: Mr. Pham Vu Luan
- Members:
  - + Deputy Minister of Information and Communications: Mr. Nguyen Minh Hong
  - + Deputy Minister of Science and Technology: Mr. Tran Viet Thanh
  - + Deputy Minister of Agriculture and Rural Development: Mr. Hoang Van Thang
  - + Deputy Minister of Industry and Trade: Mr. Tran Tuan Anh
  - + Deputy Minister of Culture, Sports and Tourism: Ms. Dang Thi Bich Lien
  - + Deputy Minister of Health: Mr. Le Quang Cuong
  - + Deputy Minister of Construction: Mr. Nguyen Tran Nam
  - + Deputy Minister of Transport: Mr. Nguyen Hong Truong
  - + Deputy Minister of Home Affairs: Mr. Tran Anh Tuan
  - + Deputy Minister of Natural Resources and Environment: Mr. Nguyen Linh Ngoc
  - + Deputy Minister of National Defense: Mr. Do Ba Ty
  - + Deputy Minister of Public Security: Mr. Dang Van Hieu

- + Deputy Governor of the State Bank of Viet Nam: Mr. Nguyen Toan Thang
- + Deputy Chief of Party Central Office: Mr. Le Quang Vinh
- + Deputy Chief of Central Economic Commission: Mr. Nguyen Xuan Cuong
- + Vice Chairman of National Assembly Office: Mr. Nguyen Sy Dung
- + Vice Chairman of Government Office: Mr. Nguyen Van Tung
- + General Secretary of the National Committee on Sustainable Development and Competitiveness Enhancement: Mr. Nguyen Ba An

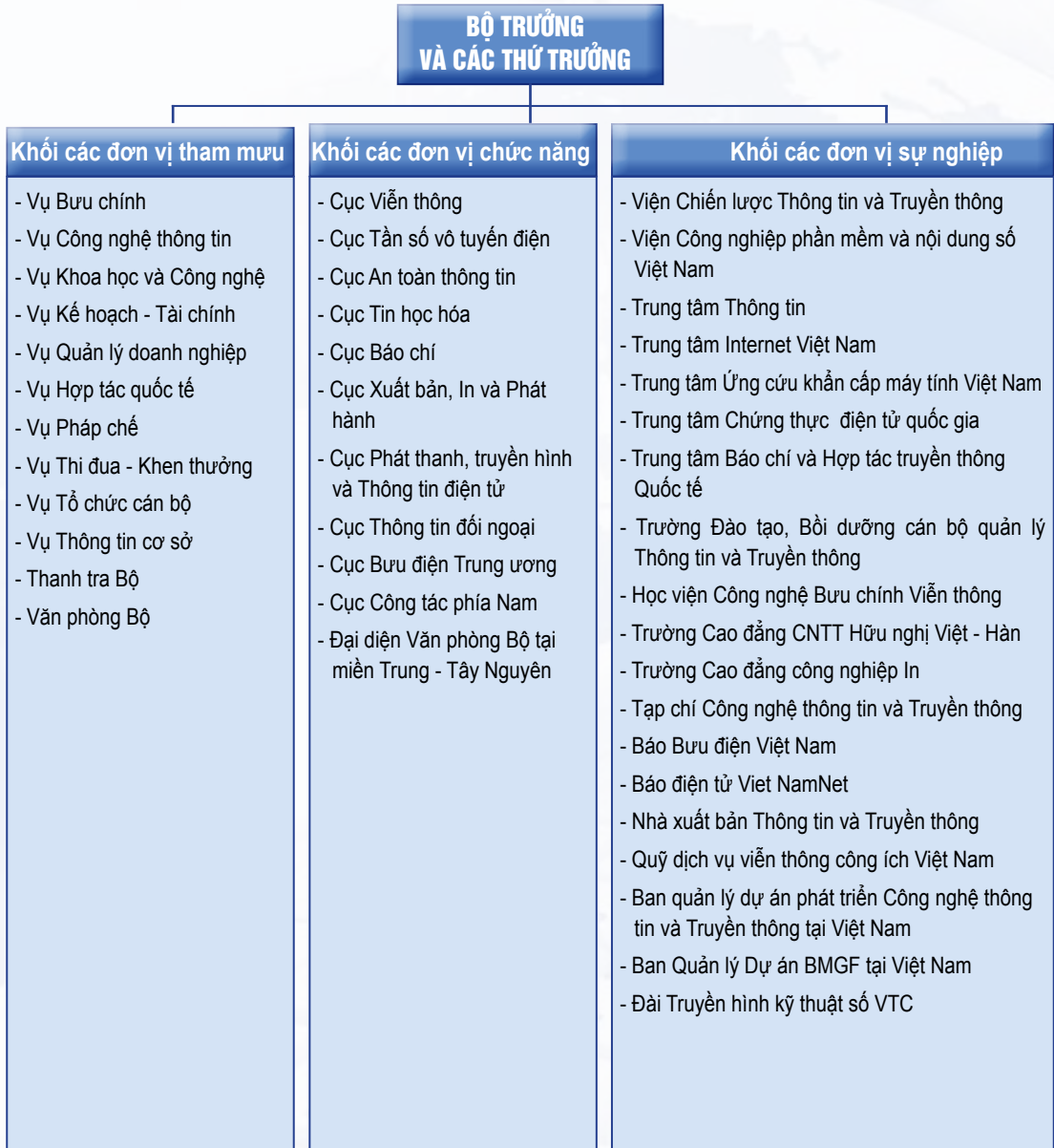
### 1.2 Main functions, duties

The National Commission on Application of IT has the following duties and powers as prescribed in Article 2 of the Prime Minister's Decision No. 109/QĐ-TTg dated January 15<sup>th</sup> in 2014 as follows:

1. Counselling the Government and the Prime Minister on guidelines, policies and strategies to implement the IT development and application in the state agencies, key sectors and fields and in the whole society;
2. Steering the ministries, sectors and provincial agencies on IT development and application in order to boost the restructuring the economy, enhance the national competitive capacity and socioeconomic development;
3. Commenting on major mechanisms, policies, programs on IT development and application;
4. Supporting the Government and the Prime Minister to coordinate, supervise the implementation of inter-sectorial crucial strategies, programs and projects on IT development and application;
5. Executing other missions according to the request of the Prime Minister and authorized agencies.

## 2. BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

### 2.1 Sơ đồ tổ chức



## 2. THE MINISTRY OF INFORMATION AND COMMUNICATIONS (MIC)

### 2.1 Organizational structure



## 2.2 Chức năng, nhiệm vụ

Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về báo chí; xuất bản; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin, điện tử; phát thanh và truyền hình; thông tấn; thông tin đối ngoại; thông tin cơ sở và hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ.

- Trình Chính phủ dự án luật, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định của Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Chính phủ và các dự án, đề án theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm, hàng năm; chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hành động và các dự án, công trình quan trọng quốc gia, chương trình, đề án về cung cấp dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực; các quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền chỉ đạo, điều hành của Thủ tướng Chính phủ.

- Ban hành các thông tư, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về quản lý ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

**Về báo chí (bao gồm báo chí in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình, bản tin thông tấn)**

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới báo chí trong cả nước, văn phòng

đại diện cơ quan thường trú ở nước ngoài của các cơ quan báo chí Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Tổ chức giao ban báo chí, quản lý thông tin của báo chí theo quy định của pháp luật về báo chí;

- Tổ chức thực hiện quy chế người phát ngôn cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Ban hành quy chế tổ chức hội thi, liên hoan, hội thảo về báo chí;

- Quy định về báo lưu chiều, quản lý kho lưu chiều báo chí quốc gia;

- Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động báo chí; giấy phép xuất bản bản tin, đặc san, số phụ, phụ trương, chương trình đặc biệt, chương trình phụ; thẻ nhà báo; cấp phép cho báo chí xuất bản ở nước ngoài phát hành tại Việt Nam; chấp thuận việc hợp báo;

- Hướng dẫn việc hoạt động của báo chí và nhà báo trong cả nước, phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý hoạt động của báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài và hoạt động báo chí của người nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam;

- Thỏa thuận về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc các cơ quan báo chí;

- Quy định tiêu chuẩn, chuyên môn, nghiệp vụ người đứng đầu cơ quan báo chí;

- Quản lý các dịch vụ phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật.

**Về xuất bản (bao gồm xuất bản, in, phát hành):**

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm; chính sách về hoạt động xuất bản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

## 2.2 Main functions and duties

The Ministry of Information and Communications (MIC) of the Socialist Republic of Viet Nam is the policy making and regulatory body in the fields of press; publishing; posts, telecommunications; radio frequency; information technology, electronics; broadcasting; media; foreign information; domestic information; and national information and communication infrastructure; management of related public services on behalf of the Government. The functions, duties and responsibilities of MIC are regulated in the Government's Decree No. 132/2013/ND-CP dated Oct 16<sup>th</sup>, 2013.

- MIC submits drafts of laws, ordinances, resolutions to the National Assembly and National Assembly Standing Committee; drafts of to the Government according to annual agendas, plans on building legal documents of the Government and projects assigned by the Government and the Prime Minister;

- MIC submits strategies, master plans, long-term or five-year or annual development plans; national target programs; national target programs, action programs and national important projects and works, programs and projects on public utility services, public services under line sectors, fields of MIC's management to the Government and the Prime Minister; draft decisions, directives and others to the Prime Minister;

- Issue circulars, decisions, directives and other documents on management of line sectors and fields under MIC's management.

- MIC also provides guidances to the enforcement of laws, ordinances, regulations as well as the implementation of development strategies and plans related to press, publishing, post, telecommunications and information technology.

### ***Press (including printed newspapers, e-newspapers, broadcasting, media news)***

- Give guidance to organize the implementation of master plans on press networks including

national and Vietnamese press representative offices located overseas which are approved by the Prime Minister;

- Organize media conferences, manage press information;

- Implement the regulation of spokespersons under the regulations of the Prime Minister;

- Promulgate the regulation of organizing contests, festivals, seminars on press;

- Provide depository newspapers, manage the national depository press archive;

- Grant, extend, modify, supplement, suspend, revoke press licenses, licenses of release of news, special issues, supplements, special programs, sub-programs and press cards; License foreign newspapers published in Viet Nam; Approve of organizing press conferences;

- Give guidance to domestic press agencies and agents, cooperate with related agencies to manage the activities of Viet Nam press involving foreign affairs and the press activities of foreigners and foreign organizations in Viet Nam;

- Agree on appointment, dismissal of Editors in Chief, Deputy Editors, General Directors, Deputy General Directors, Directors, Deputy Directors of press agencies;

- Provide standards, qualifications, technical expertise of heads of press agencies;

- Manage broadcasting services.

### ***Publishing***

- Give guidance, direct, organize the implementation of master plans on publishing, printing and distributing network; of policies on publishing which are approved by the Prime Minister;

- Quy định chi tiết điều kiện thành lập các tổ chức hoạt động xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật;

- Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi các loại giấy phép thành lập nhà xuất bản, giấy phép đặt văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài tại Việt Nam; giấy phép đặt văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật;

- Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; giấy phép hoạt động in đối với sản phẩm phải cấp phép; giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài; giấy phép nhập khẩu thiết bị in; giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; giấy phép triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật; quản lý việc công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài theo thẩm quyền;

- Xác nhận và quản lý đăng ký kế hoạch xuất bản của nhà xuất bản, đăng ký hoạt động in đối với sản phẩm không phải cấp phép, đăng ký danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu của cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm;

- Tổ chức thẩm định xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật; tổ chức kiểm tra xuất bản phẩm lưu chiều và quản lý việc lưu chiều xuất bản phẩm; tổ chức việc đặt hàng và đưa xuất bản phẩm tới các địa bàn thuộc diện đầu tư ưu tiên của Nhà nước; tổ chức hội chợ xuất bản phẩm cấp quốc gia và quảng bá xuất bản phẩm ra nước ngoài theo quy định của pháp luật;

- Quyết định đình chỉ, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành và tiêu hủy xuất bản phẩm vi phạm pháp luật;

- Cấp, gia hạn, thu hồi thẻ biên tập viên theo quy định của pháp luật;

- Quản lý các hoạt động hỗ trợ xuất bản theo quy định của pháp luật;

- Thỏa thuận về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Tổng biên tập nhà xuất bản;

- Quy định tiêu chuẩn, chuyên môn, nghiệp vụ người đứng đầu cơ quan xuất bản và biên tập viên của nhà xuất bản.

### **Về thông tin đối ngoại**

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành liên quan thực hiện quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình về thông tin đối ngoại;

- Hướng dẫn nội dung thông tin đối ngoại cho các cơ quan thông tấn, báo chí của Việt Nam; hướng dẫn các Sở Thông tin và Truyền thông quản lý về thông tin đối ngoại.

### **Về quảng cáo**

Thực hiện các nhiệm vụ về quản lý quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật; cấp, gia hạn, sửa đổi bổ sung, thu hồi giấy phép ra kênh, chương trình quảng cáo đối với báo nói, báo hình.

### **Về bưu chính**

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch, dự án, đề án, chương trình về bưu chính; cơ chế, chính sách về hoạt động bưu chính; danh mục dịch vụ bưu chính công ích và cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp được chỉ định thực hiện cung ứng dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của pháp luật;

- Ban hành theo thẩm quyền giá cước dịch vụ bưu chính công ích, phạm vi dịch vụ bưu chính dành riêng; các quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động bưu chính;

- Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, thu hồi các loại giấy phép nhập khẩu tem bưu chính, giấy

- Stipulate terms and conditions to the organizations in publishing, printing;

- Grant, extend, modify, suspend, revoke licenses on establishment of publishers, licenses to placement of the representative offices of foreign publishers in Viet Nam; licenses to placement of the representative offices of foreign organizations in the field of publishing;

- Grant, extend, modify, supplement, suspend, revoke licenses of publishing; licenses of non-commercial documents ; licenses of printing licensed products; licenses of providing printing publication services for foreign areas; licenses of importing printing equipment, licenses of imported publications sales; licenses of organizing publications exhibitions and fairs under the legal rules, manage the release and popularization of compositions under MIC's powers;

- Certify and manage the registration of publishing plans of publishers, of printing to unlicensed printing documents and of a list of imported publications to businesses of imported publications sales;

- Appraise publications; Inspect depository publications and manage the depository of publications; organize the ordering and delivery of publications to the areas where the State prioritizes investing; organize national publication fairs and promote publications in the foreign countries in conformity of the legal rules;

- Suspend, revoke, confiscate, prohibit the release of and destruct illegal publications;

- Grant, extend, revoke editor cards;

- Manage supporting activities for publishing in conformity to the legal rules;

- Agree on appointment, dismissal of Directors, Editorial Heads of publishers;

- Providing standards, qualifications, technical skills of heads of publishers and editors.

### ***Foreign information***

- Execute the state management on foreign information in cooperation with the Ministry of Foreign Affairs and concerned ministries, sectors;

- Build and implement strategies, master plans, plans, programs on foreign information services;

- Give guidance on foreign information content to press, news agencies of Viet Nam; Give guidance on foreign information management to provincial Department of Information and Communications.

### ***Advertising***

Execute the management on advertising on press, on the networks, on publications or integrated on posts, telecommunications, information technology products and services under the legal rules; Grant, extend, modify, supplement, revoke advertising programs and channels to audio and visual press.

### ***Posts***

- Give guidance, direct, organize the implementation of implement plans, strategies, programs, projects on the postal sector, mechanisms, policies on postal operations, a list of universal postal services and solutions to support operators which are specified to provide public postal services;

- Regulate postal charges and tariffs for universal postal services, reserved services' extension, set technical standards on postal operations;

- Grant, extend, modify, supplement, suspend, revoke licenses on importing postage stamps, postal licenses, postal operation certificates;

phép bưu chính, xác nhận thông báo hoạt động bưu chính theo quy định của pháp luật;

- Quản lý về an toàn thông tin trong hoạt động bưu chính; về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực bưu chính;

- Quy định và quản lý về tem bưu chính;

- Quy định và quản lý về mạng bưu chính công cộng; việc cung ứng dịch vụ bưu chính công ích;

- Quy định và quản lý về bộ mã bưu chính quốc gia, bộ mã số tem bưu chính Việt Nam;

- Quy định và quản lý chất lượng, giá cước dịch vụ bưu chính.

### **Về viễn thông**

- Hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra thực hiện quy hoạch về phát triển viễn thông và Internet; cơ chế, chính sách phát triển viễn thông và Internet; quản lý thị trường viễn thông và tổ chức thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

- Thẩm định nội dung các báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi các chương trình, dự án, đề án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông và Internet theo thẩm quyền;

- Hướng dẫn và quản lý về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực viễn thông và Internet;

- Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm đình chỉ, đình chỉ và thu hồi các loại giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật;

- Ban hành và tổ chức thực hiện quy hoạch, quy định quản lý kho số và tên miền, địa chỉ Internet; các quyết định phân bổ, thu hồi kho số và tên miền, địa chỉ Internet;

- Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về quản lý giá, cước các dịch vụ viễn thông và Internet; bảo vệ quyền lợi người sử dụng dịch vụ viễn thông và Internet;

- Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về quản lý kết nối các mạng viễn thông;

- Ban hành theo thẩm quyền tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; thực hiện quản lý chất lượng sản phẩm, thiết bị, mạng, dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông và Internet;

- Quản lý việc thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

- Hướng dẫn việc xây dựng và triển khai quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động;

- Quản lý hệ thống đo kiểm chuyên ngành viễn thông;

- Thiết lập, quản lý, vận hành, khai thác đảm bảo an toàn hệ thống máy chủ tên miền quốc gia, trạm trung chuyển Internet quốc gia.

### **Về công nghệ thông tin, điện tử (bao gồm công nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin)**

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy hoạch, chương trình, đề án, dự án về công nghệ thông tin, điện tử; các cơ chế, chính sách, các quy định quản lý hỗ trợ phát triển công nghiệp phần mềm, công nghiệp phần cứng, công nghiệp điện tử, công nghiệp nội dung số, dịch vụ công nghệ thông tin; danh mục và quy chế khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia; quy chế quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn nhà nước;

- Ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách quản lý, các quy định liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia;

- Cấp, gia hạn, sửa đổi bổ sung, tạm đình chỉ, đình chỉ và thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về công nghệ thông tin, điện tử; thực hiện quản lý chất lượng trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ, mạng máy tính và sản phẩm, thiết bị công nghệ thông tin, điện tử;

- Regulate and manage security, competition in postal operations and resolve disputes in the field of posts;

- Regulate and manage postage stamps;

- Regulate and manage public postal network and the provision of public utility postal service;

- Regulate and manage national postal codes, postage stamp codes of Viet Nam;

- Regulate and manage the quality and charges of postal services.

### **Telecommunications**

- Give guidance, organize and inspect master plans on development of telecommunications and Internet; frameworks, policies on development of telecommunications and Internet; manage the telecommunications and Internet market and implement programs on providing public utility telecommunication service;

- Appraise pre-feasibility and feasibility study reports of programs, projects on investment and development of telecommunications and Internet infrastructure under MIC's power;

- Give guidance and manage the competition and resolve disputes in the fields of telecommunications and Internet.

- Grant, extend, modify, supplement, suspend and revoke licenses on telecommunications;

- Issue and organize the implementation of master plans, regulations on management of the number storage, Internet domains and addresses; decisions on allocating and revoking the number storage, Internet domains and addresses;

- Issue and organize the implementation of regulations on management of telecommunication and Internet service charges; protect rights of telecommunication and Internet service users;

- Issue and organize the implementation of regulations on management of telecommunication internetworking;

- Issue standards, technical regulations; manage the quality of products, equipment, networks, services in the fields of telecommunications and Internet;

- Manage the provision of public utility telecommunication service;

- Give guidance on building and implementing master plans on passive telecommunication infrastructure;

- Manage test systems on telecommunications;

- Set, manage, operate, exploit and ensure the safety of servers with national domains and national Internet interchanges.

### **Information technology, electronics (including IT industry, IT use and information security)**

- Give guidance, assign, and organize the implementation of projects in the field of information technology, electronics; Provide frameworks, policies on supporting for the development of hardware, software and digital content industries; Provide lists and regulations on national databases and on investment management in the field of information technology application using the state budget;

- Promulgate mechanisms, policies, regulations relating information technology, electronics products and services, national databases;

- Grant, extend, modify, supplement, suspend, revoke licenses, certificates on information technology, electronics; Manage the quality in the operations of information technology application, the provision of services, computer networks and information technology, electronics products, equipment;

- Chủ trì, phối hợp xây dựng chính sách hỗ trợ về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin; chuẩn nhân lực công nghệ thông tin, các chứng chỉ, chứng nhận chuyên ngành liên quan về công nghệ thông tin;

- Tổ chức xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử gắn kết với chương trình cải cách hành chính;

- Quản lý chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, điện tử; khung tương hợp Chính phủ điện tử và kiến trúc chuẩn hệ thống thông tin quốc gia;

- Thực hiện chức năng tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp;

- Quy định và quản lý về an toàn thông tin; bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin và Internet; bảo đảm an toàn thông tin cho các hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; phòng, chống thư rác; tổ chức thực hiện chức năng quản lý, điều phối các hoạt động ứng cứu sự cố máy tính trong toàn quốc;

- Quy định và quản lý các hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu sản phẩm và dịch vụ an toàn thông tin theo quy định của pháp luật; tổ chức kiểm định, đánh giá cấp chứng nhận về an toàn thông tin;

- Xây dựng và tổ chức vận hành các hệ thống đảm bảo an toàn thông tin; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về an toàn thông tin.

### **Về thông tin điện tử**

- Ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các quy định về dịch vụ trò chơi điện tử và dịch

vụ cung cấp thông tin, ứng dụng trên mạng viễn thông, mạng Internet;

- Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm đình chỉ, đình chỉ và thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận về thông tin điện tử.

### **Về tần số vô tuyến điện**

- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy hoạch truyền dẫn phát sóng; quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phân chia băng tần phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh trình Thủ tướng phê duyệt;

- Ban hành quy hoạch băng tần, quy hoạch phân kênh tần số, quy hoạch sử dụng kênh tần số, quy định về điều kiện phân bổ, ấn định và sử dụng tần số vô tuyến điện, băng tần số vô tuyến điện;

- Ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn về thiết bị vô tuyến điện, các tiêu chuẩn, quy chuẩn về phát xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ;

- Quy định về điều kiện kỹ thuật, điều kiện khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép, quy định điều kiện kỹ thuật (tần số, công suất phát) cho các thiết bị vô tuyến điện trước khi sản xuất hoặc nhập khẩu để sử dụng tại Việt Nam;

- Quy định về việc đào tạo và cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên;

- Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm đình chỉ, đình chỉ và thu hồi các loại giấy phép tần số vô tuyến điện;

- Kiểm tra, kiểm soát tần số và thiết bị vô tuyến điện, xử lý nhiễu có hại; quản lý tương thích điện từ đối với các thiết bị và hệ thống thiết bị vô tuyến điện;

- Đăng ký tần số quốc tế, phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh.

- Building policies on supporting for training, development of information technology human resources; standards on information technology workforce, concerned certificates on information technology;

- Organize the construction of information technology infrastructure for information technology application, facilitating E-Government development in combination with administrative reform programs;

- Manage programs on information technology, electronics application and development; frameworks and the standard structures of information systems;

- Organize the provision of national digital signature services;

- Examine, evaluate, rank the level of information technology application in state agencies, organizations and enterprises;

- Regulate and manage information security; assure information security for information systems and on the Internet; assure information security for the operations of information technology application; spam prevention; organize the management, coordination of nationwide computer troubleshooting;

- Regulate and manage the production, sales, import and export of information security products and services; accredit, evaluate and issue licences on information security;

- Build and operate systems for information security assurance; train, foster, raise the awareness of information security.

### ***Electronic information***

- Issue and organize the implementation of regulations on games online services and services

for providing information and applications on the telecommunication and Internet network;

- Grant, extend, modify, supplement, suspend, revoke licenses, certificates on electronic information.

### ***Radio frequencies***

- Give guidance, organize the implementation of master plans on transmission, broadcasting; master plans on national frequency range which are approved by the Prime Minister;

- Allocate frequency bands in cooperation with the Ministry of National Defense, Ministry of Public Security for the purpose of defense, security to be submitted to the Prime Minister;

- Promulgate master plans on frequency bands, frequency channels, using frequency channels, regulations on conditions to allocate, specify, use radio frequencies, radio frequency bands;

- Promulgate standards, regulations on radio equipment, radio emissivity on electromagnetic compatibility;

- Promulgate technical regulations on technical conditions of license-free radio equipment, technical regulations (on frequencies, broadcasting capacity) of radio equipment before being manufactured or imported to reuse in Viet Nam;

- Promulgate regulations on training and certificating radio operators;

- Grant, extend, modify, supplement, suspend, revoke licenses on radio frequencies;

- Examine, control frequencies, and radio equipment, handle detrimental noises; manage electromagnetic compatibility and radio equipment systems;

- Register international frequencies, cooperate internationally on radio frequency and satellite orbits.

**Về thông tin cơ sở**

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch về hoạt động thông tin tuyên truyền;
- Xây dựng hoặc thẩm định các nội dung thông tin tuyên truyền thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ theo đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện;
- Phối hợp hướng dẫn xây dựng và tổ chức hệ thống thông tin tuyên truyền cơ sở trên phạm vi cả nước.

**Về hạ tầng thông tin và truyền thông**

- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh hạ tầng thông tin và truyền thông;
- Ban hành theo thẩm quyền các giải pháp bảo đảm an toàn hạ tầng thông tin và truyền thông, an ninh thông tin; các cơ chế, chính sách, quy định về sử dụng chung hạ tầng thông tin và truyền thông;
- Quản lý về an toàn thiết bị, cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định của pháp luật; phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an bảo đảm an ninh, an toàn các công trình trọng điểm liên quan đến an ninh quốc gia trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin.

**Sở hữu trí tuệ**

Phối hợp và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm báo chí, chương trình phát thanh, truyền hình đã mã hóa, xuất bản phẩm, tem bưu chính, sản phẩm và dịch vụ công

nghệ thông tin và truyền thông; đối với các phát minh, sáng chế thuộc các ngành, lĩnh vực quản lý của Bộ.

**3. SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ được quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTTTT-BNV ngày 30/6/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

**3.1 Cơ cấu tổ chức**

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và Phó Giám đốc.
- Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ:
  - + Các tổ chức được thành lập thống nhất ở các Sở Thông tin và Truyền thông gồm: Văn phòng, Thanh tra, Phòng Kế hoạch - Tài chính;
  - + Các phòng được thành lập phù hợp với đặc điểm của từng địa phương để quản lý các lĩnh vực: Bưu chính; Viễn thông; Công nghệ thông tin; Báo chí và Xuất bản;
- Các đơn vị sự nghiệp:
  - Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông
  - Các tổ chức sự nghiệp khác (nếu có)

**3.2 Chức năng, nhiệm vụ**

Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông tại địa phương ■

**Domestic information**

- Give guidance, direct, organize the implementation of master plans, plans on communication and propagandization;

- Build and appraise, give guidance on the implementation of contents for communication and dissemination under MIC's functions and duties in conformity with guidelines of the Party, policies of the State;

- Support to give guidance on building and organizing communication and propagandization systems throughout the country.

**Information and communications infrastructure**

- Give guidance, implement legal rules on information security assurance on information and communications infrastructure;

- Promulgate solutions on information security assurance and safety on information and communications infrastructure; Provide mechanisms, policies, regulations on using shared information and communications infrastructure;

- Manage the safety of equipment, telecommunications infrastructure; cooperate with the Ministry of National Defense, Ministry of Public Security to assure information security for key works relating to national security in the fields of telecommunications and information technology.

**Intellectual property**

Cooperate and organize the implementation of the regulations on intellectual property to press products, encrypted broadcasting programs, publications, postage stamps, information technology

products and services; to inventions, patents belonging to the fields, sectors managed by MIC.

**3. PROVINCIAL DEPARTMENTS OF INFORMATION AND COMMUNICATIONS**

Provincial Departments of Information and Communications implement the organizational structure and functions, duties regulated in the Joint Circular No. 03/2008/TTLT-BTTTT-BNV dated June 30<sup>th</sup> in 2008 of the Ministry of Information and Communications and the Ministry of Home Affairs as follows:

**3.1 Organizational Structure**

- Leaders: Director and Deputy Directors.

- Functional units:

- + Fixed divisions such as Office, Inspectorate, Planning and Finance.

- + Functional divisions such as Posts, Telecommunications, Information Technology, Press and Publishing.

- Member units:

- + Information and Communication Technology Center.

- + Others (if available).

**3.2 Functions and duties**

The Provincial Department of Information and Communications is a functional agency under the Provincial People's Committee, which implements the functions of state management on information and communications in the province ■





# ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

## Information Technology Application in State Agencies



## 1. HẠ TẦNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

		2009	2010	2011	2012	2013
<b>1.1</b>	<b>Tỷ lệ máy vi tính trên tổng số cán bộ công chức (%)</b>					
	- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	81,41	88,50	90,70	87,86	86,72
	- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	55,87	63,19	67,50	85,69	89,70
<b>1.2</b>	<b>Tỷ lệ máy vi tính có kết nối Internet (%)</b>					
	- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	69,78	88,37	94,29	93,40	93,31
	- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	71,47	85,53	88,00	90,96	97,20
<b>1.3</b>	<b>Tỷ lệ các cơ quan nhà nước có trang/cổng thông tin điện tử (%)</b>					
	- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	27/30	28/30	29/30	30/30	30/30
	- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	61/63	62/63	63/63	63/63	63/63
<b>1.4</b>	<b>Tỷ lệ cơ quan nhà nước có đơn vị chuyên trách về CNTT (%)</b>					
	- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	-	100	100	100	100
	- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	-	100	100	100	100
<b>1.5</b>	<b>Tỷ lệ cơ quan nhà nước có mạng nội bộ (LAN, Intranet, Extranet) (%)</b>					
	- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	-	100	100	100	100
	- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	-	100	100	100	100

## 2. DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

		2009	2010	2011	2012	2013
<b>2.1</b>	<b>Tổng số dịch vụ công trực tuyến</b>					
	- Mức 1 & 2	51.512	93.228	98.439	101.995	101.829
	- Mức 3	263	775	860	1.662	2.366
	- Mức 4	0	4	11	9	111
<b>2.2</b>	<b>Tổng số dịch vụ công trực tuyến tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ</b>					
	- Mức 1 & 2	1.977	4.841	3.437	3.726	4.009
	- Mức 3	9	27	31	53	108
	- Mức 4	0	1	3	4	55
<b>2.3</b>	<b>Tổng số dịch vụ công trực tuyến tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</b>					
	- Mức 1 & 2	49.535	88.387	95.002	98.269	97.820
	- Mức 3	254	748	829	1.609	2.258
	- Mức 4	0	3	8	5	56

Ghi chú: "-": Không có số liệu

## 1. INFRASTRUCTURE FOR IT APPLICATION IN STATE AGENCIES

		2009	2010	2011	2012	2013
<b>1.1</b>	<b>Ratio of computers over administrative officials (%)</b>					
	- Ministries and ministerial-level agencies	81.41	88.50	90.70	87.86	86.72
	- Provincial agencies	55.87	63.19	67.50	85.69	89.70
<b>1.2</b>	<b>Ratio of computers with Internet access (%)</b>					
	- Ministries and ministerial-level agencies	69.78	88.37	94.29	93.40	93.31
	- Provincial agencies	71.47	85.53	88.00	90.96	97.20
<b>1.3</b>	<b>Ratio of state agencies with a website/portal (%)</b>					
	- Ministries and ministerial-level agencies	27/30	28/30	29/30	30/30	30/30
	- Provincial agencies	61/63	62/63	63/63	63/63	63/63
<b>1.4</b>	<b>Ratio of state agencies with information technology unit (%)</b>					
	- Ministries and ministerial-level agencies	-	100	100	100	100
	- Provincial agencies	-	100	100	100	100
<b>1.5</b>	<b>Ratio of state agencies with internal network (LAN, Intranet, Extranet) (%)</b>					
	- Ministries and ministerial-level agencies	-	100	100	100	100
	- Provincial agencies	-	100	100	100	100

## 2. ONLINE PUBLIC SERVICES

		2009	2010	2011	2012	2013
<b>2.1</b>	<b>Total number of online public services</b>					
	- Level 1 & 2	51,512	93,228	98,439	101,995	101,829
	- Level 3	263	775	860	1,662	2,366
	- Level 4	0	4	11	9	111
<b>2.1</b>	<b>Number of online public services in ministries and ministerial-level agencies</b>					
	- Level 1 & 2	1,977	4,841	3,437	3,726	4,009
	- Level 3	9	27	31	53	108
	- Level 4	0	1	3	4	55
<b>2.2</b>	<b>Number of online public services in provincial agencies</b>					
	- Level 1 & 2	49,535	88,387	95,002	98,269	97,820
	- Level 3	254	748	829	1,609	2,258
	- Level 4	0	3	8	5	56

Note: "-": No data

### 3. NHÂN LỰC CNTT TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

		2012	2013
<b>3.1</b>	<b>Tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ</b>		
3.1.1	Tỷ lệ trung bình số đơn vị trực thuộc có cán bộ chuyên trách về CNTT (%)	61,67	58,24
3.1.2	Số cán bộ chuyên trách về CNTT trung bình tại các đơn vị thuộc, trực thuộc có cán bộ chuyên trách CNTT (người)	2,69	7,00
<b>3.2</b>	<b>Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</b>		
3.2.1	Tỷ lệ trung bình số đơn vị thuộc, trực thuộc có cán bộ chuyên trách về CNTT (%)	82,45	86,79
3.2.2	Số cán bộ chuyên trách về CNTT trung bình tại các đơn vị thuộc, trực thuộc có cán bộ chuyên trách CNTT (người)	2,19	2,31
3.2.3	Tỷ lệ trung bình số ủy ban nhân dân cấp quận, huyện có cán bộ chuyên trách về CNTT (%)	85,73	88,16
3.2.4	Số cán bộ chuyên trách về CNTT trung bình tại các ủy ban nhân dân cấp quận, huyện có cán bộ chuyên trách CNTT (người)	1,91	2,12

### 4. CÁC QUY HOẠCH, CHIẾN LƯỢC, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH VỀ ỨNG DỤNG CNTT/ CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ

- Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015 (Quyết định số 1605/QĐ -TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

### 3. ICT WORKFORCE IN STATE AGENCIES

		2012	2013
<b>3.1</b>	<b>In ministries and ministerial level agencies</b>		
3.1.1	Average ratio of a number of units of ministries and ministerial level agencies which have employees in charge of ICT (%)	61.67	58.24
3.1.2	Average number of employees in charge of ICT in the units of ministries and ministerial level agencies (people)	2.69	7.00
<b>3.2</b>	<b>In provincial agencies</b>		
3.2.1	Average ratio of a number of units of provincial agencies which have employees in charge of ICT (%)	82.45	86.79
3.2.2	Average number of employees in charge of ICT in the units of provincial agencies which have employees in charge of ICT (people)	2.19	2.31
3.2.3	Average ratio of a number of district-level people's committees which have employees in charge of ICT per provincial agencies (%)	85.73	88.16
3.2.4	Average number of employees in charge of ICT in district-level people's committees (people)	1.91	2.12

### 4. NATIONAL MASTER PLANS, STRATEGIES, PROGRAMS, PLANS ON IT APPLICATION/ E-GOVERNMENT

- National program on information technology application in the operations of state agencies during the period 2011-2015 (Prime Minister's Decision No. 1605/QĐ-TTg dated Aug 27<sup>th</sup>, 2010).



VERIFIED

CATEGORY 5 MPR

CATEGORY 5 MPR



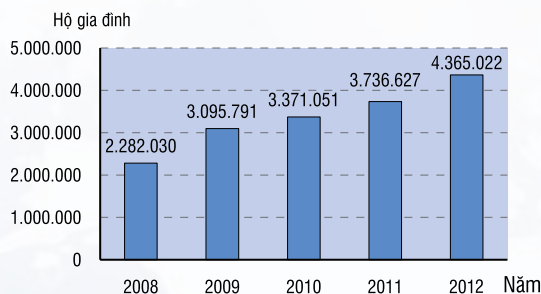
# CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

## Information Technology Industry

## 1. HẠ TẦNG CNTT

TT	Số liệu	2009	2010	2011	2012
1.1*	Số lượng máy vi tính cá nhân để bàn, xách tay đang sử dụng	4.880.800	5.319.000	5.899.830	6.980.353
1.2*	Số máy vi tính cá nhân/100 dân	5,63	6,08	6,68	7,86

### 1.3 Số hộ gia đình có máy vi tính\*



### 1.4 Số hộ gia đình có máy tính/100 hộ gia đình\*



Nguồn: Tổng cục Thống kê

### 1.5 Các khu CNTT tập trung

		2012	2013
1.5.1	Số lượng các khu CNTT tập trung	07	08
1.5.2	Tổng quỹ đất	710.593,3 m <sup>2</sup>	794.142,3 m <sup>2</sup>
1.5.3	Tổng diện tích văn phòng làm việc	263.102 m <sup>2</sup>	283.156 m <sup>2</sup>
1.5.4	Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trong các khu CNTT tập trung	trên 200	gần 300
1.5.5	Tổng số nhân lực CNTT đang làm việc trong các khu CNTT tập trung	trên 36.000 người	trên 46.000 người

## 2. TỔNG SỐ DOANH NGHIỆP ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP CNTT (DOANH NGHIỆP)

		2009	2010	2011	2012	2013
2.1	Công nghiệp phần cứng	992	1.273	2.763	2.431	2.485
2.2	Công nghiệp phần mềm	1.756	2.958	7.044	7.246	6.832
2.3	Công nghiệp nội dung số	2.844	2.312	3.289	3.883	4.498

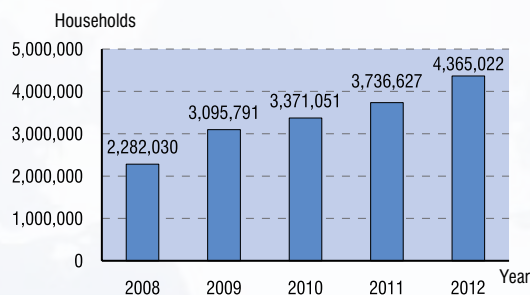
Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ghi chú: "\*" Không có số liệu năm 2013

## 1. INFORMATION TECHNOLOGY INFRASTRUCTURE

TT	Data	2009	2010	2011	2012
1.1*	Number of desktop, laptop computers in use	4,880,800	5,319,000	5,899,830	6,980,353
1.2*	Personal computers per 100 inhabitants	5.63	6.08	6.68	7.86

### 1.3 Households with computers\*



### 1.4 Households with computers per 100 households\*



Source: General Statistics Office

### 1.5 Information technology parks

		2012	2013
1.5.1	Number of IT parks	07	08
1.5.2	Total size of land	710,593.3 m <sup>2</sup>	794,142.3 m <sup>2</sup>
1.5.3	Total size of office space	263,102 m <sup>2</sup>	283,156 m <sup>2</sup>
1.5.4	Total number of enterprises IT parks	over 200	nearly 300
1.5.5	Total number of IT employees in IT parks	over 36,000 people	over 46,000 people

## 2. TOTAL NUMBER OF REGISTERED ENTERPRISES IN THE IT INDUSTRY SECTOR (ENTERPRISES)

		2009	2010	2011	2012	2013
2.1	Hardware industry	992	1,273	2,763	2,431	2,485
2.2	Software industry	1,756	2,958	7,044	7,246	6,832
2.3	Digital content industry	2,844	2,312	3,289	3,883	4,498

Source: Authority of Business Registration Management, Ministry of Planning and Investment

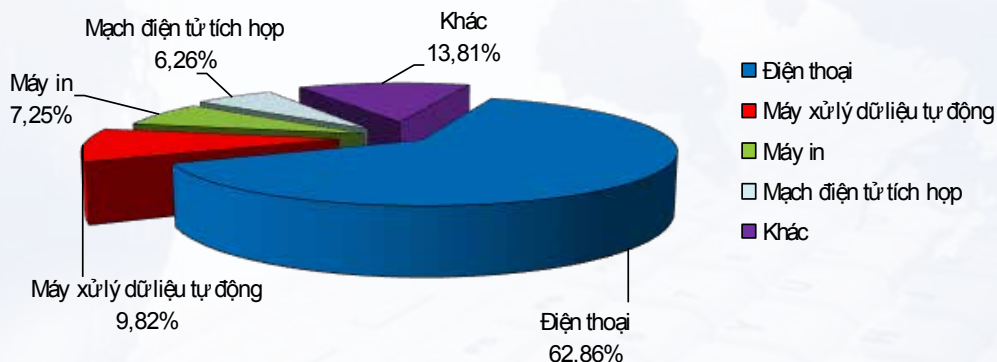
Note: \*\*\* No data in 2013

### 3. THỊ TRƯỜNG CNTT

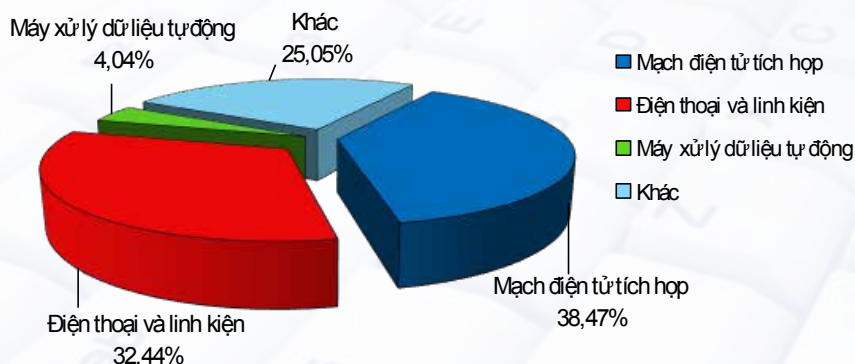
3.1	Doanh thu công nghiệp CNTT (triệu USD)	2009	2010	2011	2012	2013	Tăng trưởng
3.1.1	Tổng doanh thu công nghiệp CNTT	6.167	7.629	13.663	25.458	39.530	55,3%
3.1.2	Công nghiệp phần cứng	4.627	5.631	11.326	23.015	36.762	59,7%
3.1.3	Công nghiệp phần mềm	850	1.064	1.172	1.208	1.361	12,7%
3.1.4	Công nghiệp nội dung số	690	934	1.165	1.235	1.407	13,9%

3.2	Xuất nhập khẩu CNTT (triệu USD)	2009	2010	2011	2012	2013
3.2.1	Kim ngạch xuất khẩu linh kiện, sản phẩm, thiết bị phần cứng, máy tính, điện tử	3.370	5.666	10.893	22.916	34.760
3.2.2	Kim ngạch nhập khẩu linh kiện, sản phẩm, thiết bị phần cứng, máy tính, điện tử	6.527	7.638	10.465	19.443	26.390

#### 3.2.3 Cơ cấu xuất khẩu phần cứng, điện tử năm 2013



#### 3.2.4 Cơ cấu nhập khẩu phần cứng, điện tử năm 2013



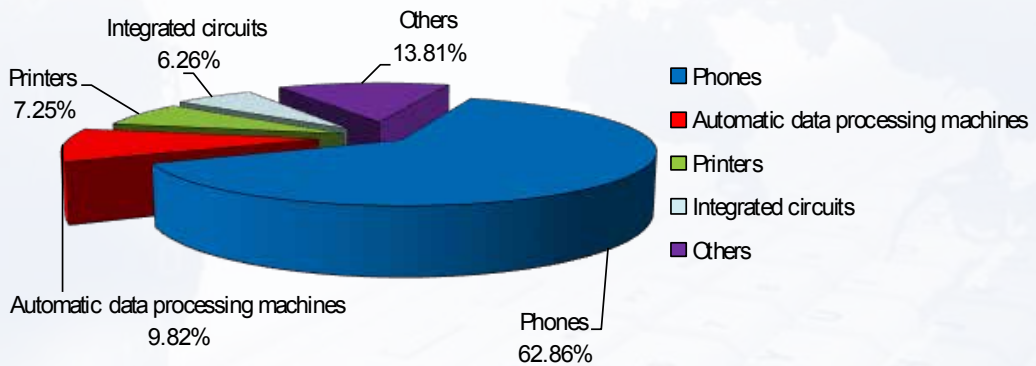
Nguồn: Tổng cục Hải quan

### 3. INFORMATION TECHNOLOGY MARKET

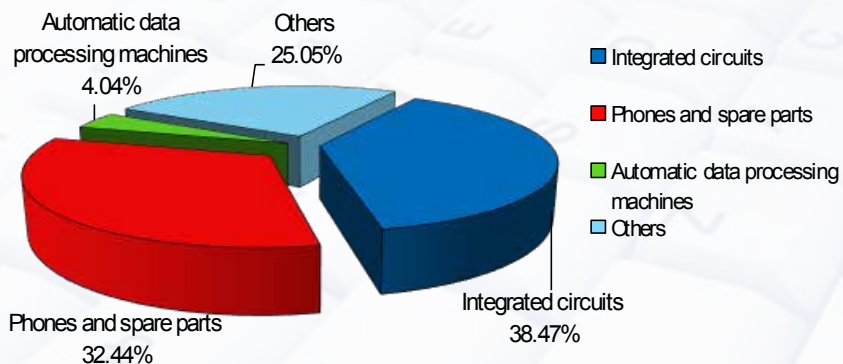
3.1	Revenue of IT industry (million USD)	2009	2010	2011	2012	2013	Growth rate
3.1.1	Total revenue of IT industry	6,167	7,629	13,663	25,458	39,530	55.3%
3.1.2	Hardware industry	4,627	5,631	11,326	23,015	36,762	59.7%
3.1.3	Software industry	850	1,064	1,172	1,208	1,361	12.7%
3.1.4	Digital content industry	690	934	1,165	1,235	1,407	13.9%

3.2	IT Import - Export (million USD)	2009	2010	2011	2012	2013
3.2.1	Spare parts, computers, electronic products equipment export turnover	3,370	5,666	10,893	22,916	34,760
3.2.2	Spare parts, computers, electronic products equipment import turnover	6,527	7,638	10,465	19,443	26,390

#### 3.2.3 Hardware, electronics export by item in 2013



#### 3.2.4 Hardware, electronics import by item in 2013



Source: General Department of Viet Nam Customs

## 4. NHÂN LỰC CÔNG NGHIỆP CNTT

4.1	Lao động lĩnh vực công nghiệp CNTT	2009	2010	2011	2012	2013
4.1.1	Tổng số lao động	226.300	250.290	306.754	352.742	441.008
4.1.2	Công nghiệp phần cứng	121.300	127.548	167.660	208.680	284.508
4.1.3	Công nghiệp phần mềm	64.000	71.814	78.894	80.820	88.820
4.1.4	Công nghiệp nội dung số	41.000	50.928	60.200	63.242	67.680

4.2	Doanh thu bình quân lĩnh vực công nghiệp CNTT (USD/người/năm)	2009	2010	2011	2012	2013
4.2.1	Công nghiệp phần cứng	38.582	44.148	67.555	110.287	129.213
4.2.2	Công nghiệp phần mềm	13.750	14.816	14.855	14.957	15.334
4.2.3	Công nghiệp nội dung số	16.829	18.339	19.352	19.615	20.789

4.3	Mức lương bình quân lĩnh vực công nghiệp CNTT (USD/người/năm)	2009	2010	2011	2012	2013
4.3.1	Công nghiệp phần cứng	1.809	2.201	2.279	2.281	2.301
4.3.2	Công nghiệp phần mềm	4.093	5.123	5.034	5.009	5.025
4.3.3	Công nghiệp nội dung số	3.505	4.896	5.267	5.201	5.268

## 5. QUY HOẠCH, CHIẾN LƯỢC, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CNTT

### 5.1 Quy hoạch, chiến lược, chương trình, kế hoạch

- Kế hoạch tổng thể phát triển công nghiệp điện tử Việt Nam đến 2010, tầm nhìn 2020 (Quyết định số 75/2007/QĐ-TTg ngày 28/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ).

- Chiến lược phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ).

### 5.2 Các đề án, dự án

- Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông” (Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

- Dự án “Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng, áp dụng quy trình sản xuất theo chuẩn CMMi”, cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Dự án “Hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn cho doanh nghiệp”, cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; thời gian triển khai: 2011-2013.

- Dự án nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy cập Internet công cộng tại Việt Nam (BMGF), cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông, thời gian thực hiện: 2011-2016.

## 4. WORKFORCE IN THE IT INDUSTRY

4.1	Number of employees	2009	2010	2011	2012	2013
4.1.1	Information technology industry sector	226,300	250,290	306,754	352,742	441,008
4.1.2	Hardware industry	121,300	127,548	167,660	208,680	284,508
4.1.3	Software industry	64,000	71,814	78,894	80,820	88,820
4.1.4	Digital content industry	41,000	50,928	60,200	63,242	67,680

4.2	Average of revenue per employee in the IT industry sector (USD/person/year)	2009	2010	2011	2012	2013
4.2.1	Hardware industry	38,582	44,148	67,555	110,287	129,213
4.2.2	Software industry	13,750	14,816	14,855	14,957	15,334
4.2.3	Digital content industry	16,829	18,339	19,352	19,615	20,789

4.3	Average of wage per employee in the IT industry sector (USD/person/year)	2009	2010	2011	2012	2013
4.3.1	Hardware industry	1,809	2,201	2,279	2,281	2,301
4.3.2	Software industry	4,093	5,123	5,034	5,009	5,025
4.3.3	Digital content industry	3,505	4,896	5,267	5,201	5,268

## 5. NATIONAL MASTER PLANS, STRATEGIES, PROGRAMS, PLANS, PROJECTS ON IT INDUSTRY DEVELOPMENT

### 5.1 Master plans, strategies, programs, plans

- National master plan on development of the electronics industry of Viet Nam to 2010, a vision toward 2020 (Prime Minister's Decision No. 75/2007/QĐ-TTg dated May 28<sup>th</sup>, 2007).

- National strategy on development of information and communication technology of Viet Nam to 2010 and orientations toward 2020 (Prime Minister's Decision No. 246/2005/QĐ-TTg dated Oct 6<sup>th</sup>, 2005).

### 5.2 Projects

- National strategy on "Transforming Viet Nam into an advanced ICT country" (Prime Minister's Decision No. 1755/QĐ-TTg dated Sep 22<sup>nd</sup>, 2010).

- Project "Supporting enterprises implementing CMMi", implementing agency: Ministry of Information and Communications.

- Project "Organizing short courses for enterprises", implementing agency: Ministry of Communications; implementation duration: 2011-2013.

- Project on improvement of computer usage and public Internet access ability in Viet Nam (BMGF), implementing agency: Ministry of Information and Communications, implementation duration: 2011-2016.





# AN TOÀN THÔNG TIN

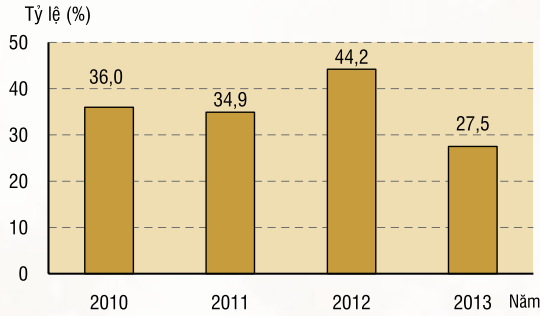
## Information Security



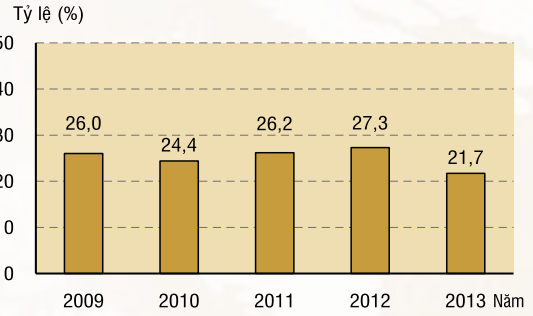
# 1. HẠ TẦNG AN TOÀN THÔNG TIN

## 1.1 Quy định đảm bảo an toàn thông tin trong các đơn vị

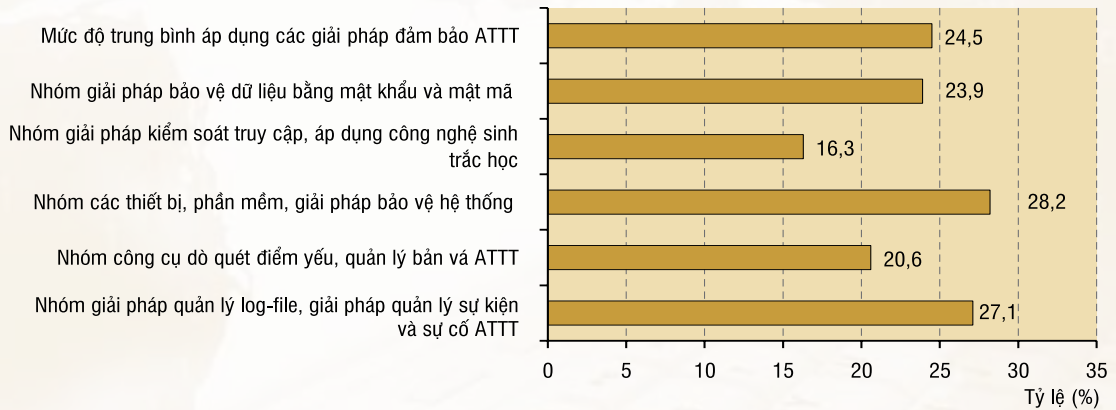
### 1.1.1 Tỷ lệ đơn vị có ban hành quy chế về an toàn thông tin đã được lãnh đạo phê duyệt



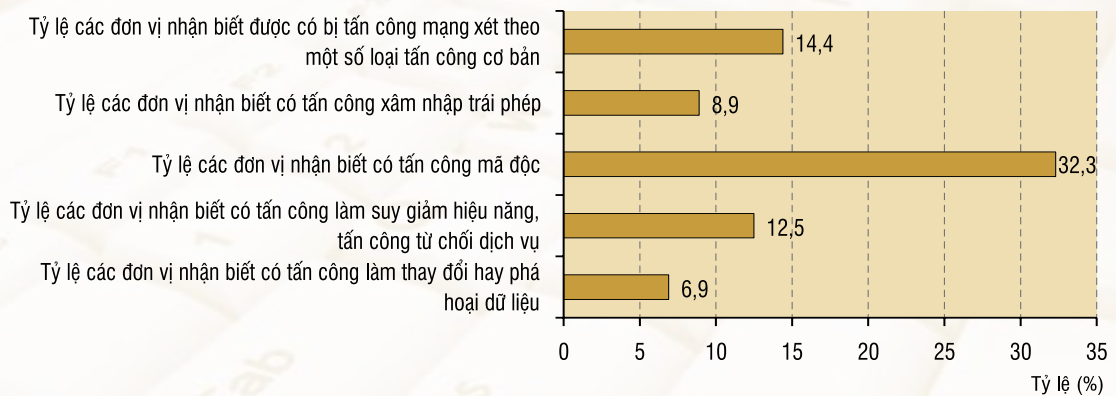
### 1.1.2 Tỷ lệ đơn vị có ban hành quy trình thao tác chuẩn phản ứng, xử lý sự cố máy tính



## 1.2 Mức độ áp dụng các giải pháp công nghệ đảm bảo an toàn thông tin



## 1.3 Tỷ lệ các đơn vị nhận biết được có bị tấn công mạng xét theo một số loại tấn công cơ bản

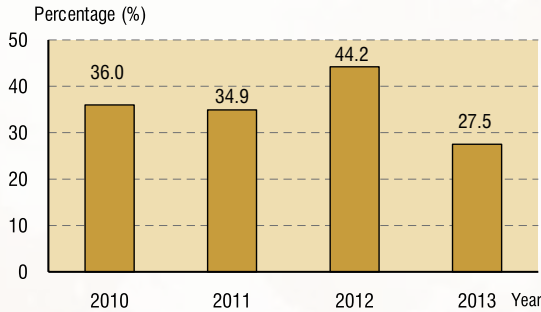


Ghi chú: Theo thống kê trên tổng số 600 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp toàn quốc năm 2013

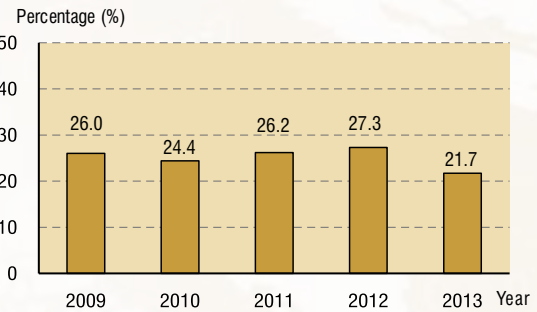
# 1. INFORMATION SECURITY INFRASTRUCTURE

## 1.1 Information security rules of organizations

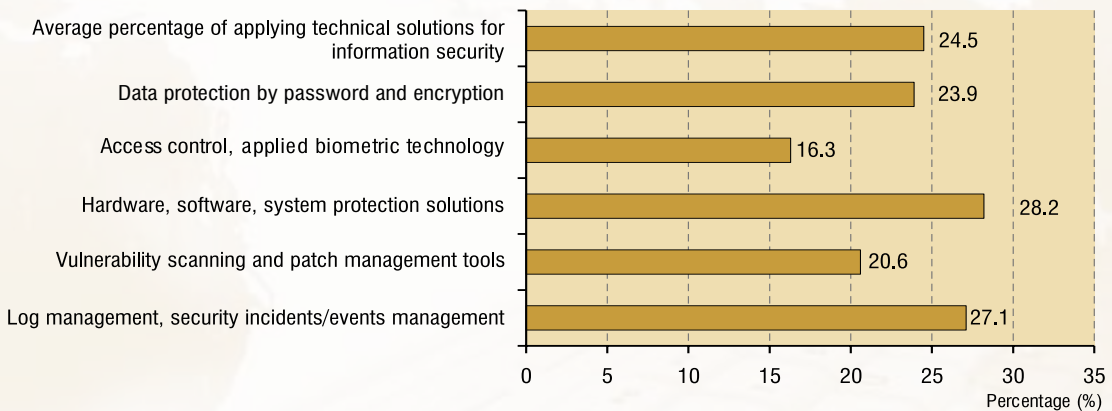
**1.1.1 Percentage of organizations that release approved and applied information security regulations**



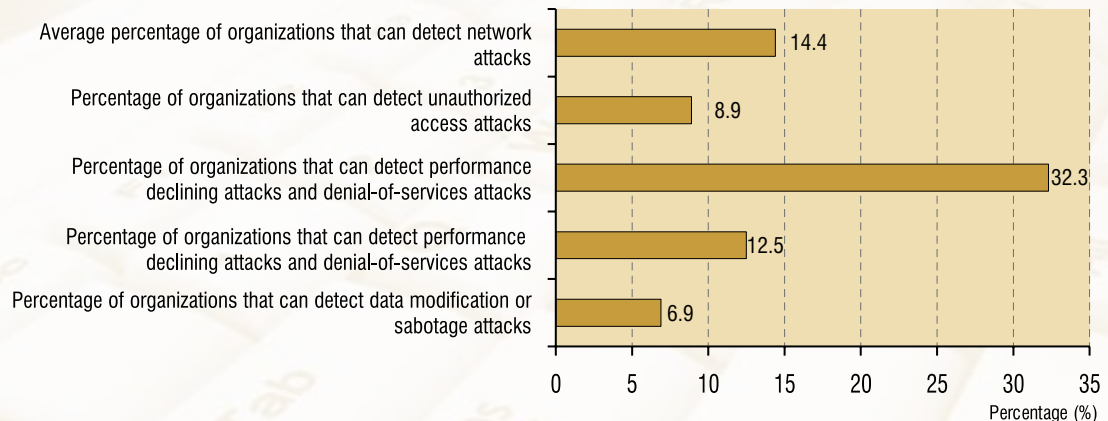
**1.1.2 Percentage of organizations that release a process of computer incident handling**



## 1.2 Percentage of applying technical solutions for information security



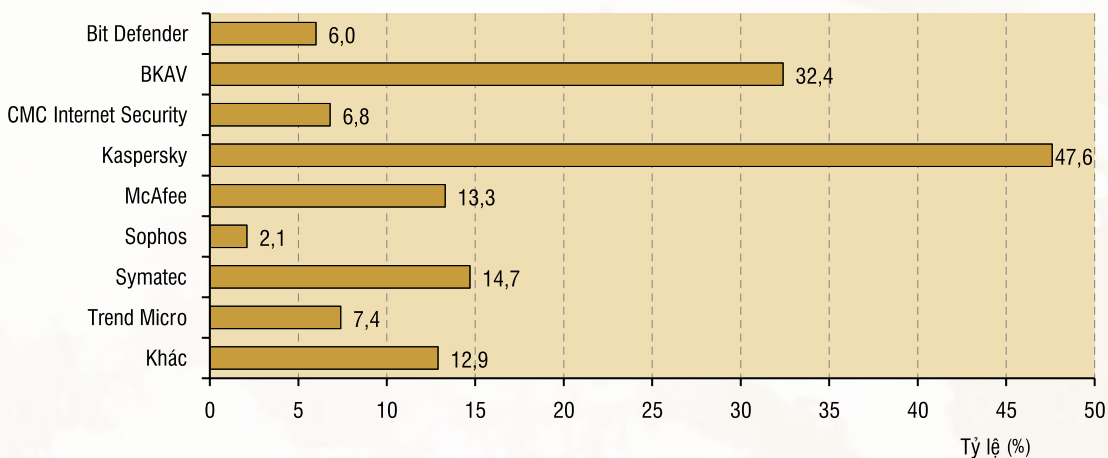
## 1.3 Percentage of organizations that can detect network attacks



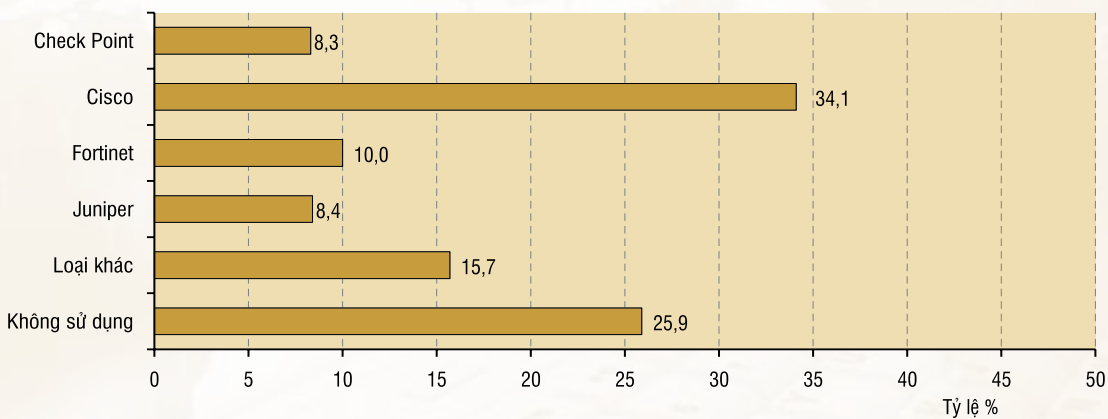
Notes: According to statistics on the total number of 600 agencies, organizations and businesses throughout the country in 2013

## 2. THỊ TRƯỜNG AN TOÀN THÔNG TIN

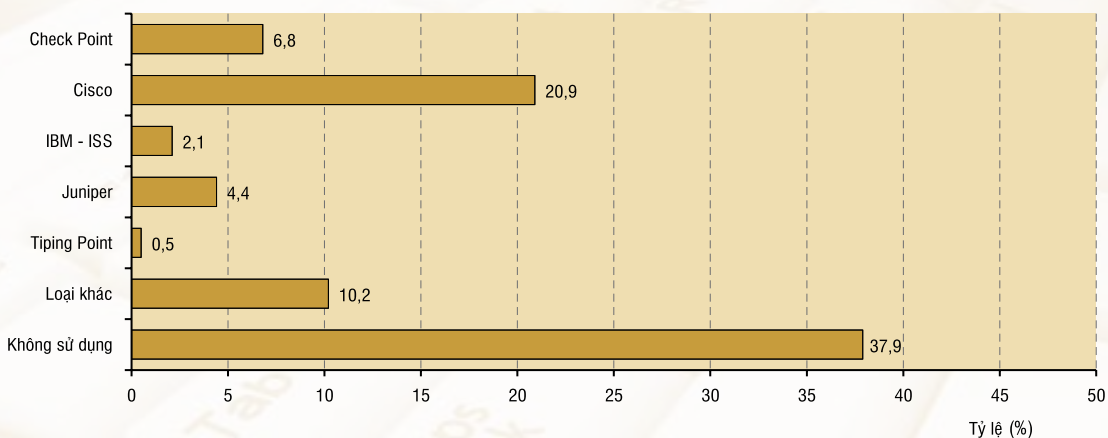
### 2.1 Tỷ lệ sử dụng các sản phẩm phần mềm diệt virus



### 2.2 Tỷ lệ sử dụng các thiết bị tường lửa



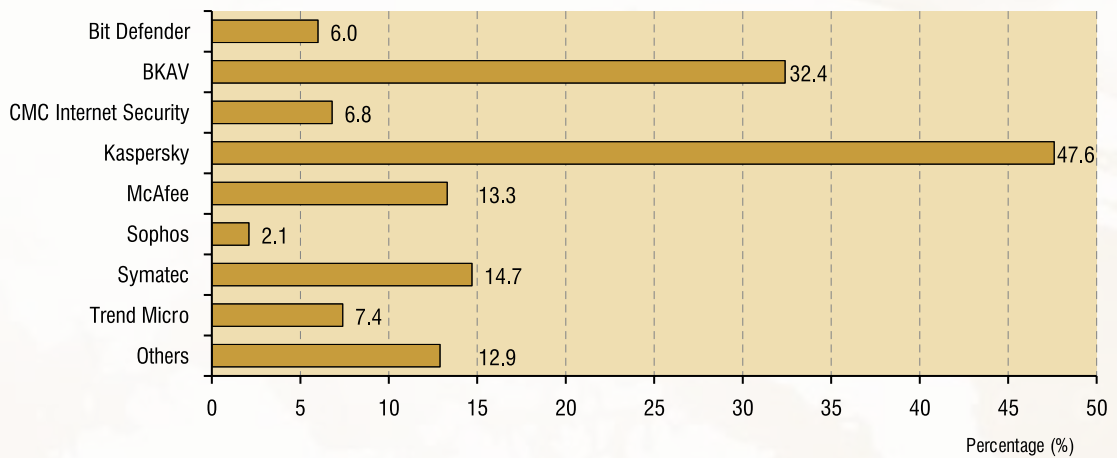
### 2.3 Tỷ lệ sử dụng các hệ thống phòng chống xâm nhập (IDS hoặc IPS)



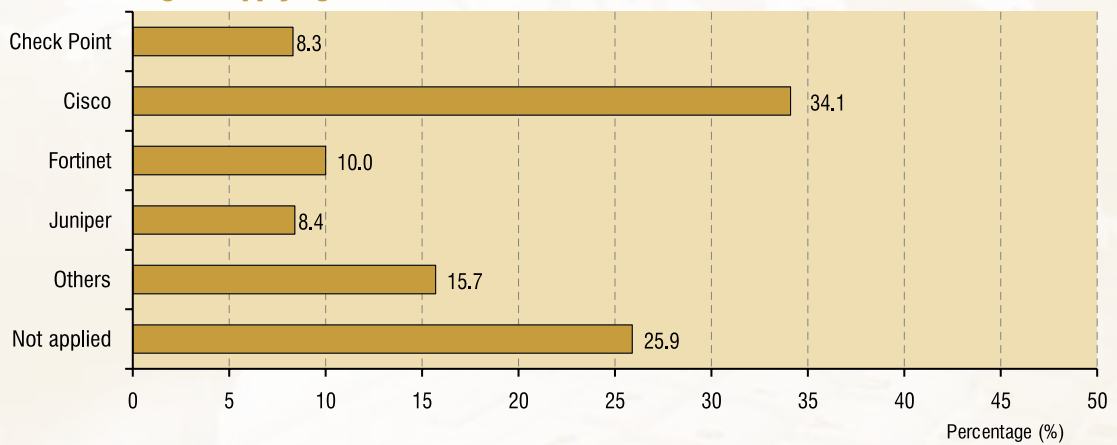
Ghi chú: Theo thống kê trên tổng số 600 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp toàn quốc năm 2013

## 2. INFORMATION SECURITY MARKET

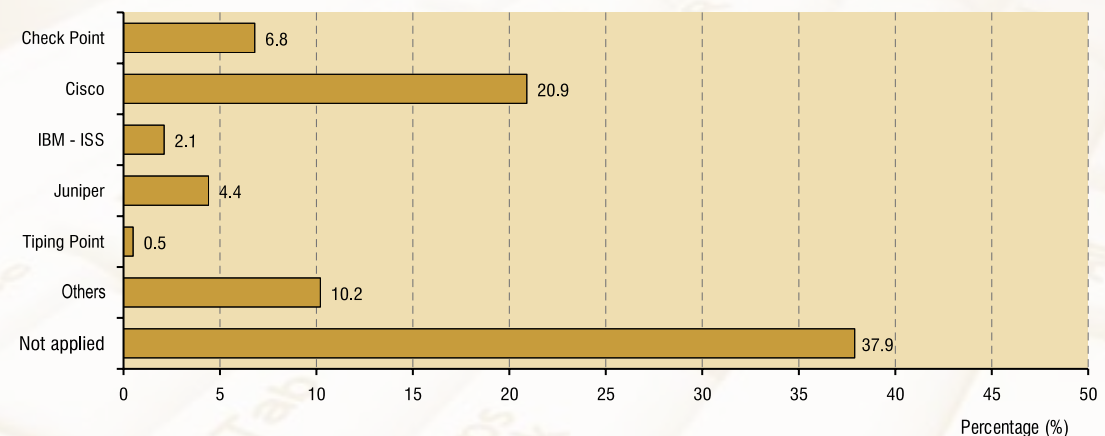
### 2.1 Percentage of applying anti-virus softwares



### 2.2 Percentage of applying firewall devices



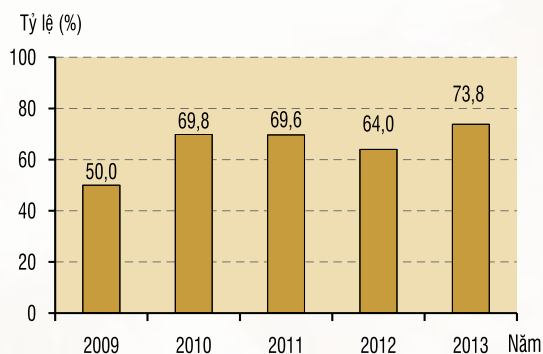
### 2.3 Percentage of apply Intrusion Detection Systems (IDS) or Intrusion Prevention Systems (IPS)



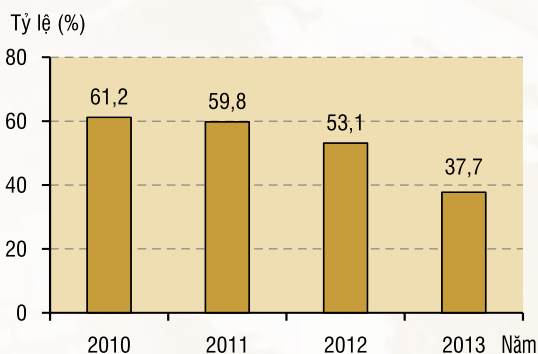
Note: According to statistics on the total number of 600 agencies, organizations and businesses throughout the country in 2013

### 3. NHÂN LỰC AN TOÀN THÔNG TIN

#### 3.1 Tỷ lệ đơn vị có cán bộ chuyên trách hoặc bán chuyên trách về ATTT



#### 3.2 Tỷ lệ đơn vị có kế hoạch đào tạo về ATTT



### 4. CÁC QUY HOẠCH, CHIẾN LƯỢC, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN

#### 4.1 Quy hoạch, chiến lược, chương trình, kế hoạch

- Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020 (Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 13/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

#### 4.2 Các đề án, dự án

- Dự án “Trung tâm hệ thống kỹ thuật an toàn mạng quốc gia”, cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông, thời gian thực hiện: 2010-2015.

- Dự án “Xây dựng Hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin quốc gia”, cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông, thời gian thực hiện: 2010-2015

- Dự án “Xây dựng Hệ thống cảnh báo, phát hiện và phòng chống tội phạm trên mạng”, cơ quan chủ trì: Bộ Công an, thời gian thực hiện: 2011- 2015.

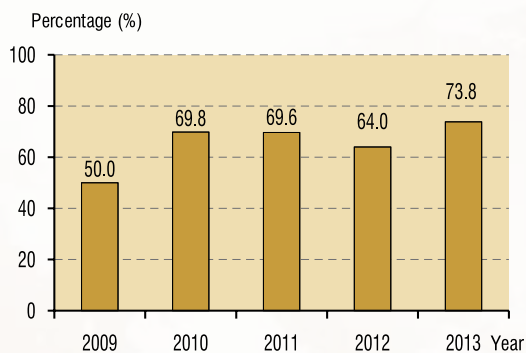
- Dự án “Xây dựng Hệ thống xác thực, bảo mật cho các hệ thống thông tin chính phủ”, cơ quan chủ trì: Ban Cơ yếu Chính phủ, thời gian thực hiện: 2011-2015.

- Dự án “Đào tạo chuyên gia an toàn thông tin cho cơ quan chính phủ và hệ thống thông tin trọng yếu quốc gia”, cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông, thời gian thực hiện: 2010-2020.

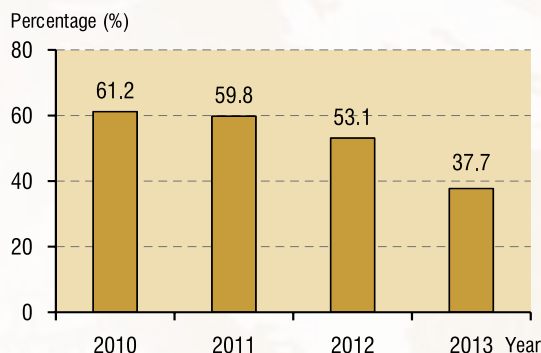
- Dự án “Xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn thông tin số trong các hoạt động giao dịch thương mại điện tử phục vụ ngành Công Thương.”, cơ quan chủ trì: Bộ Công Thương, thời gian thực hiện: 2010-2015.

### 3. INFORMATION SECURITY WORKFORCE

#### 3.1 Percentage of organizations that have employees in charge of information security



#### 3.2 Percentage of organizations that have a plan of information security training



### 4. NATIONAL MASTER PLANS, STRATEGIES, PROGRAMS, PLANS, PROJECTS ON INFORMATION SECURITY ASSURANCE

#### 4.1 Master plans, strategies, programs, plans

- National master plan of development of digital information security to 2020 (Prime Minister's Decision No. 63/QĐ-TTĐ dated Jan 13, 2010).

#### 4.2 Projects

- Project "Technical system center of national network security", implementing agency: Ministry of Information and Communications, implementation duration: 2010-2015.

- Project "Building the national system for information security evaluation and verification", agency: Ministry of Information and Communications, implementation duration: 2010-2015.

- Project "Building the system of warning, detecting and preventing cyber crimes" implementing agency: Ministry of Public Security, implementation duration: 2011-2015.

- Project "Building the system of authentication and security of government information systems" implementing agency: Government Cipher Commission, implementation duration: 2011-2015.

- Project "Training information security experts for government agencies and national key information systems", implementing agency: Ministry of Information and Communications, implementation duration: 2010-2020.

- Project "Building a system of information security assurance in the operation of e-commerce transactions for the Trade and Industry sector", implementing agency: Ministry of Industry and Trade, implementation duration: 2010-2015.





# VIỄN THÔNG, INTERNET

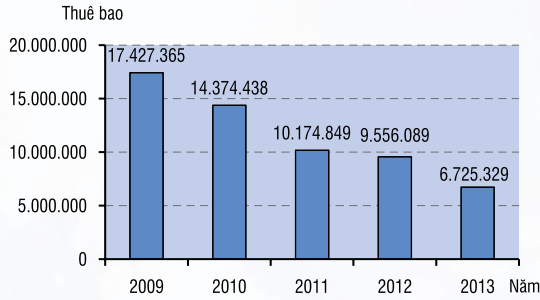
## Telecommunications, Internet



# 1. HẠ TẦNG VIỄN THÔNG, INTERNET

## 1.1 Điện thoại cố định

### 1.1.1 Số thuê bao điện thoại cố định



### 1.1.2 Số thuê bao điện thoại cố định/100 dân



### 1.1.3 Số hộ gia đình có thuê bao điện thoại cố định/100 hộ gia đình\*



### 1.1.4 Số thuê bao mạng thông tin duyên hải năm 2013: 17.623 thuê bao

Nguồn: Bộ Thông tin và Truyền thông và Tổng cục Thống kê

Ghi chú: “\*\*” Không có số liệu năm 2013

## 1.2 Điện thoại di động

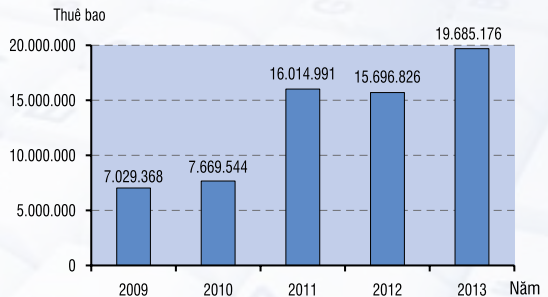
### 1.2.1 Số thuê bao điện thoại di động (2G, 3G)



### 1.2.2 Số thuê bao điện thoại di động/100 dân



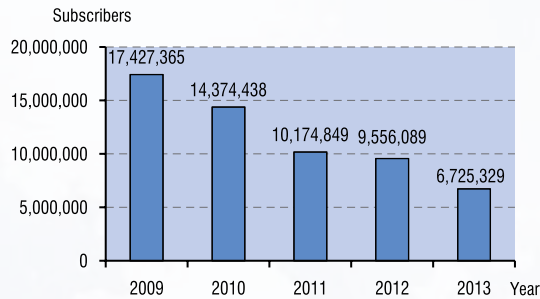
### 1.2.3 Số thuê bao điện thoại di động 3G



## 1. TELECOMMUNICATIONS, INTERNET INFRASTRUCTURE

### 1.1 Fixed - line phones

#### 1.1.1 Number of fixed-line telephone subscribers



#### 1.1.2 Number of fixed-line telephone subscribers per 100 inhabitants



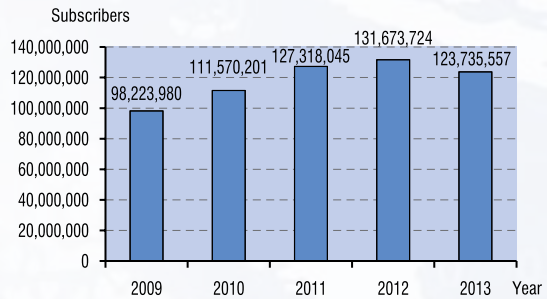
#### 1.1.3 Households with a fixed telephone line per 100 households\*



#### 1.1.4 Number of Coast Radio Station Network subscribers in 2013: 17,623 subscribers

### 1.2 Mobile phones

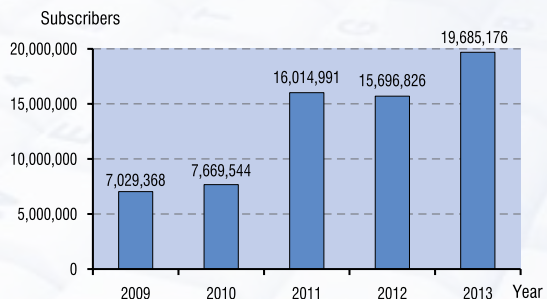
#### 1.2.1 Number of 2G and 3G mobile phone subscribers



#### 1.2.2 Number of mobile phone subscribers per 100 inhabitants



#### 1.2.3 Number of 3G mobile phone subscribers

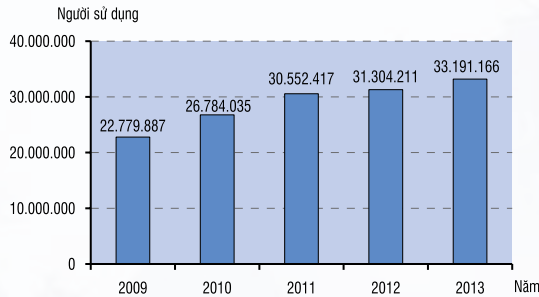


Source: Ministry of Information and Communications and General Statistics Office

Note: \*\*\* No data in 2013

### 1.3 Internet

#### 1.3.1 Số người sử dụng Internet



#### 1.3.2 Số người sử dụng Internet/100 dân



TT	Số liệu	2012	2013
1.3.3	Số thuê bao Internet băng rộng	20.103.194	22.367.357
1.3.4	Số thuê bao Internet băng rộng/100 dân	22,64	24,93
1.3.5	Số hộ gia đình có kết nối Internet	3.245.190	-
1.3.6	Số hộ gia đình có kết nối Internet/100 hộ gia đình	13,98	-
1.3.7	Số thuê bao truy nhập Internet băng rộng cố định	4.775.368	5.152.576
1.3.7.1	Số thuê bao truy nhập Internet qua hình thức xDSL	4.321.782	4.472.036
1.3.7.2	Số thuê bao truy nhập Internet qua hệ thống cáp truyền hình (CATV)	150.011	221.966
1.3.7.3	Số thuê bao truy nhập Internet qua kênh thuê riêng (thuê bao leased-line quy đổi ra 256 kbit/s)	108.516	178.447
1.3.7.4	Số thuê bao truy nhập Internet qua hệ thống cáp quang tới nhà thuê bao (FTTx)	195.059	280.127
1.3.8	Số thuê bao truy nhập Internet qua mạng di động 3G	15.327.826	17.214.781
1.3.9	Tổng băng thông kênh kết nối Internet quốc tế (Mbit/s)	350.062	640.058
1.3.10	Băng thông kênh kết nối quốc tế (bit/s)/01 người sử dụng Internet	11.726	20.221
1.3.11	Số tên miền ".vn" duy trì sử dụng	232.749	266.028
1.3.12	Số tên miền tiếng Việt duy trì sử dụng	872.755	951.613
1.3.13	Số địa chỉ Internet (IPv4) đã cấp	15.552.256	15.587.072
1.3.14	Số địa chỉ Internet (IPv6) đã cấp quy đổi theo đơn vị /64	73.015.951.360/64	77.310.918.656/64

Ghi chú: “-” Không có số liệu

## 1.3 Internet

### 1.3.1 Number of Internet users



### 1.3.2 Internet users per 100 inhabitants



No.	Data	2012	2013
1.3.3	Number of broadband Internet subscribers	20,103,194	22,367,357
1.3.4	Broadband Internet subscribers per 100 inhabitants	22.64	24.93
1.3.5	Number of households with Internet access	3,245,190	-
1.3.6	Households with personal Internet access at home per 100 households	13.98	-
1.3.7	Number of fixed (wired) broadband Internet subscribers	4,775,368	5,152,576
1.3.7.1	Number of Internet subscribers via xDSL	4,321,782	4,472,036
1.3.7.2	Number of Internet subscribers via CATV	150,011	221,966
1.3.7.3	Number of Internet subscribers via leased-line	108,516	178,447
1.3.7.4	Number of Internet subscribers via FTTx	195,059	280,127
1.3.8	Number of mobile broadband Internet subscribers via 3G network	15,327,826	17,214,781
1.3.9	Total international Internet bandwidth (Mbps)	350,062	640,058
1.3.10	International Internet bandwidth (bps) per Internet user	11,726	20,221
1.3.11	Number of “.vn” domain names in use	232,749	266,028
1.3.12	Number of Vietnamese domain names in use	872,755	951,613
1.3.13	Number of allocated IP4 addresses	15,552,256	15,587,072
1.3.14	Number of allocated IP6 addresses (unit/64)	73,015,951,360/64	77,310,918,656/64

Notes: “-” No data

## 2. SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG VÀ INTERNET

TT	Phân loại	2012	2013	Chi tiết
2.1	Số lượng doanh nghiệp được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng trên phạm vi toàn quốc	10	12	VNPT, Viettel, FPT Telecom, HTC, CMC Telecom, Gtel, Đông Dương, VTC, SPT, Vishipel, SCTV, AVG
2.2	Số lượng doanh nghiệp đã thiết lập mạng viễn thông công cộng trên phạm vi toàn quốc	9	11	VNPT, Viettel, FPT Telecom, HTC, CMC Telecom, Gtel, Đông Dương, VTC, SPT, SCTV, Vishipel
2.3	Số lượng doanh nghiệp được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông di động	6	6	VNPT (VinaPhone), VMS (MobiFone), Viettel, Gtel Mobile (GMobile), SPT (SFone), HTC (Vietnamobile)
2.4	Số lượng doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ viễn thông di động	6	6	VNPT (VinaPhone), VMS (MobiFone), Viettel, Gtel Mobile (GMobile), SPT (SFone), HTC (Vietnamobile)
2.5	Số lượng doanh nghiệp được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ 3G	4	4	VNPT (VinaPhone), VMS (MobiFone), Viettel, HTC (Vietnamobile)
2.6	Số lượng các doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ 3G	4	4	VNPT (VinaPhone), VMS (MobiFone), Viettel, HTC (Vietnamobile)
2.7	Số lượng doanh nghiệp được cấp giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông loại mạng viễn thông di động mặt đất không có hệ thống truy nhập vô tuyến (MVNO)	1	0	
2.8	Số lượng doanh nghiệp đã thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông loại mạng viễn thông di động mặt đất không có hệ thống truy nhập vô tuyến (MVNO)	0	0	
2.9	Số lượng doanh nghiệp được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ Internet	85	56	VNPT, Viettel, FPT Telecom,...
2.10	Số lượng doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ Internet	57	38	VNPT, Viettel, FPT Telecom,...

## 2. NUMBER OF TELECOMS, INTERNET SERVICE PROVIDERS

No	Classification	2012	2013	Details
2.1	Number of licensed operators in setting public telecommunication network nationwide	10	12	VNPT, Viettel, FPT Telecom, HTC, CMC Telecom, Gtel, Dong Duong, VTC, SPT, Vishipel, SCTV, AVG
2.2	Number of current operators on setting public telecommunication network nationwide	9	11	VNPT, Viettel, FPT Telecom, HTC, CMC Telecom, Gtel, Dong Duong, VTC, SPT, SCTV, Vishipel
2.3	Number of licensed 2G mobile telecoms operators	6	6	VNPT (VinaPhone), VMS (MobiFone), Viettel, Gtel Mobile (GMobile), SPT (SFone), HTC (Vietnamobile)
2.4	Number of current mobile telecoms operators	6	6	VNPT (VinaPhone), VMS (MobiFone), Viettel, Gtel Mobile (GMobile), SPT (SFone), HTC (Vietnamobile)
2.5	Number of licensed 3G mobile telecoms operators	4	4	VNPT (VinaPhone), VMS (MobiFone), Viettel, HTC (Vietnamobile)
2.6	Number of current 3G mobile operators	4	4	VNPT (VinaPhone), VMS (MobiFone), Viettel, HTC (Vietnamobile)
2.7	Number of licensed operators in setting networks and providing telecommunication services on terrestrial mobile network without wireless network infrastructure (MVNO)	1	0	
2.8	Number of current operators in setting networks and providing telecommunication services on terrestrial mobile network without wireless network infrastructure (MVNO)	0	0	
2.9	Number of licensed Internet service operators	85	56	VNPT, Viettel, FPT Telecom, etc
2.10	Number of current Internet service operators	57	38	VNPT, Viettel, FPT Telecom, etc

### 3. THỊ TRƯỜNG VIỄN THÔNG, INTERNET

#### 3.1 Doanh thu lĩnh vực viễn thông, Internet (triệu USD)

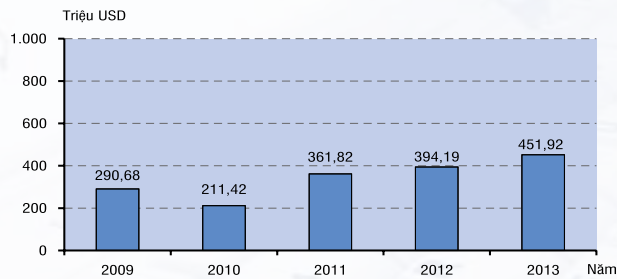
##### 3.1.1 Tổng doanh thu dịch vụ viễn thông



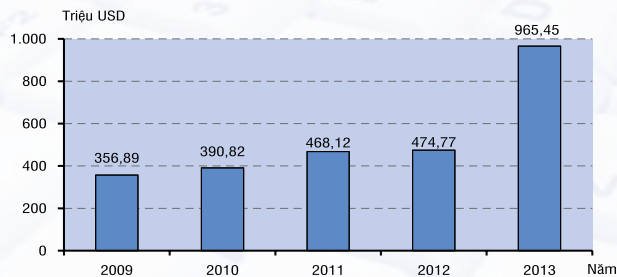
##### 3.1.2 Doanh thu dịch vụ di động



##### 3.1.3 Doanh thu dịch vụ cố định



##### 3.1.4 Doanh thu dịch vụ Internet



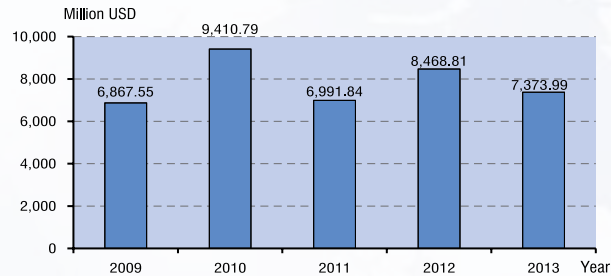
3.1.5 Doanh thu dịch vụ thông tin chuyên hải năm 2013 (triệu USD): 2,68

3.1.6 Doanh thu dịch vụ khác năm 2013 (triệu USD): 862,83

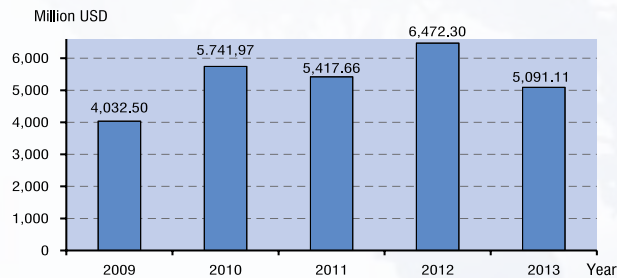
### 3. TELECOMMUNICATIONS, INTERNET MARKET

#### 3.1 Total telecommunication, Internet turnover (million USD)

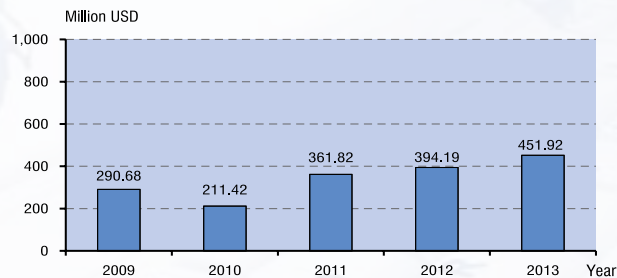
##### 3.1.1 Total telecommunication service revenue



##### 3.1.2 Mobile services revenue



##### 3.1.3 Fixed telephone services revenue



##### 3.1.4 Total Internet services revenue

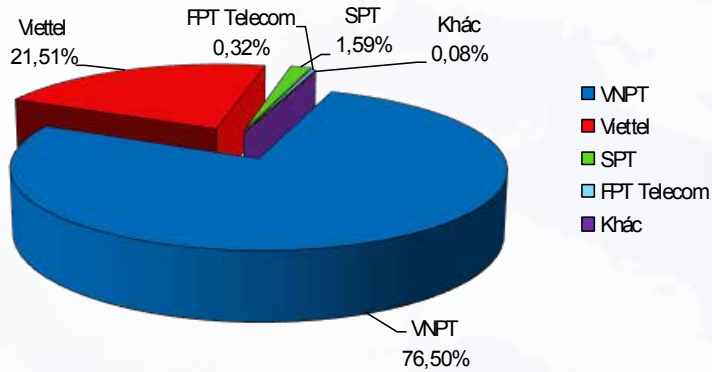


3.1.5 Coast Radio Station Network service revenue in 2013 (million USD): 2.68

3.1.6 Other telecommunication services revenue in 2013 (million USD): 862.83

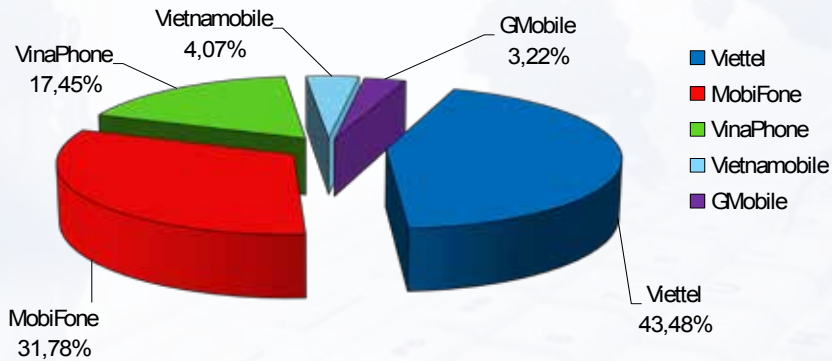
### 3.2. Thị phần (thuê bao) các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông và Internet năm 2013

#### 3.2.1 Thị phần (thuê bao) các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại cố định

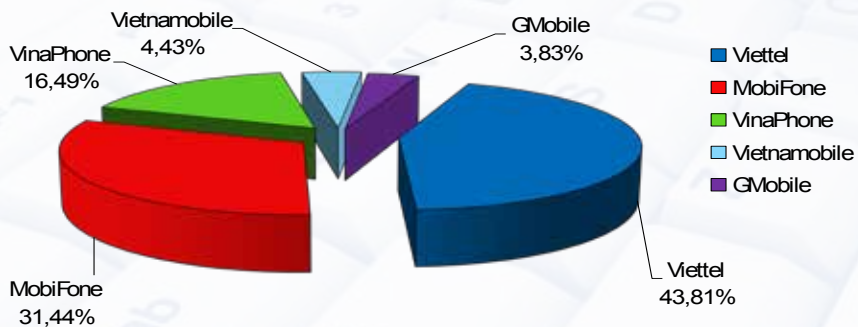


#### 3.2.2 Thị phần (thuê bao) các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại di động

##### 3.2.2.1 Thị phần (thuê bao) các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại di động 2G và 3G

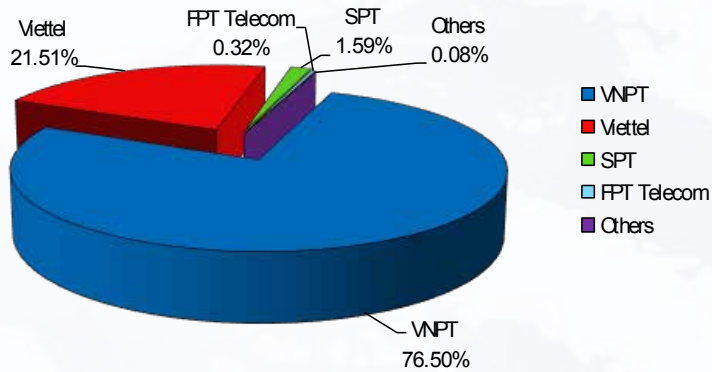


##### 3.2.2.2 Thị phần (thuê bao) các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại di động 2G



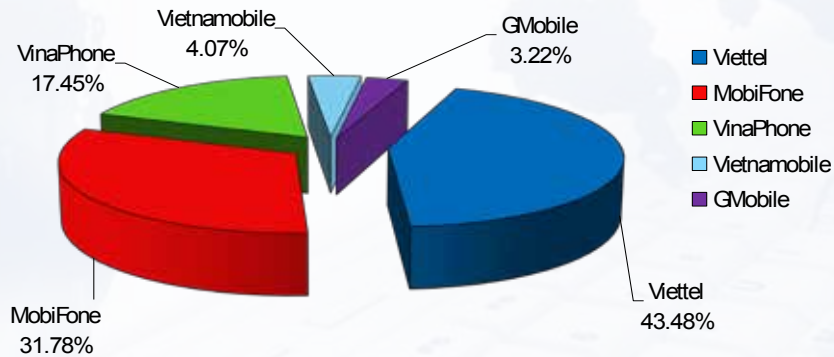
## 3.2 Market shares (by subscriber) of telecommunications and Internet operators in 2013

### 3.2.1 Market shares (by subscriber) of fixed telephone service providers

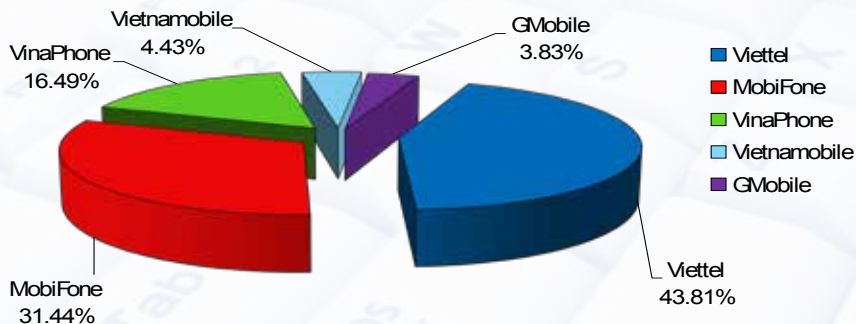


### 3.2.2 Market shares (by subscriber) of mobile phone service providers

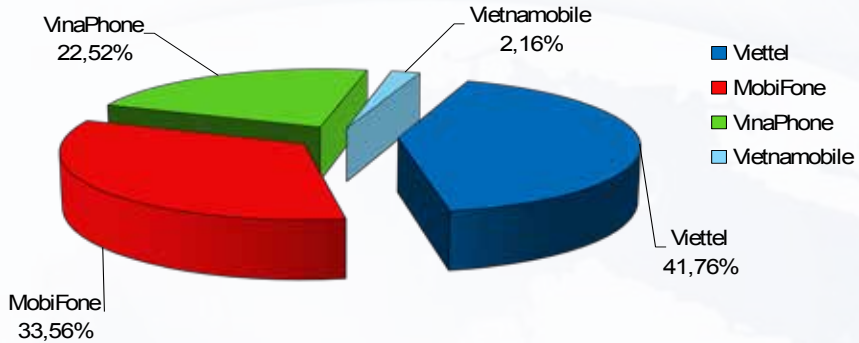
#### 3.2.2.1 Market shares (by subscriber) of 2G and 3G mobile phone service providers



#### 3.2.2.2 Market shares (by subscriber) of 2G mobile phone service providers

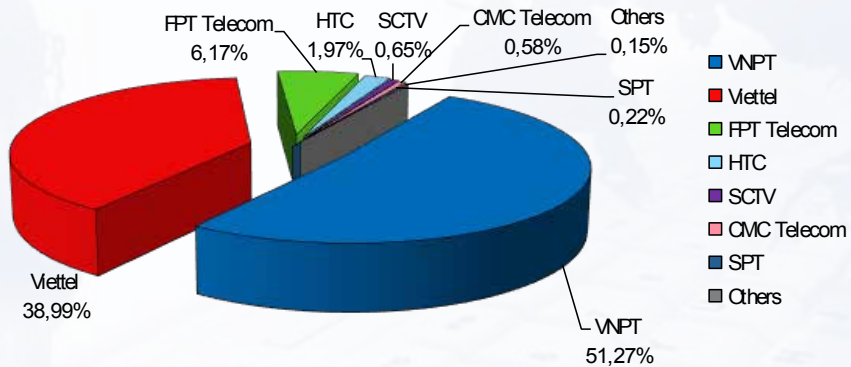


3.2.2.3 Thị phần (thuê bao) các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại di động 3G

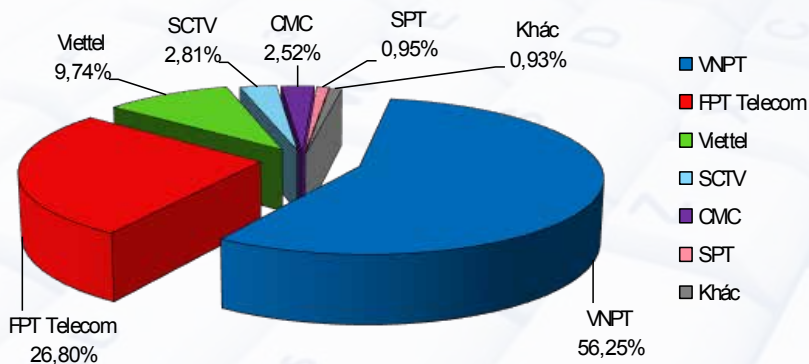


3.2.3 Thị phần (thuê bao) của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet

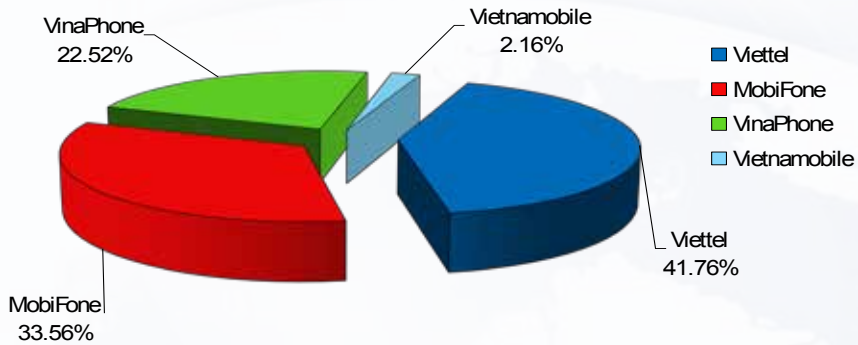
3.2.3.1 Thị phần (thuê bao) của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng (cố định và di động)



3.2.3.2 Thị phần (thuê bao) dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định

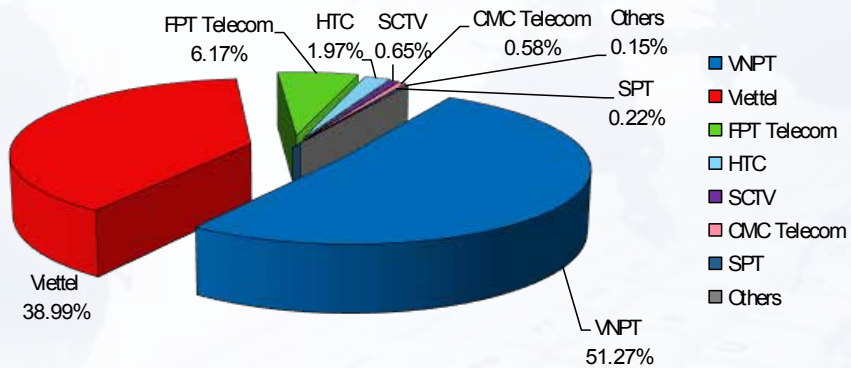


3.2.2.3 Market shares (by subscriber) of 3G mobile phone service providers

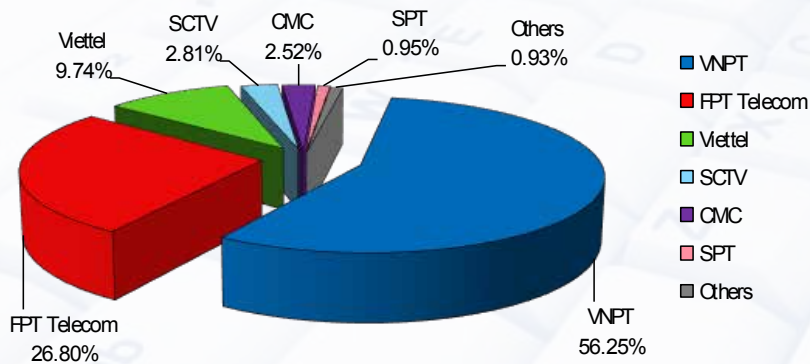


3.2.3 Market shares (by subscriber) of Internet broadband providers

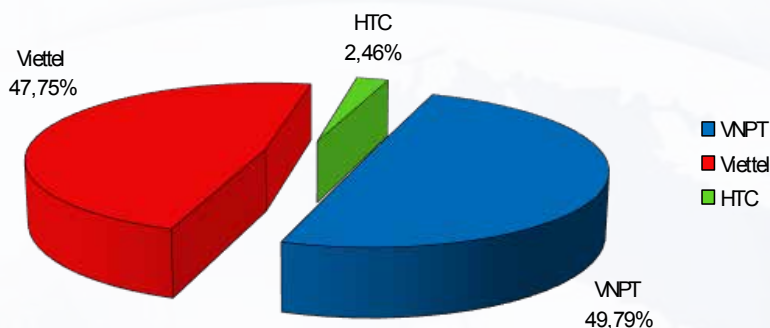
3.2.3.1 Market shares (by subscriber) of Internet broadband providers via fixed and mobile networks



3.2.3.2 Market shares (by subscriber) of Internet fixed broadband providers



## 3.2.3.3 Thị phần (thuê bao) dịch vụ truy nhập Internet băng rộng di động 3G



## 4. NHÂN LỰC VIỄN THÔNG, INTERNET

	2009	2010	2011	2012	2013
Số lao động lĩnh vực viễn thông, Internet	-	-	79.799	78.894	83.691

## 5. QUY HOẠCH, CHIẾN LƯỢC, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN VIỄN THÔNG, INTERNET

## 5.1 Quy hoạch, chương trình, kế hoạch

- Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia (Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 23/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ).

- Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020 (Quyết định số 32/2012/QĐ-TTg ngày 27/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ).

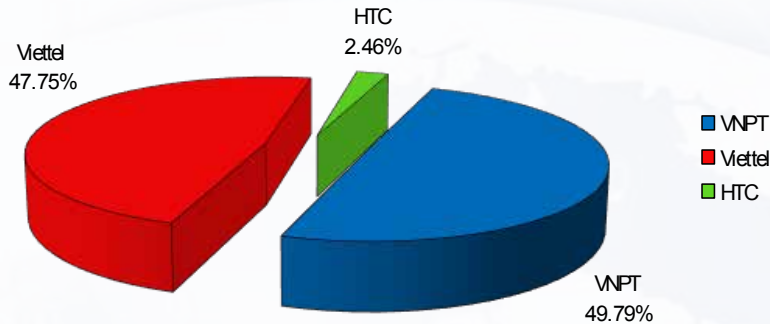
- Quy hoạch tần số vô tuyến điện quốc gia (Quyết định số 125/2009/QĐ-TTg ngày 23/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

- Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2011 - 2015 (Quyết định số 1643/2011/QĐ-TTg ngày 21/09/2011 của Thủ tướng Chính phủ).

## 5.2 Đề án, dự án

- Đề án phát triển thông tin, truyền thông nông thôn giai đoạn 2011-2020, cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông (Quyết định số 119/QĐ-TTg ngày 18/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ).

### 3.2.3.3 Market shares (by subscriber) of Internet mobile broadband providers via 3G network



## 4. TELECOMMUNICATIONS, INTERNET WORKFORCE

	2009	2010	2011	2012	2013
Number of employees in the field of telecommunications, Internet	-	-	79,799	78,894	83,691

## 5. NATIONAL MASTER PLANS, STRATEGIES, PROGRAMS, PLANS, PROJECTS ON TELECOMMUNICATIONS AND INTERNET DEVELOPMENT

### 5.1 Master plans, strategies, programs and plans

- Master plan on national radio frequency spectrum (Prime Minister's Decision No. 71/2013/QĐ-TTg dated Nov 23<sup>rd</sup>, 2013)
- National master plan on telecommunications development to 2020 (Prime Minister's Decision No. 32/2012/QĐ-TTg dated Jul 27<sup>th</sup>, 2012)
- National master plan of national radio frequency (Prime Minister's Decision No. 125/2009/QĐ-TTg dated Oct 23<sup>rd</sup>, 2009).
- National program on providing public utility telecommunication service in the period 2011-2015 (Prime Minister's Decision No. 1643/2011/QĐ-TTg dated Sep 21<sup>st</sup>, 2011).

### 5.2 Projects

- Project on rural information and communications development period 2011-2020, implementing agency: Ministry of Information and Communications (Prime Minister's Decision No. 119/QĐ-TTg dated Jan 18<sup>th</sup>, 2011).





# PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

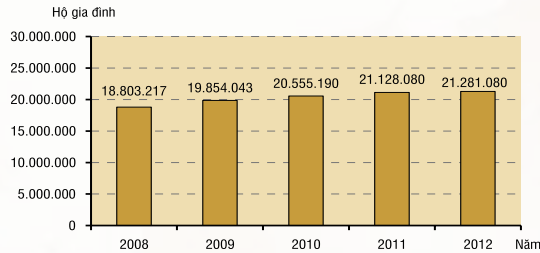
## Broadcasting and Electronic Information



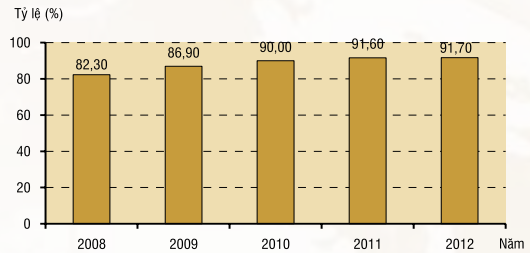
## 1. PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH

### 1.1 Hạ tầng phát thanh - truyền hình

#### 1.1.1 Số hộ gia đình có máy thu hình màu\*



#### 1.1.2 Số hộ gia đình có máy thu hình/100 hộ gia đình\*



TT	Phân loại	2012	2013	Chi tiết
1.1.3	Số thuê bao truyền hình trả tiền	9.025.000	6.679.646	
1.1.3.1	Số thuê bao truyền hình cáp	4.412.000	5.572.772	
1.1.3.2	Số thuê bao truyền hình số mặt đất	3.640.000	120.000	
1.1.3.3	Số thuê bao truyền hình số vệ tinh	973.000	986.874	
1.1.4	Các đài phát thanh - truyền hình			
1.1.4.1	Số lượng các đài phát thanh, đài truyền hình, đài phát thanh - truyền hình	67	67	VTV, VOV, VTC, Ha Noi TV, HTV, Da Nang TV,...
1.1.4.2	Số lượng các đơn vị hoạt động truyền hình không có hạ tầng truyền dẫn phát sóng riêng	6	7	
1.1.5	Tổng số kênh phát thanh, truyền hình			
1.1.5.1	Số kênh truyền hình quảng bá	99	104	
1.1.5.2	Số kênh phát thanh quảng bá	73	75	
1.1.5.3	Số kênh truyền hình trả tiền	75	40	
1.1.5.4	Số kênh phát thanh trên hệ thống truyền hình trả tiền	5	9	

### 1.2 Số lượng các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền

TT	Phân loại	2012	2013	Chi tiết
1.2.1	Số lượng các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình cáp	27	33	SCTV, VTCab VNPT, HTV-TMS**, Viettel,...
1.2.2	Số lượng các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình số mặt đất	3	3	VTV, VTC, AVG
1.2.3	Số lượng các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình số vệ tinh	3	3	VSTV (K+), VTC, AVG

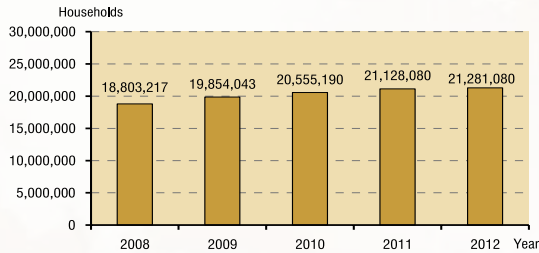
Ghi chú: “\*\*” Không có số liệu năm 2013

“\*\*\*” Trước đây là HTVC

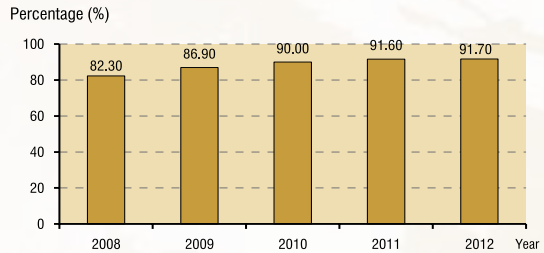
# 1. BROADCASTING

## 1.1 Broadcasting platform

### 1.1.1 Households with a colour television\*



### 1.1.2 Households with a colour television per 100 households\*



No.	Classification	2012	2013	Details
1.1.3	Number of pay TV subscribers	9,025,000	6,679,646	
1.1.3.1	Number of cable TV subscribers	4,412,000	5,572,772	
1.1.3.2	Number of terrestrial digital TV subscribers	3,640,000	120,000	
1.1.3.3	Number of satellite digital TV subscribers	973,000	986,874	
1.1.4	Radio - TV Broadcasters			
1.1.4.1	Number of Radio, TV and Radio-TV Broadcasters	67	67	VTV, VOV, VTC, Ha Noi TV, HTV, Da Nang TV,...
1.1.4.2	Number of broadcasters without transmission broadcasting platform	6	7	
1.1.5	Total number of TV and radio channels			
1.1.5.1	Number of free-to-air TV channels	99	104	
1.1.5.2	Number of free-to-air radio channels	73	75	
1.1.5.3	Number of pay TV channels	75	40	
1.1.5.4	Number of radio channels on pay TV systems	5	9	

## 1.2 Number of pay TV service providers

No.	Classification	2012	2013	Details
1.2.1	Number of cable TV service providers	27	33	SCTV, VTCab, VNPT, HTV-TMS**, Viettel, etc.
1.2.2	Number of terrestrial digital TV service providers	3	3	VTV, VTC, AVG
1.2.3	Number of satellite digital TV service providers	3	3	VSTV (K <sup>+</sup> ), VTC, AVG

Ghi chú: **\*\*** No data in 2013  
**\*\*\*** Formerly named HTVC

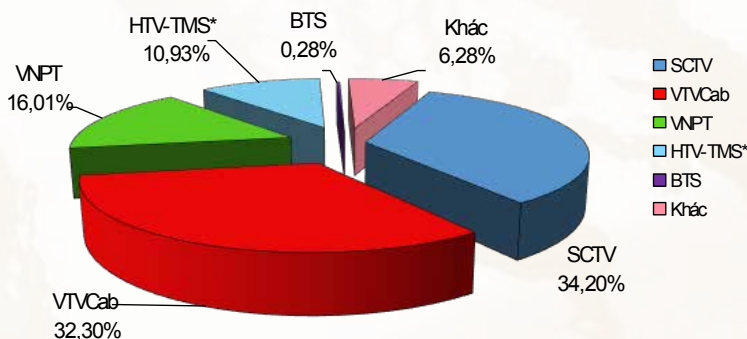
### 1.3 Thị trường phát thanh truyền hình

#### 1.3.1 Doanh thu truyền hình trả tiền (triệu USD)

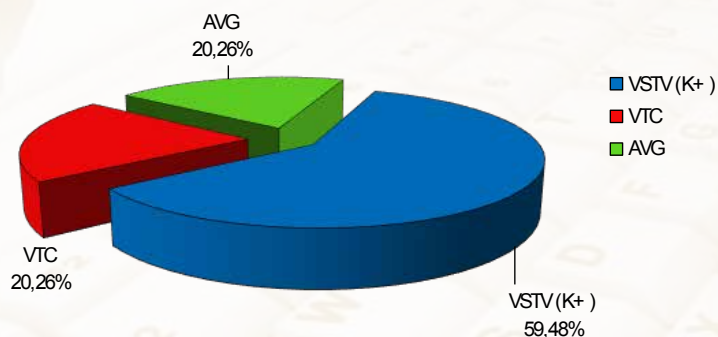
		2012	2013
1.3.1.1	Tổng doanh thu truyền hình trả tiền	200,20	276,43
1.3.1.2	Doanh thu truyền hình cáp	193,74	227,47
1.3.1.3	Doanh thu truyền hình số mặt đất	1,52	4,75
1.3.1.4	Doanh thu truyền hình số vệ tinh	4,94	44,21

#### 1.3.2 Thị phần (thuê bao) của nhà cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền năm 2013

##### 1.3.2.1 Thị phần (thuê bao) của các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình cáp



##### 1.3.2.2 Thị phần (thuê bao) của các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình số vệ tinh



### 1.4 Nhân lực phát thanh - truyền hình

	2009	2010	2011	2012	2013
Số lao động của các đài phát thanh, đài truyền hình, phát thanh - truyền hình trên cả nước	-	-	10.054	10.854	11.218

Ghi chú: “\*” Trước đây là HTVC

“-” Không có số liệu

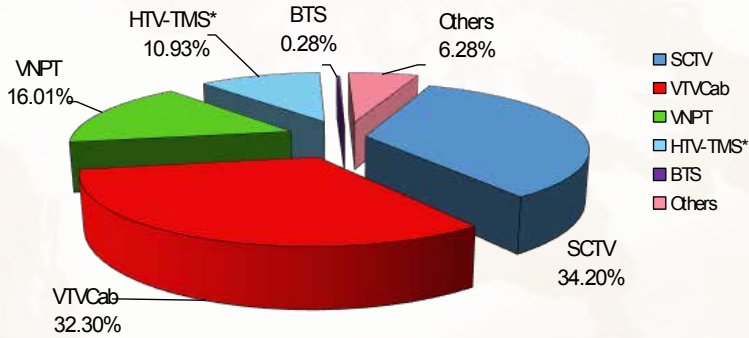
### 1.3 Broadcasting market

#### 1.3.1 Revenue of pay TV service (million USD)

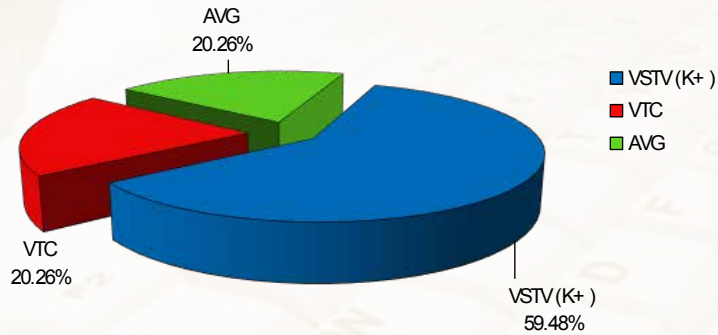
		2012	2013
1.3.1.1	Total revenue of pay TV service	200.20	276.43
1.3.1.2	Revenue of cable TV service	193.74	227.47
1.3.1.3	Revenue of terrestrial digital TV service	1.52	4.75
1.3.1.4	Revenue of satellite digital TV service	4.94	44.21

#### 1.3.2 Market shares (by subscriber) of pay TV service providers in 2013

##### 1.3.2.1 Market shares (by subscriber) of cable TV service providers



##### 1.3.2.2 Market shares (by subscriber) of satellite digital TV service providers



### 1.4 Broadcasting workforce

	2009	2010	2011	2012	2013
Number of employees in radio broadcasters, TV broadcasters and radio-TV broadcasters	-	-	10,054	10,854	11,218

Notes: “\*\*” Formerly named HTVC  
 “-” No data

## 1.5 Quy hoạch, chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển phát thanh - truyền hình

### 1.5.1 Quy hoạch, chiến lược, chương trình, kế hoạch

- Quy hoạch phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình Việt Nam đến năm 2020 (Quyết định số 1448/QĐ-TTg ngày 19/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ).

- Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020 (Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg ngày 16/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

### 1.5.2 Đề án, dự án

- Đề án Thông tin, tuyên truyền về số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất (Quyết định số 891/QĐ-BTTTT ngày 22/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ).

- Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020 (Quyết định số 2451/QĐ-TTg ngày 27/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ).

## 2. THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

TT	Phân loại	2012	2013
<b>2.1</b>	<b>Báo điện tử và trang thông tin của báo chí</b>		
2.1.1	Số lượng cơ quan báo chí điện tử	72	90
2.1.2	Số lượng trang thông tin điện tử của cơ quan báo chí	196	215
<b>2.2</b>	<b>Trang thông tin điện tử</b>		
2.2.1	Số lượng trang thông tin điện tử tổng hợp đã được cấp phép (trừ cơ quan báo chí)	963	1.091
2.2.2	Số lượng mạng xã hội trực tuyến đã được cấp	333	420
<b>2.3</b>	<b>Trò chơi trực tuyến</b>		
2.3.1	Số lượng trò chơi trực tuyến đã được phê duyệt nội dung kịch bản	76	82
2.3.2	Số lượng doanh nghiệp cung cấp trò chơi trực tuyến	25	30

## 1.5 National master plans, strategies, programs, plans, projects on broadcasting development

### 1.5.1 Master plans, strategies, programs, plans

- National master plan on development of broadcasting services of Viet Nam to 2020 (Prime Minister's Decision No. 1448/QĐ-TTg dated Aug 19<sup>th</sup>, 2013)

- National master plan on radio, TV transmission and broadcasting to 2020 (Prime Minister's Decision No. 22/2009/QĐ-TTg dated Feb 16<sup>th</sup>, 2009)

### 1.5.2 Projects

- Project on communication, propagandizing of terrestrial TV transmission and broadcasting (Decision No. 891/QĐ-BTTTT of Minister of Information and Communications dated Jul 22<sup>nd</sup>, 2013).

- National project on digitization of terrestrial TV transmission and broadcasting to 2020 (Prime Minister's Decision No. 2451/QĐ-TTg dated Dec 27<sup>th</sup>, 2011)

## 2. ELECTRONIC INFORMATION

No.	Classification	2012	2013
<b>2.1</b>	<b>E-newspapers and websites of press organizations</b>		
2.1.1	Number of e-newspaper organizations	72	90
2.1.2	Number of websites of press organizations	196	215
<b>2.2</b>	<b>Websites</b>		
2.2.1	Number of licensed websites (except press organizations)	963	1,091
2.2.2	Number of licensed online social networks	333	420
<b>2.3</b>	<b>Games online</b>		
2.3.1	Number of games online by approved script contents	76	82
2.3.2	Number of enterprises supplying games online	25	30





# VIII BƯU CHÍNH

## Posts



## 1. HẠ TẦNG MẠNG BƯU CHÍNH CÔNG CỘNG

		2009	2010	2011	2012	2013
1.1	Số lượng điểm phục vụ bưu chính (điểm)	17.976	16.436	14.911	13.612	13.021
1.2	Bán kính phục vụ bình quân trên 01 điểm phục vụ bưu chính (km)	2,42	2,53	2,66	2,78	2,84
1.3	Số dân phục vụ bình quân trên 01 điểm phục vụ bưu chính (người)	4.796	5.270	5.922	6.486	6.817

## 2. SỐ LƯỢNG CÁC DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC BƯU CHÍNH

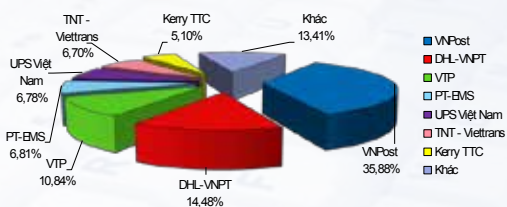
TT	Phân loại	2009	2010	2011	2012	2013
2.1	Số lượng doanh nghiệp được cấp giấy phép bưu chính	23	31	38	63	82
2.2	Số lượng doanh nghiệp được xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	25	29	40	56	83
2.3	Tổng số doanh nghiệp được cấp giấy phép bưu chính, xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	32	40	50	79	110

## 3. THỊ TRƯỜNG BƯU CHÍNH

### 3.1 Doanh thu dịch vụ bưu chính



### 3.2 Thị phần các doanh nghiệp bưu chính tính theo doanh thu năm 2013



## 4. NHÂN LỰC LĨNH VỰC BƯU CHÍNH

	2009	2010	2011	2012	2013
Số lao động của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính	54.834	54.685	48.964	49.295	47.673

## 5. QUY HOẠCH, CHIẾN LƯỢC, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BƯU CHÍNH

- Chiến lược phát triển Bưu chính Viễn thông đến năm 2020 (Quyết định số 158/2001/QĐ-TTg ngày 22/01/2001 của Thủ tướng Chính phủ).

## 1. PUBLIC POSTAL NETWORK INFRASTRUCTURE

		2009	2010	2011	2012	2013
1.1	Total number of postal outlets (outlets)	17,976	16,436	14,911	13,612	13,021
1.2	Average radius per postal outlet (km)	2.42	2.53	2.66	2.78	2.84
1.3	Average number of inhabitants served by a postal outlet (persons)	4,796	5,270	5,922	6,486	6,817

## 2. NUMBER OF POSTAL OPERATORS

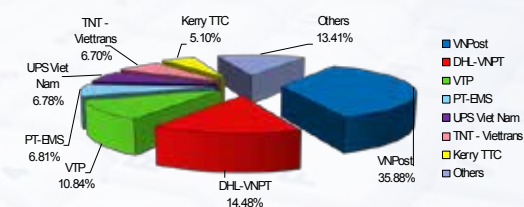
No.	Classification	2009	2010	2011	2012	2013
2.1	Number of licensed postal operators	23	31	38	63	82
2.2	Number of certified postal operators	25	29	40	56	83
2.3	Total number of licensed and certified postal operators	32	40	50	79	110

## 3. POSTAL MARKET

### 3.1 Revenue of postal service



### 3.2 Market share (by revenue) of postal operators 2013

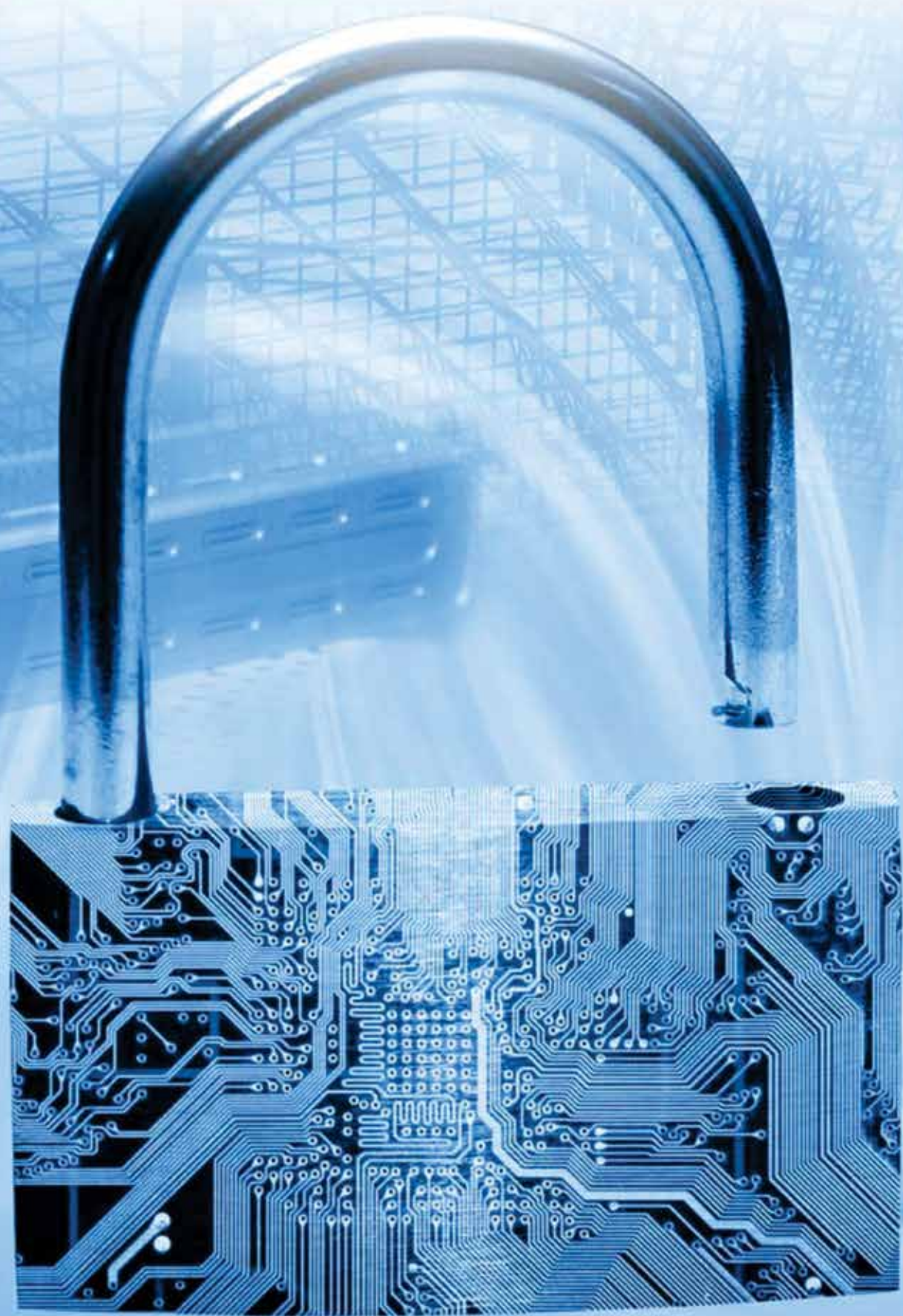


## 4. POSTAL WORKFORCE

	2009	2010	2011	2012	2013
Number of employees of postal operators	54,834	54,685	48,964	49,295	47,673

## 5. NATIONAL MASTER PLANS, STRATEGIES, PROGRAMS, PLANS ON POSTS DEVELOPMENT

- National strategy on development of Posts and Telecommunications to 2020 (Prime Minister's Decision No. 158/2001/QĐ-TTg dated Jan 22<sup>nd</sup>, 2001).





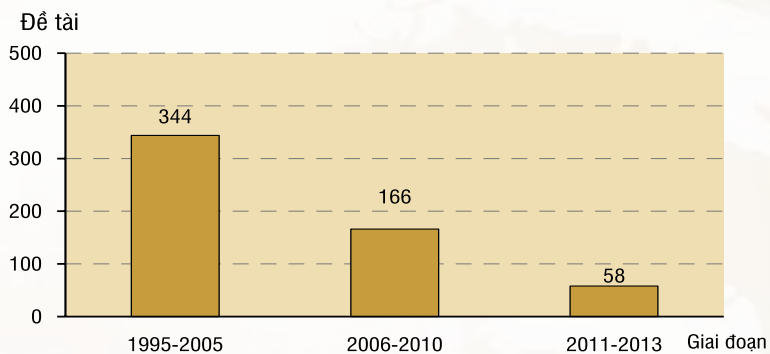
# NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

**Research and Training on ICT**

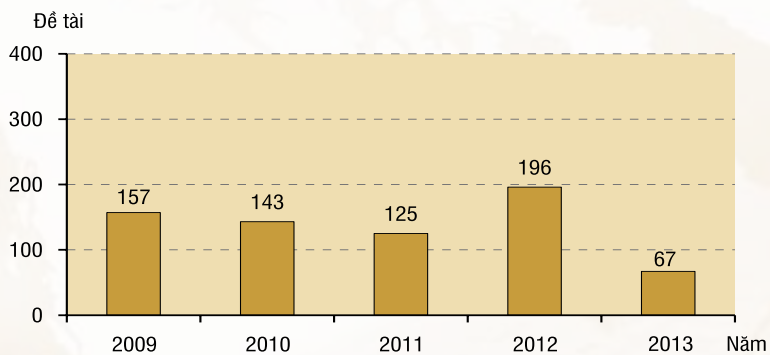


## 1. NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN NGÀNH CNTT-TT

### 1.1 Số lượng các đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước về CNTT-TT



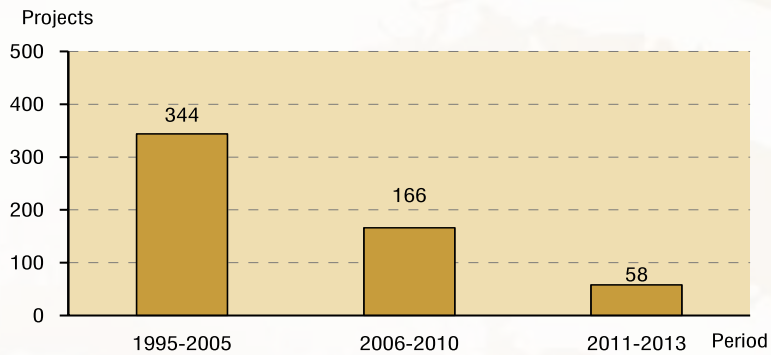
### 1.2 Số lượng các đề tài nghiên cứu cấp Bộ về CNTT-TT



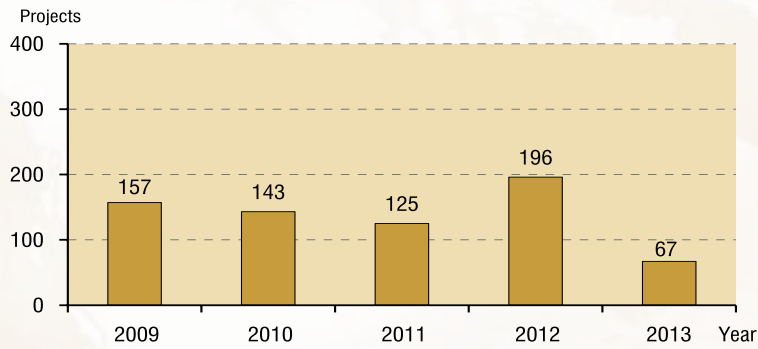
Nguồn: Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ

## 1. RESEARCH AND DEVELOPMENT (R&D) ON ICT

### 1.1 Number of national level R&D projects on ICT



### 1.2 Number of ministerial level R&D projects on ICT

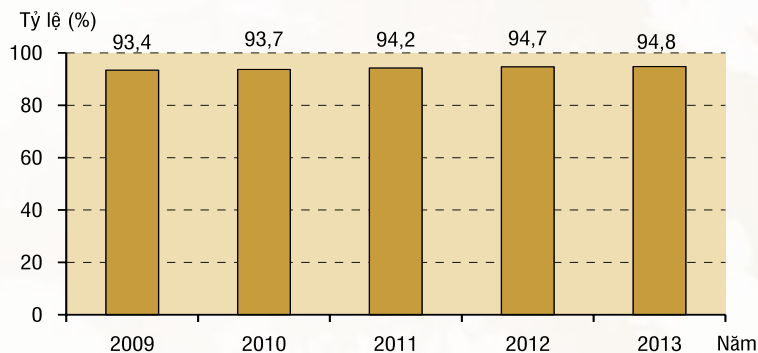


Source: National Agency for Science and Technology Information, Ministry of Science and Technology

## 2. ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC

### 2.1 Trình độ nguồn nhân lực

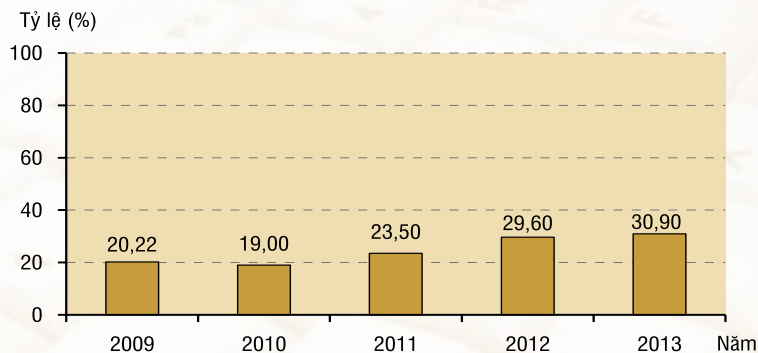
#### 2.1.1 Tỷ lệ số người trên 15 tuổi biết đọc, viết



#### 2.1.2 Tỷ lệ số học sinh tiểu học, THCS và THPT trên tổng dân số trong độ tuổi 6-17



#### 2.1.3 Tỷ lệ số người học đại học, cao đẳng trên tổng số người trong độ tuổi học đại học, cao đẳng

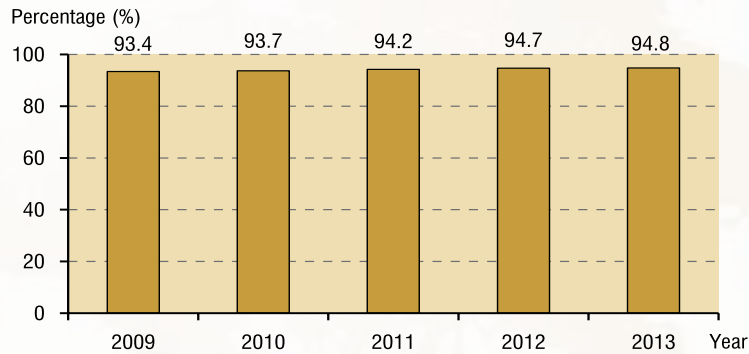


Nguồn: Tổng cục Thống kê

## 2. HUMAN RESOURCES TRAINING

### 2.1 Education level

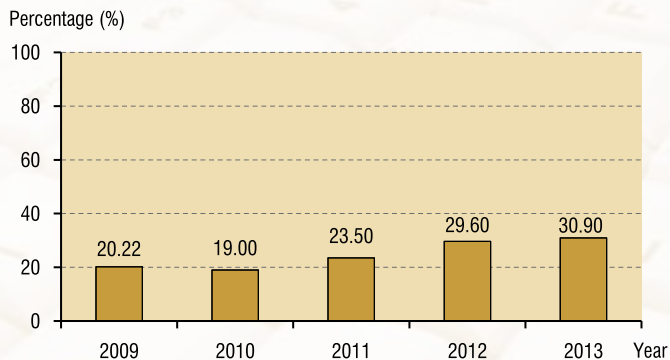
#### 2.1.1 Ratio of literate population aged 15 and above



#### 2.1.2 Ratio of pupils (primary, lower and upper secondary) over population in primary and secondary education age



#### 2.1.3 Ratio of tertiary students over population in tertiary education age

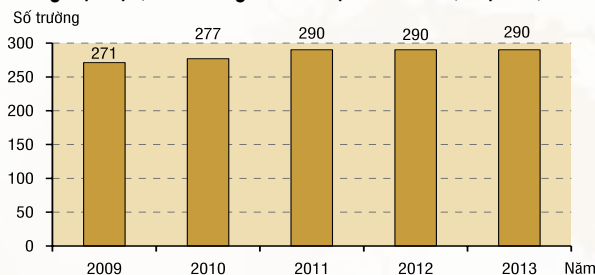


Source: General Statistics Office

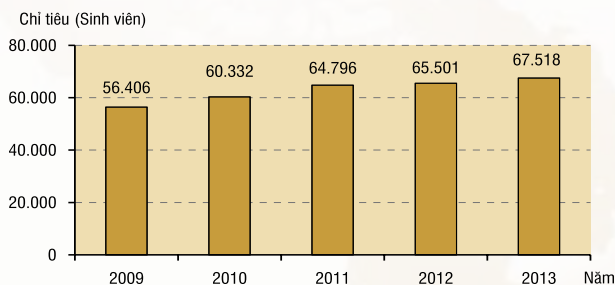
## 2.2. Đào tạo nguồn nhân lực CNTT-TT

### 2.2.1 Đào tạo đại học, cao đẳng

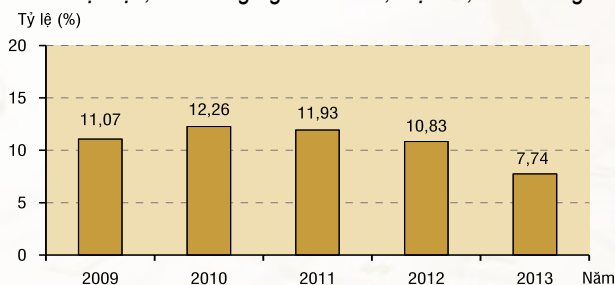
#### 2.2.1.1 Số lượng trường đại học, cao đẳng có đào tạo về CNTT, điện tử, viễn thông



#### 2.2.1.2 Chỉ tiêu tuyển sinh đại học, cao đẳng chuyên ngành CNTT, điện tử, viễn thông



#### 2.2.1.3 Tỷ lệ tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành CNTT, điện tử, viễn thông



Nguồn: Cuốn Những điều cần biết về tuyển sinh đại học, cao đẳng - Bộ Giáo dục và Đào tạo và Kết quả khảo sát các trường đại học, cao đẳng trên toàn quốc

#### 2.2.1.4 Số lượng sinh viên CNTT, điện tử, viễn thông<sup>(1)</sup>

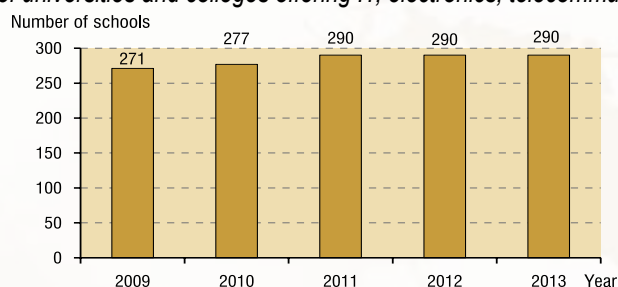
		2010	2011	2012	2013
2.2.1.4.1	Số lượng sinh viên đại học, cao đẳng CNTT, điện tử, viễn thông thực tế được tuyển	56.338	55.197	57.917	55.001
2.2.1.4.2	Số lượng sinh viên đại học, cao đẳng CNTT, điện tử, viễn thông đang học	169.156	173.107	169.302	176.614
2.2.1.4.3	Số lượng sinh viên đại học, cao đẳng CNTT, điện tử, viễn thông đã tốt nghiệp	34.498	41.908	40.233	42.896

<sup>(1)</sup> Chỉ xét loại hình đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy

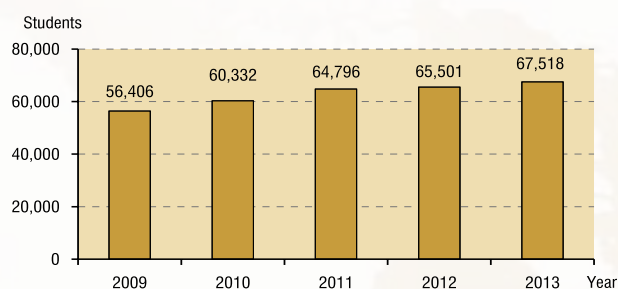
## 2.2. ICT human resource training

### 2.2.1 Tertiary training

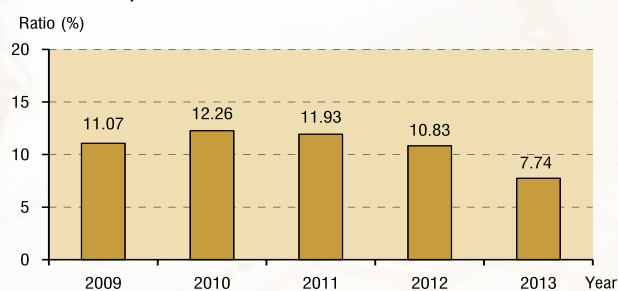
#### 2.2.1.1 Number of universities and colleges offering IT, electronics, telecommunications courses



#### 2.2.1.2 Quota of IT, electronics, telecommunications-related students enrolment in universities and colleges



#### 2.2.1.3 Ratio of IT, electronics, telecommunications-related students enrolment quota over total students enrolment quota



Source: Guidebook on universities and colleges recruitment - Ministry of Education and Training and Results from a survey of nationwide universities and colleges

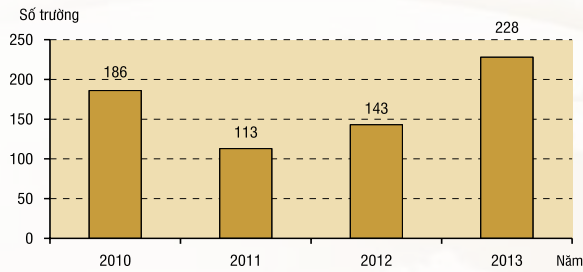
#### 2.2.1.4 Number of IT, electronics, telecommunications-related students in universities and colleges<sup>(1)</sup>

		2010	2011	2012	2013
2.2.1.4.1	Actual number of IT, electronics, telecommunications-related students enrolled	56,338	55,197	57,917	55,001
2.2.1.4.2	Number of IT, electronics, telecommunications-related students studying	169,156	173,107	169,302	176,614
2.2.1.4.3	Number of IT, electronics, telecommunications-related graduates	34,498	41,908	40,233	42,896

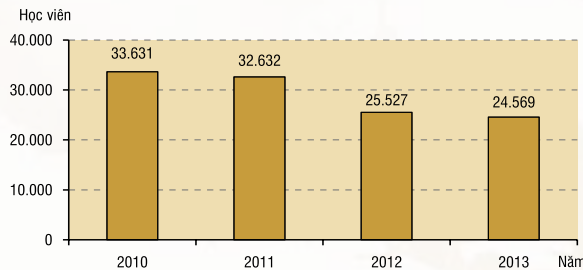
<sup>(1)</sup> Applied to full time training courses of universities and colleges.

## 2.2.2 Đào tạo nghề

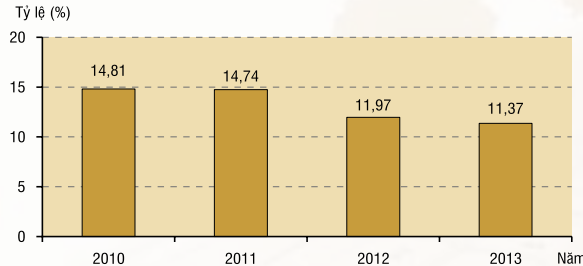
### 2.2.2.1 Số lượng trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề có đào tạo về CNTT, điện tử, viễn thông



### 2.2.2.2 Số lượng học viên nghề CNTT, điện tử, viễn thông nhập học thực tế



### 2.2.2.3 Tỷ lệ tuyển sinh đào tạo nghề ngành CNTT, điện tử, viễn thông thực tế



Nguồn: Tổng cục Dạy nghề và Kết quả khảo sát các trường đào tạo nghề trên cả nước

## 3. QUY HOẠCH, CHIẾN LƯỢC, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

### 3.1 Quy hoạch, chiến lược, chương trình, kế hoạch

- Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020 (Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ).

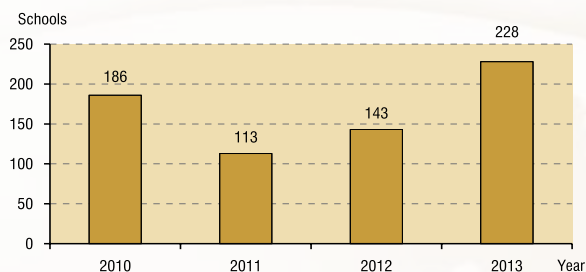
- Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 (Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 01/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

### 3.2 Đề án, dự án

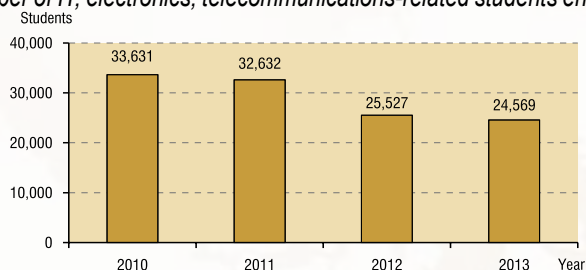
- Đề án "Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin đến năm 2020" (Quyết định số 99/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ).

## 2.2.2 Vocational training

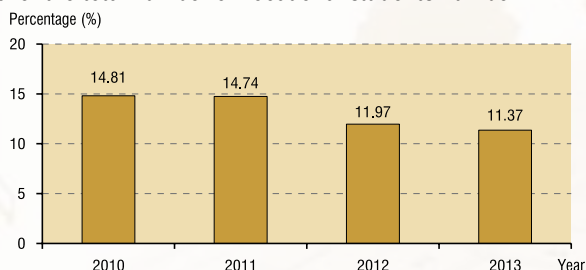
### 2.2.2.1 Number of schools offering IT, electronics, telecommunications- related vocational courses



### 2.2.2.2 Actual number of IT, electronics, telecommunications-related students enrolled in vocational schools



### 2.2.2.3 Ratio of the actual number of IT, electronics, telecommunications- related vocational students enrolled over the total number of vocational students number



Source: General Department of Vocational Training and Results from a survey of nationwide vocational schools

## 3. NATIONAL MASTER PLANS, STRATEGIES, PROGRAMS, PLANS, PROJECTS ON HUMAN RESOURCES DEVELOPMENT

### 3.1 Master plans, strategies, programs, plans

- National strategy on development of human resources of Viet Nam during the period 2011-2020 (Prime Minister's Decision No. 579/QĐ-TTg dated Apr 9<sup>th</sup>, 2011).

- National master plan on development of information technology human resources of Viet Nam to 2015, orientations toward 2020 (Prime Minister's Decision No. 698/QĐ-TTg dated Jun 1<sup>st</sup>, 2009).

### 3.2 Projects

- National project on training and developing information security human resources to 2020 (Prime Minister's Decision No. 99/QĐ-TTg dated Jan 14<sup>th</sup>, 2014).





# CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ CNTT-TT

## Legal Documents on ICT



## 1. VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

### 1.1 Luật

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006.
- Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

### 1.2 Nghị định

- Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.
- Nghị định số 170/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 và Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23/11/2011.
- Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 quy định về khu công nghệ thông tin tập trung.
- Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23/11/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007.
- Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.
- Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
- Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin.
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.
- Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 08/3/2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng.
- Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính.
- Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

### 1.3 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 50/2009/QĐ-TTg ngày 03/4/2009 Ban hành “Quy chế quản lý Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm và Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam”.
- Quyết định số 223/2006/QĐ-TTg ngày 04/10/2006 về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 169/2006/QĐ-TTg ngày 17/7/2006.
- Quyết định số 169/2006/QĐ-TTg ngày 17/7/2006 về đầu tư mua sắm các sản phẩm công nghệ thông tin của các cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

## 1. INFORMATION TECHNOLOGY

### 1.1 Law

- Law on Information Technology (No. 67/2006/QH11, Promulgator: National Assembly, Dated: Jun 29<sup>th</sup>, 2006).
- Law on E-transaction (No. 51/2005/QH11, Promulgator: National Assembly, Dated: Nov 29<sup>th</sup>, 2005).

### 1.2 Government's Decrees

- Decree No. 174/2013/ND-CP dated Nov 13<sup>th</sup>, 2013 on sanctioning of administrative violations in the field of posts, telecommunications, information technology and radio frequencies.
- Decree No. 170/2013/ND-CP dated Nov 13<sup>th</sup>, 2013 amending and supplementing several articles of the Government's Decree No. 26/2007/ND-CP dated Feb 15<sup>th</sup>, 2007, and Decree No. 106/2011/ND-CP dated Nov 23<sup>rd</sup>, 2011.
- Decree No. 154/2013/ND-CP dated Nov 8<sup>th</sup>, 2013, stipulating dated the concentrated information technology park.
- Decree No. 106/2011/ND-CP dated Nov 23<sup>rd</sup>, 2011 amending, supplementing some articles of Decree No. 26/2007/ND-CP dated Feb 15<sup>th</sup>, 2007.
- Decree's No. 43/2011/ND-CP dated Jun 13<sup>th</sup>, 2011 regulating the provision of information and online public services on websites or portals of state agencies.
- Decree No. 102/2009/ND-CP dated Nov 6<sup>th</sup>, 2009 on the management of investment in information technology application using the state budget.
- Decree No. 71/2007/ND-CP dated May 3<sup>rd</sup>, 2007 detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Information Technology regarding information technology industry.
- Decree No. 64/2007/ND-CP dated Apr 10<sup>th</sup>, 2007 on information technology application in the operations of state agencies.
- Decree No. 35/2007/ND-CP dated Mar 8<sup>th</sup>, 2007 on banking e-transactions.
- Decree No. 27/2007/ND-CP dated Feb 23<sup>rd</sup>, 2007 on e-transactions in financial activities.
- Decree No. 26/2007/ND-CP dated Feb 15<sup>th</sup>, 2007 detailing the Law on E-transaction regarding digital signatures and digital signature certification services.

### 1.3 Prime Minister's Decisions

- Decision No. 50/2009/QD-TTg dated Apr 3<sup>rd</sup>, 2009 promulgating the "Regulation on the management of the software industry development program and the digital content industry development program in Viet Nam".
- Decision No. 223/2006/QD-TTg dated Oct 4<sup>th</sup>, 2006 amending some articles of Decision No. 169/2006/QD-TTg dated Jul 17<sup>th</sup>, 2006.
- Decision No. 169/2006/QD-TTg dated Jul 17<sup>th</sup>, 2006 providing for investment and procurement of information technology products by agencies and organizations using the state budget.

## 1.4 Thông tư

- Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT ngày 23/12/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.
- Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/4/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử.
- Thông tư số 06/2013/TT-BTTTT ngày 07/3/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chế độ báo cáo định kỳ về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước.
- Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu.
- Thông tư số 11/2012/TT-BTTTT ngày 17/7/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.
- Thông tư số 35/2011/TT-BTTTT ngày 06/12/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hủy bỏ tiêu chuẩn ngành về điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin.
- Thông tư số 31/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy.
- Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông.
- Thông tư số 24/2011/TT-BTTTT ngày 20/9/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc tạo lập, sử dụng và lưu trữ dữ liệu đặc tả trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.
- Thông tư số 20/2011/TT-BTTTT ngày 01/7/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.
- Thông tư số 19/2011/TT-BTTTT ngày 01/7/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về áp dụng tiêu chuẩn định dạng tài liệu mở trong cơ quan nhà nước.
- Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31/3/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14/12/2009.
- Thông tư số 09/2011/TT-BCT ngày 30/3/2011 của Bộ Công Thương quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 06/2011/TT-BTTTT ngày 28/02/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.
- Thông tư số 02/2011/TT-BTTTT ngày 04/01/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định nội dung giải quyết sự cố trong quá trình thực hiện đầu tư bảo hành, vận hành các dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

## 1.4 Circulars

- Circular No. 22/2013/TT-BTTTT dated Dec 23<sup>rd</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications promulgating a list of technical standards on information technology application in state agencies.
- Circular No. 09/2013/TT-BTTTT dated April 8<sup>th</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications issuing the list of software, hardware and electronic products.
- Circular No. 06/2013/TT-BTTTT dated Mar 7<sup>th</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications regulating periodic reporting on IT application in state agencies.
- Circular No. 03/2013/TT-BTTTT dated Jan 22<sup>nd</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications regulating standards, technical regulations applied to data centers.
- Circular No. 11/2012/TT-BTTTT dated Jul 17<sup>th</sup>, 2012 of the Ministry of Information and Communications promulgating a list of used information technology products to be banned from import.
- Circular No. 35/2011/TT-BTTTT dated Dec 6<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications canceling the industry standards on electronics, telecommunications and information technology.
- Circular No. 31/2011/TT-BTTTT dated Oct 31<sup>st</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications promulgating a list of information and communication technology products and goods subject to announcement of standard conformity.
- Circular No. 30/2011/TT-BTTTT dated Oct 31<sup>st</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications regulating certification and announcement of standard conformity to information and communication technology products and goods.
- Circular No. 24/2011/TT-BTTTT dated Sep 20<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications regulating the creation, use and storage of specific data on the websites or portals of state agencies.
- Circular No. 20/2011/TT-BTTTT dated Jul 1<sup>st</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications promulgating a list of products and goods likely to be unsafe subject to management.
- Circular No. 19/2011/TT-BTTTT dated Jul 1<sup>st</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications regulating the application of open document format standards in state agencies.
- Circular No. 08/2011/TT-BTTTT dated Mar 31<sup>st</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications, amending some articles of Circular No. 37/2009/TT-BTTTT dated Dec 14<sup>th</sup>, 2009.
- Circular No. 09/2011/TT-BCT dated Mar 30<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Industry and Trade regulating the management and use of digital signatures, digital certificates and certification services for digital signatures belonging to the Ministry of Industry and Trade.
- Circular No. 06/2011/TT-BTTTT dated Feb 28<sup>th</sup>, 2011 the Ministry of Information and Communications providing for the establishment and management of investment expenses for information technology application.
- Circular No. 02/2011/TT-BTTTT dated Jan 4<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications on settlement of incidents during investment, warranty and operation of state-funded projects on information technology application.

- Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14/12/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp các dịch vụ chứng thực chữ ký số.
- Thông tư số 78/2008/TT-BTC ngày 15/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính.

## 2. VỀ VIỄN THÔNG, INTERNET, PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

### 2.1 Luật

- Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23/11/2009.
- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23/11/2009.

### 2.2 Nghị định

- Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.
- Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.
- Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13/8/2008 về chống thư rác.
- Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.
- Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13/8/2008 của Chính phủ về chống thư rác.

### 2.3 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 18a/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền ban hành kèm theo Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 24/3/2011.
- Quyết định số 45/2012/QĐ-TTg ngày 23/10/2012 quy định về tiêu chí xác định công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.
- Quyết định số 16/2012/QĐ-TTg ngày 08/3/2012 quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.
- Quyết định số 55/2011/QĐ-TTg ngày 14/10/2011 về danh mục doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng do Nhà nước nắm Cổ phần, vốn góp chi phối.
- Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 20/3/2011 ban hành Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền.
- Quyết định số 155/2008/QĐ-TTg ngày 01/12/2008 về việc phê duyệt phương án điều chỉnh cước dịch vụ điện thoại cố định nội hạt.

- Circular No. 37/2009/TT-BTTTT dated Dec 14<sup>th</sup>, 2009 of the Ministry of Information and Communications providing regulations on procedures and records related to licensing, registration and accreditation of organizations which provide digital signature certification services.
- Circular No. 78/2008/TT-BTC dated Sep 15<sup>th</sup>, 2008 of the Ministry of Finance guiding the implementation of some regulations of the Government's Decree No. 27/2007/ND-CP dated Feb 23<sup>rd</sup>, 2007 on e-transaction on financial activities.

## 2. TELECOMMUNICATIONS, INTERNET, BROADCASTING AND ELECTRONIC INFORMATION

### 2.1 Laws

- Law on Telecommunications (No. 41/2009/QH12, Promulgator: The National Assembly, Dated: Nov 23<sup>rd</sup>, 2009).
- Law on Radio Frequencies (No. 42/2009/QH12, Promulgator: The National Assembly, Dated: Nov 23<sup>rd</sup>, 2009).

### 2.2 Government's Decrees

- Decree No. 174/2013/ND-CP dated Nov 13<sup>th</sup>, 2013 on sanctioning of administrative violations in the field of posts, telecommunications, information technology and radio frequencies.
- Decree No. 72/2013/ND-CP dated Jul 15<sup>th</sup>, 2013 on management, provision and use of the Internet service and online information.
- Decree No. 77/2012/ND-CP dated Oct 5<sup>th</sup>, 2012 amending and supplementing some articles of Decree No. 90/2008/ND-CP dated Aug 13<sup>th</sup>, 2008 on anti-spam.
- Decree No. 25/2011/ND-CP dated Apr 6<sup>th</sup>, 2011 detailing and guiding some articles of the Law on Telecommunications.
- Decree No. 90/2008/ND-CP dated Aug 13<sup>th</sup>, 2008 on anti-spam.

### 2.3 Prime Minister's Decisions

- Decision No. 18a/2013/QD-TTg dated Mar 29<sup>th</sup>, 2013 amending, supplementing some articles of the regulation on management of pay TV services approved at the Decision No. 20/2011/QD-TTg dated Mar 24<sup>th</sup>, 2011.
- Decision No. 45/2012/QD-TTg dated Oct 23<sup>rd</sup>, 2012 providing the criteria for defining important telecommunication projects related to national security.
- Decision No. 16/2012/QD-TTg dated Mar 8<sup>th</sup>, 2012 on auctioning and transfer rights to use radio frequencies.
- Decision No. 55/2011/QD-TTg dated Oct 14<sup>th</sup>, 2011 promulgating a list of telecommunication service providers with network infrastructure in which the state holds dominating shares or capital contributions.
- Decision No. 20/2011/QD-TTg dated Mar 20<sup>th</sup>, 2011 promulgating the regulation on pay television management.
- Decision No. 155/2008/QD-TTg dated Dec 1<sup>st</sup>, 2008 approving the plan on the adjustment of local fixed telephone service charges.

## 2.4 Thông tư

### 2.4.1 Viễn thông

- Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 Hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.
- Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT-BTTTT-BQP-BCA ngày 09/5/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an hướng dẫn cơ chế phối hợp xử lý nhiễu có hại giữa các đài vô tuyến điện phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh và mục đích kinh tế - xã hội.
- Thông tư số 26/2013/TT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy hoạch sử dụng kênh tần số cho truyền hình mặt đất băng tần UHF (470-806) MHz đến năm 2020.
- Thông tư số 23/2013/TT-BTTTT ngày 24/12/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý điểm truy cập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.
- Thông tư số 21/2013/TT-BTTTT ngày 18/12/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định doanh thu dịch vụ viễn thông.
- Thông tư số 18/2013/TT-BTTTT ngày 15/10/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
- Thông tư số 15/2013/TT-BTTTT ngày 01/7/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 20/2012/TT-BTTTT ngày 04/12/2012.
- Thông tư số 13/2013/TT-BTTTT ngày 14/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy hoạch phân kênh tần số cho nghiệp vụ cố định mặt đất băng tần (30-30.000) MHz.
- Thông tư số 12/2013/TT-BTTTT ngày 13/5/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
- Thông tư số 11/2013/TT-BTTTT ngày 13/5/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục dịch vụ viễn thông thực hiện báo cáo giá thành thực tế, giá thành kế hoạch.
- Thông tư số 08/2013/TT-BTTTT ngày 26/3/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.
- Thông tư số 07/2013/TT-BTTTT ngày 18/3/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định thời điểm cụ thể tích hợp chức năng thu truyền hình số mặt đất đối với máy thu hình sản xuất và nhập khẩu để sử dụng tại Việt Nam.
- Thông tư số 04/2013/TT-BTTTT ngày 23/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM đến năm 2020.
- Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu.

## 2.4 Circulars

### 2.4.1 Telecommunications

- Joint Circular No. 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT dated Dec 30<sup>th</sup>, 2013 guiding the mechanism, principle of control of rents and valuation methods of rents of shared technical infrastructure facilities.
- Joint Circular No. 10/2013/TTLT-BTTTT-BQP-BCA dated May 9<sup>th</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications, Ministry of National Defense and Ministry of Public Security guiding the mechanism of cooperation in processing hazardous noises among radio stations for purposes of national defense, security and socio-economics.
- Circular No. 26/2013/TT-BTTTT dated Dec 27<sup>th</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications promulgating a master plan on the use of frequency channels to terrestrial television via the UHF band (470-806) MHz to 2020.
- Circular No. 23/2013/TT-BTTTT dated Dec 24<sup>th</sup>, 2013 regulating the management of public internet access points and public electronic game service points.
- Circular No. 21/2013/TT-BTTTT dated Dec 18<sup>th</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications on the revenue of telecommunications services.
- Circular No. 18/2013/TT-BTTTT dated Oct 15<sup>th</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications promulgating the national technical regulations on frequency spectrum and compatible electronics of DVB T2 digital transmitters.
- Circular No. 15/2013/TT-BTTTT dated Jul 1<sup>st</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications amending, supplementing the Circular No. 20/2012/TT-BTTTT dated Dec 4<sup>th</sup>, 2012.
- Circular No. 13/2013/TT-BTTTT dated Jun 14<sup>th</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications promulgating a master plan on allocation of frequency channels for stabilizing and mobilizing band ground (30-30,000) MHz.
- Circular No. 12/2013/TT-BTTTT dated May 13<sup>th</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications guiding the licensing of telecommunication services.
- Circular No. 11/2013/TT-BTTTT dated May 13<sup>th</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications promulgating a list of telecommunication services requiring reports on actual and planned costs.
- Circular No. 08/2013/TT-BTTTT dated Mar 26<sup>th</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications on telecommunications service quality management;
- Circular No. 07/2013/TT-BTTTT dated Mar 18<sup>th</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications regulating the points of time to integrate the function of recording terrestrial digital television applied to produced and imported TV sets to use in Viet Nam.
- Circular No. 04/2013/TT-BTTTT dated Jan 23<sup>rd</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications promulgating a master plan on the use of the channels broadcasted via FM frequencies to 2020.
- Circular No. 03/2013/TT-BTTTT dated Jan 22<sup>nd</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications providing applicable standards, technical regulations for data centers.

- Thông tư số 02/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng.
- Thông tư số 01/2013/TT-BTTTT ngày 10/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
- Thông tư số 20/2012/TT-BTTTT ngày 04/12/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
- Thông tư số 18/2012/TT-BTTTT ngày 15/11/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông Danh mục doanh nghiệp viễn thông, nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng.
- Thông tư số 17/2012/TT-BTTTT ngày 05/11/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định việc tổ chức và đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai.
- Thông tư số 16/2012/TT-BTTTT ngày 30/10/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định phương pháp xác định và chế độ báo cáo giá thành dịch vụ viễn thông.
- Thông tư số 14/2012/TT-BTTTT ngày 12/10/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định giá cước dịch vụ thông tin di động mặt đất.
- Thông tư số 12/2012/TT-BTTTT ngày 30/7/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.
- Thông tư số 10/2012/TT-BTTTT ngày 10/7/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành danh mục dịch vụ viễn thông quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.
- Thông tư số 05/2012/TT-BTTTT ngày 18/5/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông về phân loại các dịch vụ viễn thông.
- Thông tư số 04/2012/TT-BTTTT ngày 13/4/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý thuê bao di động trả trước.
- Thông tư số 03/2012/TT-BTTTT ngày 20/3/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, điều kiện kỹ thuật và khai thác kèm theo.
- Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BTTTT-BGTVT ngày 24/02/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc quản lý, cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không.
- Thông tư số 35/2011/TT-BTTTT ngày 06/12/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông hủy bỏ tiêu chuẩn ngành về điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin.
- Thông tư số 32/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy.

- Circular No. 02/2013/TT-BTTTT dated Jan 22<sup>nd</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications providing a list of telecommunication services subject to quality management.
- Circular No. 01/2013/TT-BTTTT dated Jan 10<sup>th</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications promulgating national technical standards.
- Circular No. 20/2012/TT-BTTTT dated Dec 4<sup>th</sup>, 2012 of the Ministry of Information and Communications promulgating national technical standards.
- Circular No. 18/2012/TT-BTTTT dated Nov 15<sup>th</sup>, 2012 of the Ministry of Information and Communications providing a list of telecommunications operators with dominant positions on market for the important telecommunication services.
- Circular No. 17/2012/TT-BTTTT dated Nov 5<sup>th</sup>, 2012 of the Ministry of Information and Communications providing the organization and stabilization of communication service for directing and administering in terms of natural disasters prevention.
- Circular No. 16/2013/TT-BTTTT dated Oct 30<sup>th</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications providing methods for identification and reporting of telecommunication services costs.
- Circular No. 14/2012/TT-BTTTT dated Oct 12<sup>th</sup>, 2012 of the Ministry of Information and Communications on charges of terrestrial mobile communication services.
- Circular No. 12/2012/TT-BTTTT dated Jul 30<sup>th</sup>, 2012 of the Ministry of Information and Communications providing the examination for the right to use radio frequencies;
- Circular No. 10/2012/TT-BTTTT dated Jul 10<sup>th</sup>, 2012 of the Ministry of Information and Communications promulgating a list of telecommunication services specified in Clause 1, Article 3 of the Government's Decree No. 25/2011/ND-CP dated Apr 6<sup>th</sup>, 2011 detailing and guiding the implementation of some articles of the Law on Telecommunications.
- Circular No. 05/2012/TT-BTTTT dated May 18<sup>th</sup>, 2012 of the Ministry of Information and Communications on the classification of telecommunication services.
- Circular No. 04/2012/TT-BTTTT dated Apr 13<sup>th</sup>, 2012 of the Ministry of Information and Communications on the management of pre-paid mobile subscribers.
- Circular No. 03/2012/TT-BTTTT dated Mar 20<sup>th</sup>, 2012 of the Ministry of Information and Communications regulating the list of radio equipment to be exempted from the license to use radio frequencies with corresponding technical and operating conditions.
- Joint Circular No. 01/2012/TTLT-BTTTT-BGTVT dated Feb 24<sup>th</sup>, 2012 of the Ministry of Information and Communications and Ministry of Transport guiding the management, certification of radio frequencies for radio stations using frequencies in airway mobile business and airway navigation radio business.
- Circular No. 35/2011/TT-BTTTT dated Dec 6<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications canceling the industry standards on electronics, telecommunications and information technology.
- Circular No. 32/2011/TT-BTTTT dated Oct 31<sup>st</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications promulgating a list of information and communication technology products and goods subject to be certified and announced of standard conformity.

- Thông tư số 31/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy.
- Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông.
- Thông tư số 29/2011/TT-BTTTT ngày 26/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thông.
- Thông tư số 22/2011/TT-BTTTT ngày 02/8/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành cuộc kết nối cuộc gọi từ mạng thông tin di động mặt đất đến mạng viễn thông cố định mặt đất nội hạt.
- Thông tư số 18/2011/TT-BTTTT ngày 30/6/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy trình kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng.
- Thông tư số 11/2011/TT-BTTTT ngày 26/5/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thông.

#### **2.4.2 Internet**

- Thông tư số 27/2011/TT-BTTTT ngày 04/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về điều phối các hoạt động ứng cứu sự cố mạng Internet Việt Nam.
- Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08/4/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24/12/2008 và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30/12/2008.
- Thông tư số 03/2009/TT-BTTTT ngày 02/3/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc mã số quản lý và mẫu giấy chứng nhận mã số quản lý đối với nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet.
- Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30/12/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13/8/2008 về chống thư rác.
- Thông tư số 10/2008/TT-BTTTT ngày 24/12/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc giải quyết tranh chấp tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”.
- Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24/12/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.
- Thông tư số 05/2008/TT-BTTTT ngày 12/11/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn một số điều của Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet đối với dịch vụ Internet.

#### **2.4.3 Phát thanh - Truyền hình và Thông tin điện tử**

- Thông tư số 33/2011/TT-BTTTT ngày 01/11/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định việc cấp phép hoạt động báo chí điện tử, giấy phép chuyên trang điện tử.

- Circular No. 31/2011/TT-BTTTT dated Oct 31<sup>st</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications promulgating a list of information and communication technology products and goods subject to be announced of standard conformity.
- Circular No. 30/2011/TT-BTTTT dated Oct 31<sup>st</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications regulating of certification and announcement of standard conformity to information and communications technology products and goods.
- Circular No. 29/2011/TT-BTTTT dated Oct 26<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications promulgating national technical regulations on telecommunications.
- Circular No. 22/2011/TT-BTTTT dated Aug 2<sup>nd</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications regulating connection charges of calls from terrestrial mobile networks to the local terrestrial fixed networks.
- Circular No. 18/2011/TT-BTTTT dated Jun 30<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications promulgating an accreditation procedure of public terrestrial mobile base stations.
- Circular No. 11/2011/TT-BTTTT dated May 26<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications promulgating national technical regulations on telecommunications.

#### **2.4.2 Internet**

- Circular No. 27/2011/TT-BTTTT dated Oct 4<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications regulating the coordination of incident response activities on the Internet in Viet Nam.
- Circular No. 09/2011/TT-BTTTT dated Apr 8<sup>th</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications amending, supplementing some provisions of the Circular No. 09/2008/TT-BTTTT dated Dec 24<sup>th</sup>, 2008 and Circular No. 12/2008/TT-BTTTT dated Dec 30<sup>th</sup>, 2008.
- Circular No. 03/2009/TT-BTTTT dated Mar 2<sup>nd</sup>, 2009 of the Ministry of Information and Communications promulgating the regulations on management codes and management code sample certificates for advertising service providers by e-mail, via SMS and message on the Internet.
- Circular No. 12/2008/TT-BTTTT dated Dec 30<sup>th</sup>, 2008 of the Ministry of Information and Communications guiding the implementation of some provisions of the Government's Decree No. 90/2008/ND-CP dated Aug 13<sup>th</sup>, 2008 on anti-spam.
- Circular No. 10/2008/TT-BTTTT dated Dec 24<sup>th</sup>, 2008 of the Ministry of Information and Communications guiding the settlement of disputes over the Viet Nam national code domain name “.vn”.
- Circular No. 09/2008/TT-BTTTT dated Dec 24<sup>th</sup>, 2008 of the Ministry of Information and Communications guiding the management and use of Internet resources.
- Circular No. 05/2008/TT-BTTTT dated Nov 12<sup>th</sup>, 2008 of the Ministry of Information and Communications guiding some articles of the Government's Decree No. 97/2008/ND-CP dated Aug 28<sup>th</sup>, 2008 on the management, provision and use of Internet service and electronic information on the Internet.

#### **2.4.3 Broadcasting and Electronic Information**

- Circular No. 33/2011/TT-BTTTT dated Nov 1<sup>st</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications detailing the licensing of e-newspapers and specific websites.

- Thông tư số 28/2011/TT-BTTTT ngày 21/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành các mẫu Tờ khai đăng ký, mẫu Đơn đề nghị cấp phép, mẫu Chứng nhận đăng ký và mẫu Giấy phép quy định tại Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 20/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền.
- Thông tư số 14/2010/TT-BTTTT ngày 29/6/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet đối với hoạt động quản lý trang thông tin điện tử và dịch vụ mạng xã hội trực tuyến.
- Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT ngày 18/12/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn một số nội dung về hoạt động cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử cá nhân trong Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.

### 3. VỀ BƯU CHÍNH

#### 3.1 Luật

- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/6/2010.

#### 3.2 Nghị định

- Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.
- Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính

#### 3.3 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 72/2011/QĐ-TTg ngày 22/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 65/2008/QĐ-TTg ngày 22/5/2008.
- Quyết định số 41/2011/QĐ-TTg ngày 03/8/2011 về việc chỉ định doanh nghiệp thực hiện duy trì, quản lý mạng bưu chính công cộng, cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính quốc tế.
- Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 22/5/2008 về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.
- Quyết định số 39/2007/QĐ-TTg ngày 21/3/2007 về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông.

#### 3.4 Thông tư

- Thông tư số 20/2013/TT-BTTTT ngày 05/12/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mức giá cước tối đa đối với dịch vụ bưu chính phổ cập.
- Thông tư số 17/2013/TT-BTTTT ngày 02/8/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hoạt động của điểm bưu điện văn hóa xã.

- Circular No. 28/2011/TT-BTTTT dated Oct 21<sup>st</sup>, 2011 of the Ministry of Information and Communications promulgating sample papers of Registration Declaration, Certification Request, Registration Certificate and License in the Prime Minister's Decision No. 20/2011/QD-TTg dated Mar 20<sup>th</sup>, 2011 promulgating the Regulation on pay television management.
- Circular No. 14/2010/TT-BTTTT dated Jun 29<sup>th</sup>, 2010 of the Ministry of Information and Communications detailing a number of contents of the Government's Decree No. 97/2008/ND-CP dated Aug 28<sup>th</sup>, 2008 on the management, provision and use of Internet service and information on the Internet regarding the supply of information on blogs.
- Circular No. 07/2008/TT-BTTTT dated Dec 18<sup>th</sup>, 2008 of the Ministry of Information and Communications guiding some articles on the management of websites and online social network service of the Government's Decree No. 97/2008/ND-CP dated Aug 28<sup>th</sup>, 2008 on the management, provision and use of the Internet service and electronic information on the Internet.

### 3. POSTS

#### 3.1 Law

- Law on Post (No. 49/2010/QH12, Promugator: The National Assembly, Dated: Jun 17<sup>th</sup>, 2010).

#### 3.2 Government's Decrees

- Decree No. 174/2013/ND-CP dated Nov 13<sup>th</sup>, 2013 on sanctioning of administrative violations in the field of posts, telecommunications, information technology and radio frequencies.
- Decree No. 47/2011/ND-CP dated Jun 17<sup>th</sup>, 2011 detailing some regulations of the Law on Post.

#### 3.3 Prime Minister's Decisions

- Decision No. 72/2011/QD-TTg dated Dec 22<sup>nd</sup>, 2011 amending, supplementing some articles of Decision No. 65/2008/QD-TT dated May 22<sup>nd</sup>, 2008.
- Decision No. 41/2011/QD-TTg dated Aug 3<sup>rd</sup>, 2011 on appointing enterprises to maintain, manage public postal network, supply public utility postal services and international postal services.
- Decision No. 65/2008/QD-TTg dated May 22<sup>nd</sup>, 2008 on the provision of public utility postal services.
- Decision No. 39/2007/QD-TTg dated Mar 21<sup>st</sup>, 2007 on the management of postal and telecommunication service charges.

#### 3.4 Circulars

- Circular No. 20/2013/TT-BTTTT dated Dec 5<sup>th</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications providing maximum charges applied to universal postal services.
- Circular No. 17/2013/TT-BTTTT dated Aug 2<sup>nd</sup>, 2013 of the Ministry of Information and Communications providing the operation of communal post offices.





# XI HỢP TÁC QUỐC TẾ

## International Cooperation



## 1. CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN NGÀNH QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC MÀ VIỆT NAM THAM GIA LÀ THÀNH VIÊN

### 1.1 Tham gia với tư cách quốc gia thành viên

- Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU)
- Tổ chức Vệ tinh Viễn thông Quốc tế (ITSO)
- Tổ chức Thông tin Vũ trụ (INTERSPUTNIK)
- Liên minh Viễn thông châu Á - Thái Bình Dương (APT)
- Liên minh Bưu chính Thế giới (UPU)
- Liên minh Bưu chính châu Á - Thái Bình Dương (APPU)
- Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á - ASEAN (Hội nghị Bộ trưởng Viễn thông - ASEAN TELMIN, Hội nghị quan chức viễn thông - ASEAN TELSOM, Hội đồng điều hành viễn thông ASEAN - ATRC)
- Nhóm công tác về viễn thông và thông tin (APEC TEL) trong khuôn khổ Diễn đàn kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC)
- Diễn đàn Hợp tác Á - Âu ASEM (Hội nghị Bộ trưởng ASEM về CNTT-TT)

### 1.2 Tham gia là thành viên của các tổ chức và hiệp hội ngành nghề

- Liên minh Dịch vụ và Công nghệ thông tin Thế giới (WITSA)
- Tổ chức Công nghiệp Điện toán châu Á - châu Đại Dương (ASOCIO)
- Liên đoàn Quốc tế về Công nghệ thông tin (IFIP)
- Trung tâm thông tin mạng châu Á - Thái Bình Dương (APNIC)
- Nhóm ứng cứu khẩn cấp máy tính châu Á - Thái Bình Dương (APCERT)
- Tổ chức hợp tác quốc tế đa phương đối với mối đe dọa trong không gian mạng (ITU- IMPACT)

## 2. MỘT SỐ SỰ KIỆN QUỐC TẾ TỔ CHỨC TẠI VIỆT NAM

TT	Sự kiện	Thời gian
1	Hội nghị Ủy ban Văn hóa - Thông tin ASEAN lần thứ 47	10-15/12/2012
2	Hội nghị vô tuyến châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 13 (AWG-13)	12-15/9/2012
3	Hội nghị khu vực châu Á - Thái Bình Dương lần thứ nhất chuẩn bị cho Hội nghị thông tin vô tuyến thế giới 2015 (APG 15-1)	10-11/9/2012
4	Hội nghị Quan chức Viễn thông và Công nghệ thông tin ASEAN (Special Telsom)	05-07/9/2012
5	Hội thảo "Phát triển bền vững cho các doanh nghiệp bưu chính khu vực Châu Á-Thái Bình Dương"	25-28/6/2012

## 1. MEMBERSHIP IN INTERNATIONAL AND REGIONAL ORGANIZATIONS

### 1.1 State members of inter-governmental specialized international and regional organizations

- International Telecommunication Union (ITU)
- International Telecommunication Satellite Organization (ITSO)
- Intersputnik International Organization of Space Communications (INTERSPUTNIK)
- Asia Pacific Telecommunity (APT)
- Universal Postal Union (UPU)
- Asia Pacific Postal Union (APPU)
- Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) (ASEAN TELMIN - ASEAN Telecommunications Ministers Meeting, ASEAN TELSOM - Telecommunications Senior Officials Meeting, ATRC - ASEAN Telecom Regulators Council)
- Asia Pacific Economic Cooperation - APEC (APEC Telecommunications and Information Working Group - APEC TEL)
- Asia Europe Meeting (ASEM) (ASEM ICT Ministerial Meeting)

### 1.2 Members of professional organizations and associations

- World Information Technology and Service Alliance (WITSA)
- Asian - Oceanian Computing Industry Organization (ASOCIO)
- International Federation for Information Processing (IFIP)
- Asia Pacific Network Information Centre (APNIC)
- Asia Pacific Computer Emergency Response Team (APCERT)
- International Multilateral Partnership Against Cyber Threats (ITU- IMPACT)

## 2. RECENT MAJOR EVENTS ORGANIZED IN VIET NAM

TT	Events	Date
1	47 <sup>th</sup> Meeting of ASEAN Committee on Culture and Information	10-15 Dec 2012
2	13 <sup>th</sup> Meeting of the APT wireless group (AWG-13)	12-15 Sep 2012
3	1 <sup>st</sup> Meeting of the APT Conference preparatory group for WRC – 15 (APG 15-1)	10-11 Sep 2012
4	The special meeting of ASEAN telecommunications and IT Senior officials (Special Telsom)	05-07 Sep 2012
5	2 <sup>nd</sup> sustainable development seminar for postal operators in Asia-Pacific countries	25-28 Jun 2012

TT	Sự kiện	Thời gian
6	Hội nghị lần thứ 45 Nhóm công tác viễn thông trong APEC (APEC TEL 45)	03-11/4/2012
7	Hội thảo khu vực ASEAN của ITU về Phối hợp kiểm soát tần số HF	08-09/12/2011
8	Hội thảo kết nối nông thôn vì giáo dục và phát triển của ASEAN	21- 23/9/2011
9	Hội thảo khu vực châu Á - Thái Bình Dương của ITU về số hóa phát thanh truyền hình và sử dụng tần số sau số hóa	26-27/5/2011
10	Hội nghị Cấp cao khu vực châu Á về Truyền thông đa phương tiện lần thứ 8	23-26/5/2011
11	Diễn đàn Chính sách và thể lệ APT lần thứ 11	17-19/5/2011
12	Hội thảo ITU dành cho Căm-pu-chia, Lào, Mi-an-ma và Việt Nam về Công nghệ và Dịch vụ NGN/IP	14-17/12/2010
13	Hội nghị Bưu chính các nước ASEAN lần thứ 17	25-27/11/2010
14	Hội nghị các Nhà quản lý Viễn thông ASEAN (ATRC)	07-10/7/2010
15	Cuộc họp Nhóm nghiên cứu số 5D của ITU, Hội thảo khu vực về IMT	09-16/6/2010
16	Phiên họp liên tịch giữa Hội đồng lần thứ 38 và Ủy ban khai thác lần thứ 11 của Tổ chức Intersputnik	27-28/4/2010
17	Phiên họp Quan chức cấp cao không chính thức ASEAN về công nghệ thông tin và viễn thông (TELSOM Leader Retreat)	19-20/01/2010
18	Hội nghị Bộ trưởng Viễn thông Tiểu khu vực (Căm-pu-chia, Lào, Mi-an-ma, Việt Nam)	10-12/12/2009
19	Diễn đàn Công nghệ thông tin Thế giới 2009 (WITFOR)	26-28/8/2009
20	Cuộc họp Nhóm công tác Quan chức Viễn thông ASEAN	26-29/4/2009
21	Hội nghị lần thứ sáu Diễn đàn Thông tin Vô tuyến APT	31/3 - 3/4/2009
22	Hội thảo khu vực của APT về Quản lý và Kiểm soát Tần số	30/3/2009
23	Cuộc họp Nhóm cước châu Á – Thái Bình Dương thuộc Nhóm nghiên cứu số 3 ITU	05-06/3/2009
24	Hội thảo chuyên đề của Khu vực về cước (dành cho quốc gia thành viên Nhóm cước châu Á – châu Đại Dương)	04/3/2009
25	Cuộc họp lần thứ 3 của APT chuẩn bị cho Khóa họp tiêu chuẩn hóa Viễn thông Thế giới 2008 (WTSA 2008-03)	17-19/9/2008
26	Diễn đàn phát triển Khu vực châu Á – Thái Bình Dương của ITU về thu hẹp khoảng cách tiêu chuẩn hóa Công nghệ thông tin và Truyền thông	15-16/9/2008
27	Cuộc họp lần thứ 31 Hội đồng điều hành Liên minh Bưu chính châu Á – Thái Bình Dương (APPU)	09-13/6/2008

TT	Events	Date
6	The 45 <sup>th</sup> Meeting of APEC Telecommunications and Information Working Group (APEC TEL 45)	03-11 April 2012
7	ITU workshop on “HF monitoring coordination in Asean”	08-09 Dec 2011
8	ASEAN rural connectivity conference for education and development	21-23 Sep 2011
9	ITU Regional Workshop on transition to digital broadcasting and digital dividend	26-27 May 2011
10	8 <sup>th</sup> ASIA Media Summit 2011 (AMS 8)	23-26 May 2011
11	11 <sup>th</sup> Meeting of the APT policy and regulatory forum (PRF-11)	17-19 May 2011
12	ITU Subregional Workshop for Cambodia, Lao PDR., Myanmar and Viet Nam on “NGN/IP Technologies and Services”	14-17 Dec 2010
13	17 <sup>th</sup> ASEAN Posts Meeting	25-27 Nov 2010
14	16 <sup>th</sup> ASEAN Telecommunication Regulators’ Council Meeting	07-10 Jul 2010
15	Meeting of ITU-R Working Party 5D and Seminar on IMT systems	9-16 Jun 2010
16	38 <sup>th</sup> Joint Session of the Board and 11 <sup>th</sup> Meeting of the Operation Committee of INTERSPUTNIK	27-28 Apr 2010
17	3 <sup>rd</sup> TELSOM Leaders Retreat Meeting of ASEAN	19-20 Jan 2010
18	16 <sup>th</sup> Subregional Telecommunication Ministerial Meeting for Cambodia, Lao PDR., Myanmar and Viet Nam	10-12 Dec 2009
19	World Information Technology Forum 2009 (WITFOR 2009)	26-28 Aug 2009
20	ASEAN TELSOM Joint Working Group and Working Groups Meeting	26-29 Apr 2009
21	6 <sup>th</sup> Meeting of the APT Wireless Forum	31 Mar - 03 Apr 2009
22	APT Workshop on “Spectrum Management & Monitoring”	30 Mar 2009
23	ITU Study Group 3 Regional Group for Asia and Oceania (SG3RG-AO)	05-06 Mar 2009
24	Regional Seminar on Costs and Tariffs for member countries of the Regional Group for Asia and Oceania (SG3RG-AO)	04 Mar 2009
25	3 <sup>rd</sup> APT Preparatory Meeting for WTSA-2008 (WTSA 2008-03)	17-19 Sep 2008
26	ITU Regional Development Forum 2008 for Asia Region on Bridging the ICT standardization gap in developing countries	15-16 Sep 2008
27	31 <sup>st</sup> APPU Executive Council Meeting	09-13 Jun 2008





# CÁC SỰ KIỆN CNTT-TT TIÊU BIỂU HÀNG NĂM TẠI VIỆT NAM

## Annual ICT Events in Viet Nam



TT	Tên sự kiện	Địa điểm	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
1	Hội thảo an ninh bảo mật quốc gia	Hà Nội	Tháng 3	Bộ Công an	www.securityworld.com.vn
2	Giải thưởng CNTT-TT Việt Nam	Hà Nội	Tháng 3	Bộ TT&TT	
3	Triển lãm Quốc tế Điện tử, Viễn thông & Mạng Việt Nam	Hà Nội	Tháng 4	VEIA	www.vce.vn
4	Giải thưởng Sao Khuê	Hà Nội	Tháng 4	VINASA	www.saokhueaward.vn
5	Hội nghị Viễn thông Quốc tế	Hà Nội	Tháng 5	Bộ TT&TT	
6	Hội thảo - Triển lãm Banking Việt Nam	Hà Nội	Tháng 5	Ngân hàng nhà nước VN	www.bankingvn.com.vn
7	Diễn đàn cấp cao CNTT-TT Việt Nam	Hà Nội	Tháng 6	VINASA	www.vinasa.org.vn
8	Hội nghị và Lễ trao giải Lãnh đạo CNTT tiêu biểu Đông Nam Á	Hà Nội	Tháng 7	IDG	www.cio.org.vn
9	Hội thảo Toàn cảnh CNTT-TT Việt Nam và Triển lãm sản phẩm máy tính, điện tử	TP.HCM	Tháng 7	HCA	www.vcw.com.vn
10	Giải thưởng Huy chương vàng và Top 5 ICT Việt Nam	TP.HCM	Tháng 7	HCA	www.hca.org.vn
11	Triển lãm thế giới CNTT viễn thông và điện tử Việt Nam	Các tỉnh	Tháng 8	IDG	www.viexpo.com.vn
12	Hội thảo hợp tác phát triển CNTT-TT	Các tỉnh	Tháng 8	VAIP	www.itweek.org.vn; www.vaip.org.vn
13	Hội thảo và Triển lãm Tài chính Việt Nam	Hà Nội hoặc TP.HCM	Tháng 9	Bộ Tài chính	www.ictfinance.vn
14	Tuần lễ mua sắm trực tuyến	Hà Nội và TP. HCM	Tháng 9	Hiệp hội thương mại điện tử	www.vecom.vn
15	Ngày CNTT Nhật Bản	Hà Nội hoặc TP.HCM	Tháng 9	VINASA	www.vinasa.org.vn
16	Triển lãm và Hội nghị quốc tế Mobile Viet Nam	Hà Nội	Tháng 10	Bộ TT&TT	
17	Tuần lễ Tin học Việt Nam	Hà Nội	Tháng 10	VAIP	www.itweek.org.vn
18	Hội thảo & Triển lãm sản phẩm và dịch vụ CNTT thương hiệu Việt	TP. HCM	Tháng 11	MIC	www.vibrand.vn
19	Ngày An toàn thông tin Việt Nam	Hà Nội và TP. HCM	Tháng 11	VNISA	www.vnisa.org.vn
20	Triển lãm về Viễn thông, Internet, CNTT và các sản phẩm điện tử	Hà Nội hoặc TP.HCM	Tháng 11	VNPT	2 năm 1 lần www.vnpt.com.vn
21	Ngày Internet Việt Nam	Hà Nội	Tháng 12	Hiệp hội Internet VN	www.via.org.vn
22	Hội nghị và Lễ trao giải Lãnh đạo An toàn thông tin tiêu biểu	TP. HCM	Tháng 12	IDG	www.cso.org.vn

No	Event	Venue	Time	Host by	Remark
1	Security World Conference	Ha Noi	March	MPS	<a href="http://www.securityworld.com.vn">www.securityworld.com.vn</a>
2	Viet Nam ICT Awards	Ha Noi	March	MIC	
3	Viet Nam Consumer Electronics Expo	Ha Noi	April	VEIA	<a href="http://www.vce.vn">www.vce.vn</a>
4	Sao Khue Awards	Ha Noi	April	VINASA	<a href="http://www.saokhueaward.vn">www.saokhueaward.vn</a>
5	Viet Nam International Telecommunication Summit	Ha Noi	May	MIC	
6	Banking Viet Nam Conference & Expo	Ha Noi	May	SBV	<a href="http://www.bankingvn.com.vn">www.bankingvn.com.vn</a>
7	Viet Nam ICT Summit	Ha Noi	June	VINASA	<a href="http://www.vinasa.org.vn">www.vinasa.org.vn</a>
8	CIO Summit & Awards	Ha Noi	July	IDG	<a href="http://www.cio.org.vn">www.cio.org.vn</a>
9	Viet Nam IT Outlook & Viet Nam Computer Electronics World Expo	HCMC	July	HCA	<a href="http://www.vcw.com.vn">www.vcw.com.vn</a>
10	The Gold Medal Awards & The Cup Top 5 ICT Viet Nam	HCMC	July	HCA	<a href="http://www.hca.org.vn">www.hca.org.vn</a>
11	Viet Nam IT and Telecom Electronics World Expo	Provinces	August	IDG	<a href="http://www.viexpo.com.vn">www.viexpo.com.vn</a>
12	Workshop on ICT Development Cooperation	Provinces	August	VAIP	<a href="http://www.itweek.org.vn">www.itweek.org.vn</a> ; <a href="http://www.vaip.org.vn">www.vaip.org.vn</a>
13	Viet Nam ICT in Finance Conference	Ha Noi or HCMC	September	MOF	<a href="http://www.ictfinance.vn">www.ictfinance.vn</a>
14	Online Shopping Week	Ha Noi and HCMC	September	VECOM	<a href="http://www.vecom.vn">www.vecom.vn</a>
15	Japan ICT day	HCMC	September	VINASA	<a href="http://www.vinasa.org.vn">www.vinasa.org.vn</a>
16	International Exhibition and Conference Mobile Viet Nam	Ha Noi	October	MIC	
17	Viet Nam IT Week	Ha Noi	October	VAIP	<a href="http://www.itweek.org.vn">www.itweek.org.vn</a>
18	Conference and Exhibition on Viet Nam ICT brand name products and services	HCMC	November	MIC	<a href="http://www.vibrand.vn">www.vibrand.vn</a>
19	Viet Nam Information Security Day	Ha Noi and HCMC	November	VNISA	<a href="http://www.vnisa.org.vn">www.vnisa.org.vn</a>
20	Viet Nam Telecom, Internet Electronics Exhibition	Ha Noi or HCMC	November	VNPT	biennially <a href="http://www.vnpt.com.vn">www.vnpt.com.vn</a>
21	Viet Nam Internet Day	Ha Noi	December	VIA	<a href="http://www.via.org.vn">www.via.org.vn</a>
22	CSO Conference and Awards	HCMC	December	IDG	<a href="http://www.cso.org.vn">www.cso.org.vn</a>





# CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN- TRUYỀN THÔNG

**Agencies, Organizations on ICT**



## 1. CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

### Vụ Bưu chính

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3822 6625; Fax: (84-4) 3822 6954  
Email: vanthubuuchinh@mic.gov.vn

### Vụ Công nghệ thông tin

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3943 6404; Fax: (84-4) 3943 6404  
Website: www.ict-industry.gov.vn

### Vụ Khoa học và Công nghệ

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3943 7328; Fax: (84-4) 3943 7328  
Email: vanhukhcn@mic.gov.vn

### Vụ Quản lý doanh nghiệp

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Email: vanhquqln@mic.gov.vn

### Vụ Kế hoạch - Tài chính

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3943 7077; Fax: (84-4) 3822 8869  
Email: vanhukhtc@mic.gov.vn

### Vụ Hợp tác quốc tế

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3943 0204; Fax: (84-4) 3822 6590  
Email: vanhuthqt@mic.gov.vn

### Vụ Pháp chế

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3943 7312; Fax: (84-4) 3943 7313  
Email: vanhuphapche@mic.gov.vn

### Vụ Thi đua - Khen thưởng

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3943 6577; Fax: (84-4) 3943 6577  
Email: vanhuthdkt@mic.gov.vn

### Vụ Tổ chức cán bộ

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3943 1814; Fax: (84-4) 3943 1814  
Email: vanhutccb@mic.gov.vn

### Vụ Thông tin cơ sở

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Email: vanhuttcs@mic.gov.vn

### Thanh tra Bộ

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3556 3852; Fax: (84-4) 3556 3855  
Email: vanhuthanhtra@mic.gov.vn

### Văn phòng Bộ

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3943 5602; Fax: (84-4) 3826 3477  
Email: tonghop@mic.gov.vn

### Cục Viễn thông

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Dophine Plaza, 28 Trần Bình,  
huyện Từ Liêm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3943 6608; Fax: (84.4) 3943 6607  
Website: www.vnta.gov.vn

### Cục Tần số vô tuyến điện

Địa chỉ: 115 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3556 4919; Fax: (84-4) 3556 4930  
Website: www.cuctanso.vn; www.rfd.gov.vn;

### Cục An toàn thông tin

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Email: vanhucattt@mic.gov.vn

### Cục Tin học hóa

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Detech, Số 8 Tôn Thất Thuyết,  
Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3537 8201; Fax: (84-4) 3537 8208  
Website: www.diap.gov.vn; www.aita.gov.vn

## 1. UNITS OF THE MINISTRY OF INFORMATION AND COMMUNICATIONS

### *Department of Posts*

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3822 6625; Fax: (84-4) 3822 6954  
Email: vanthubuuchinh@mic.gov.vn

### *Department of Information Technology*

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3943 6404; Fax: (84-4) 3943 6404  
Website: www.ict-industry.gov.vn

### *Department of Science and Technology*

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3943 7328; Fax: (84-4) 3943 7328  
Email: vanthukhcn@mic.gov.vn

### *Department of Enterprise Management*

Address: No 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Email: vanthuqldn@mic.gov.vn

### *Department of Planning and Finance*

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3943 7077; Fax: (84-4) 3822 8869  
Email: vanthukhtc@mic.gov.vn

### *Department of International Cooperation*

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3943 0204; Fax: (84-4) 3822 6590  
Email: vanthuqt@mic.gov.vn

### *Department of Legal Affairs*

Address: No 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3943 7312; Fax: (84-4) 3943 7313  
Email: vanthuphapche@mic.gov.vn

### *Department of Emulation and Rewarding*

Address: No 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3943 7312; Fax: (84-4) 3943 7313  
Email: vanthudkt@mic.gov.vn

### *Department of Personnel and Organization*

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3943 1814; Fax: (84-4) 3943 1814  
Email: vanthutccb@mic.gov.vn

### *Department of Domestic Information Service*

Address: No 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Email: vanthutcs@mic.gov.vn

### *Inspectorate of MIC*

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3556 3852; Fax: (84-4) 3556 3855  
Email: vanthuthanhtra@mic.gov.vn

### *Office of MIC*

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3943 5602; Fax: (84-4) 3826 3477  
Email: tonghop@mic.gov.vn

### *Viet Nam Telecommunication Authority (VNTA)*

Address: 03<sup>rd</sup> Floor, Dophine Plaza Building, No. 28 Tran  
Binh Str., Tu Liem Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3943 6608; Fax: (84.4) 3943 6607  
Website: www.vnta.gov.vn

### *Authority of Radio Frequency Management (ARFM)*

Address: No. 115 Tran Duy Hung Str., Cau Giay Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3556 4919; Fax: (84-4) 3556 4930  
Website: www.cuctanso.vn; www.rfd.gov.vn;

### *Authority of Information Security*

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Email: vanthucattt@mic.gov.vn

### *Authority of Information Technology Application (AITA)*

Address: 02<sup>nd</sup> Floor, DETECH Building, No. 08  
Ton That Thuyet Str., Cau Giay Dist., Ha Noi,  
Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3537 8201; Fax: (84-4) 3537 8208  
Website: www.diap.gov.vn; www.aita.gov.vn

### **Cục Báo chí**

Địa chỉ: 92C Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (85-4) 3944 6290; Fax: (85-4) 3944 6287  
Email: vanthucucbaochi@mic.gov.vn

### **Cục Xuất bản, In và Phát hành**

Địa chỉ: Số 10 Đường Thành, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3828 5697; Fax: (84-4) 3828 7738  
Email: vanthucucxb@mic.gov.vn

### **Cục Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử**

Địa chỉ: 17 Trần Quốc Toản, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3944 8035; Fax: (84-4) 3944 8036  
Email: vanthucucqlpthh@mic.gov.vn

### **Cục Thông tin đối ngoại**

Địa chỉ: 07 Yết Kiêu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3767 6666; Fax: (84-4) 3767 5959  
Email: vanthucucttdn@mic.gov.vn

### **Cục Bưu điện Trung ương**

Địa chỉ: Phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84) 80 41007; Fax: (84) 80 41050

### **Cục Công tác phía Nam**

Địa chỉ: 27 Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3823 5404; Fax: (84-8) 3822 2988  
Email: vanthucucqddtphcm@mic.gov.vn

### **Cơ quan đại diện của Bộ tại TP. Đà Nẵng**

Địa chỉ: 42 Trần Quốc Toản, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng  
Điện thoại: (84-511) 389 7959; Fax: (84-511) 389 7466  
Email: daidiendanang@mic.gov.vn

### **Viện Chiến lược thông tin và truyền thông**

Địa chỉ: 115 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3556 5328; Fax: (84-4) 3556 7399  
Website: www.niics.gov.vn

### **Viện Công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam**

Địa chỉ: 115 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 6656 6708; Fax: (84-4) 3782 1632  
Website: www.nisci.gov.vn

### **Trung tâm Thông tin**

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3556 3457; Fax: (84-4) 3556 3458  
Email: tt\_tt@mic.gov.vn

### **Trung tâm Internet Việt Nam**

Địa chỉ: Khu Công Nghệ Cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất,  
Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3556 4944; Fax: (84-4) 3782 1462  
Website: www.vnnic.vn

### **Trung tâm ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Nam Hải, Khu Đô thị Vĩnh Hoàng,  
quận Hoàng Mai, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3640 4421; Fax: (84-4) 3640 4425  
Website: www.vncert.gov.vn

### **Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Detech, Số 8 Tôn Thất Thuyết,  
Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

### **Trung tâm Báo chí và Hợp tác truyền thông quốc tế**

Địa chỉ: 61B Thợ Nhuộm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3824 5621; Fax: (84-4) 3824 5623  
Website: www.vietbao.vn

### **Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý Thông tin và Truyền thông**

Địa chỉ: Km11, Xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3766 5959; Fax: (84-4) 3766 8994  
Website: www.ics.edu.vn

### **Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông**

Địa chỉ: 122 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3756 2037  
Website: www.ptit.edu.vn

**Authority of Press**

Address: No. 92C Ly Thuong Kiet Str., Hoan Kiem Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (85-4) 3944 6290; Fax: (85-4) 3944 6287  
Email: vanthucucbaochi@mic.gov.vn

**Authority of Publishing, Printing and Distributing**

Address: No. 10 Duong Thanh Str., Hoan Kiem Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3828 5697; Fax: (84-4) 3828 7738  
Email: vanthucucxb@mic.gov.vn

**Authority of Broadcasting and Electronic Information**

Address: No. 17 Tran Quoc Toan Str., Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3944 8035; Fax: (84-4) 3944 8036  
Email: vanthucucqlpth@mic.gov.vn

**Authority of Foreign Information Service**

Address: No. 07 Yet Kieu Str., Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3767 6666; Fax: (84-4) 3767 5959  
Email: vanthucuctdn@mic.gov.vn

**Authority of Central Post and Telecommunication**

Address: Quan Hoa Ward, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84) 80 41007; Fax: (84) 80 41050

**Authority of Southern Affairs**

Address: No. 27 Nguyen Binh Khiem, Dist. 1,  
Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Telephone: (84-8) 3823 5404; Fax: (84-8) 3822 2988  
Email: vanthucqddtphcm@mic.gov.vn

**Representative Office of MIC in Da Nang**

Address: No. 42 Tran Quoc Toan Str., Hai Chau Dist.,  
Da Nang, Viet Nam  
Telephone: (84-511) 389 7959; Fax: (84-511) 389 7466  
Email: dai diendanang@mic.gov.vn

**National Institute of Information and Communications Strategy (NIICS)**

Address: No. 115 Tran Duy Hung Str., Cau Giay Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3556 5328; Fax: (84-4) 3556 7399  
Website: www.niics.gov.vn

**National Institute of Software and Digital Content Industry (NISCI)**

Address: No. 115 Tran Duy Hung Str., Cau Giay Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Điện thoại: (84-4) 6656 6708; Fax: (84-4) 3782 1632  
Website: www.nisci.gov.vn

**Information Center**

Address: No 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3556 3457; Fax: (84-4) 3556 3458  
Email: tt\_tt@mic.gov.vn

**Viet Nam Internet Network Information Center (VNNIC)**

Address: Hoa Lac Hi-Tech Park., Thach That Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3556 4944; Fax: (84-4) 3782 1462  
Website: www.vnnic.vn

**Viet Nam Computer Emergency Response Team (VNCERT)**

Address: 07<sup>th</sup> Floor, Nam Hai Building, Vinh Hoang Urban  
Area, Hoang Mai Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3640 4421; Fax: (84-4) 3640 4425  
Website: www.vncert.gov.vn

**National Electronic Authentication Centre (AITA)**

Address: 02<sup>nd</sup> Floor, DETECH Building, No. 08 Ton That  
Thuyet Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

**Center for International Press and Communication Cooperation**

Address: No. 61B Tho Nhuom Str., Hoan Kiem Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3824 5621; Fax: (84-4) 3824 5623  
Website: www.vietbao.vn

**Information and Communications Public Management School**

Address: Km11, Phu Dien Ward, Tu Liem Dist., Ha Noi,  
Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3766 5959; Fax: (84-4) 3766 8994  
Website: www.ics.edu.vn

**Posts and Telecoms Institute of Technology**

Address: No. 122 Hoang Quoc Viet Str., Cau Giay  
Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3756 2037  
Website: www.ptit.edu.vn

### **Trường Cao đẳng CNTT hữu nghị Việt - Hàn**

Địa chỉ: Phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng  
Điện thoại: (84-511) 396 2962; Fax: (84-511) 396 2964  
Website: www.viethanit.edu.vn

### **Trường Cao đẳng Công nghiệp In**

Địa chỉ: Km11, Xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3763 8660; Fax: (84-4) 3765 5219  
Website: www.cdcnin.edu.vn

### **Tạp chí Công nghệ thông tin và truyền thông**

Địa chỉ: Tầng 6, 110-112 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3773 7136; Fax: (84-4) 3773 7130  
Website: www.tapchicvct.gov.vn

### **Báo Bưu điện Việt Nam**

Địa chỉ: 40A Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3936 9898; Fax: (84-4) 3936 9364  
Website: www.ictnews.vn

### **Báo điện tử VietNamNet**

Địa chỉ: Tòa nhà C' Land, 156 Xã Đàn, quận Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3772 2729; Fax: (84-4) 3772 2734  
Website: www.vietnamnet.vn

### **Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông**

Địa chỉ: 09 Ngõ 90 phố Nguyễn Như Kon Tum, quận Thanh Xuân, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3577 2139; Fax: (84-4) 3557 9858  
Website: www.nxbthongtintruyenthong.vn

### **Quý Dịch vụ Viễn thông công ích Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà VTC Online, 18 Tam Trinh, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3211 5343; Fax: (84-4) 3944 6769  
Website: www.vtf.gov.vn

### **Ban Quản lý dự án phát triển công nghệ thông tin và truyền thông tại Việt Nam**

Địa chỉ: 03 dãy A Lô 1 Khu Đô thị Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3537 7738; Fax: (84-4) 3537 7742

### **Ban Quản lý Dự án BMGF tại Việt Nam**

Địa chỉ: Phòng 2402, Nhà 24T1, Khu đô thị Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 6283 7777; Fax: (84-4) 6284 7777  
Website: www.bmgf-mic.vn

### **Đài Truyền hình kỹ thuật số VTC**

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà VTC Online, 18 Tam Trinh, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Website: www.vtc.vn

### ***Viet Nam – Korea Friendship Information Technology College***

Address: Hoa Quy Ward, Ngu Hanh Son Dist., Da Nang, Viet Nam  
Telephone: (84-511) 396 2962; Fax: (84-511) 396 2964  
Website: www.viethanit.edu.vn

### ***Printing Technology College***

Address: Km11, Phu Dien Ward, Tu Liem Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3763 8660; Fax: (84-4) 3765 5219  
Website: www.cdcnin.edu.vn

### ***Information Technology and Communications Journal***

Address: 6<sup>th</sup> Floor, No. 110-112 Ba Trieu Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3773 7136; Fax: (84-4) 3773 7130  
Website: www.tapchibcvn.gov.vn

### ***Viet Nam Post Newspaper***

Address: No. 40A Hang Bai Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3936 9898; Fax: (84-4) 3936 9364  
Website: www.ictnews.vn

### ***VietNamNet E-newspaper***

Address: C' Land Building, No. 156 Xa Dan Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3772 2729; Fax: (84-4) 3772 2734  
Website: www.vietnamnet.vn

### ***Information and Communications Publishing House***

Address: No. 09 Lane No. 90, Nguy Nhu Kon Tum Str., Thanh Xuan Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3577 2139; Fax: (84-4) 3557 9858  
Website: www.nxbthongtintruyenthong.vn

### ***Viet Nam Public Utility Telecommunication Service Fund***

Address: 19<sup>th</sup> Floor VTC Online Building, No. 18 Tam Trinh Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3211 5343; Fax: (84-4) 3944 6769  
Website: www.vtf.gov.vn

### ***Viet Nam ICT Development Project Management Unit***

Address: No. 3A Plot 1 Trung Yen Urban Area, Trung Hoa Ward, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3537 7738; Fax: (84-4) 3537 7742

### ***BMGF's Project Management Unit in Viet Nam***

Address: Room 2402, 24T1 Building, Trung Hoa Urban Area, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 6283 7777; Fax: (84-4) 6284 7777  
Website: www.bmgf-mic.vn

### ***VTC Digital TV Station***

Address: 10<sup>th</sup> Floor, VTC Online Building, No. 18 Tam Trinh Str., Hai Ba Trung Dist, Ha Noi, Viet Nam  
Website: www.vtc.vn

## 2. ĐƠN VỊ CHUYÊN TRÁCH VỀ CNTT TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

### 2.1. Tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ

#### *Văn phòng Trung ương Đảng*

##### **TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Địa chỉ: 01A Hùng Vương, quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (84) 8045028/(84) 80480078

#### *Văn phòng Quốc hội*

##### **TRUNG TÂM TIN HỌC**

Địa chỉ: 37 Hùng Vương, quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (84) 80 46514/(84) 8048078  
Website: www.na.gov.vn

#### *Văn phòng Chính phủ*

##### **TRUNG TÂM TIN HỌC**

Địa chỉ: 16 Lê Hồng Phong, quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (84) 80 43162  
Fax: (84) 80 48924  
Website: www.vpcp.chinhphu.vn

#### *Bộ Quốc phòng*

##### **CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Tri Phương, quận Ba Đình, Hà Nội  
Website: www.mod.gov.vn

#### *Bộ Công an*

##### **CỤC TIN HỌC NGHIỆP VỤ (CỤC E15)**

Địa chỉ: 44 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84) 69 47801  
Website: www.bocongan.gov.vn; www.mps.gov.vn

#### *Bộ Ngoại giao*

##### **TRUNG TÂM THÔNG TIN**

Địa chỉ: 01 Tôn Thất Đàm, quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3799 3721  
Website: www.mofa.gov.vn

#### *Bộ Tư pháp*

##### **CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Địa chỉ: 60 Trần Phú, quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 6273 9715; Fax: (84-4) 6273 9730  
Website: www.moj.gov.vn

#### *Bộ Tài chính*

##### **CỤC TIN HỌC VÀ THỐNG KÊ TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: 28 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 2220 2828; Fax: (84-4) 2220 8091  
Website: www.mof.gov.vn

#### *Bộ Công Thương*

##### **CỤC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Địa chỉ: 25 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 2220 5396; Fax: (84-4) 2220 5397  
Website: www.vecita.gov.vn

#### *Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*

##### **TRUNG TÂM THÔNG TIN**

Địa chỉ: 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 6270 3621; Fax: (84-4) 6270 3609  
Website: www.molisa.gov.vn

#### *Bộ Giao thông vận tải*

##### **TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Địa chỉ: 80 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (84-4) 3942 4243; Fax: (84-4) 3822 1066  
Website: www.mt.gov.vn

#### *Bộ Xây dựng*

##### **TRUNG TÂM THÔNG TIN**

Địa chỉ: 37 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3821 5137; Fax: (84-4) 3974 1709  
Website: www.moc.gov.vn

#### *Bộ Giáo dục và Đào tạo*

##### **CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Địa chỉ: 18 ngõ 30 Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3869 5712/(84-4) 3623 0483  
Fax: (84-4) 38693712;  
Website: www.moet.gov.vn

## 2. UNITS IN CHARGE OF ICT IN STATE AGENCIES

### 2.1. Units in Ministries and ministerial level agencies

#### *Office of Central Committee of the Communist Party of Viet Nam*

##### **INFORMATION TECHNOLOGY CENTER**

Address: No. 01A Hung Vuong Str., Ba Dinh Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84) 80 45028

#### *Office of National Assembly*

##### **INFORMATION CENTER**

Address: No. 37 Hung Vuong Str., Ba Dinh Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84) 80 46514/(84) 80 48078  
Website: www.na.gov.vn

#### *Office of the Government*

##### **INFORMATICS CENTER**

Address: No. 16 Le Hong Phong Str., Ba Dinh Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84) 80 43162; Fax: (84) 80 48924  
Website: www.vpcp.chinhphu.vn

#### *Ministry of National Defense*

##### **AUTHORITY OF INFORMATION TECHNOLOGY**

Address: No. 02 Nguyen Tri Phuong Str., Ba Dinh Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Website: www.mod.gov.vn

#### *Ministry of Public Security*

##### **AUTHORITY OF TECHNICAL INFORMATICS (E15)**

Address: No. 44 Yet Kieu Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi,  
Viet Nam  
Telephone: (84) 69 47801  
Website: www.bocongan.gov.vn; www.mps.gov.vn

#### *Ministry of Foreign Affairs*

##### **INFORMATION CENTER**

Address: No. 01 Ton That Dam Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi  
Telephone: (84-4) 3799 3721  
Website: www.mofa.gov.vn

#### *Ministry of Justice*

##### **DEPARTMENT OF INFORMATION TECHNOLOGY**

Address: No. 60 Tran Phu Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi,  
Viet Nam  
Telephone: (84-4) 6273 9715; Fax: (84-4) 6273 9730  
Website: www.moj.gov.vn

#### *Ministry of Finance*

##### **DEPARTMENT OF FINANCIAL INFORMATICS AND STATISTICS**

Address: No. 28 Tran Hung Dao Str., Hoan Kiem Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 2220 2828; Fax: (84-4) 2220 8091  
Website: www.mof.gov.vn

#### *Ministry of Industry and Trade*

##### **VIET NAM E-COMMERCE AND INFORMATION TECHNOLOGY AGENCY**

Address: No. 25 Ngo Quyen Str., Hoan Kiem Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 2220 5396  
Fax: (84-4) 2220 5397  
Website: www.vecita.gov.vn

#### *Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs*

##### **INFORMATION CENTER**

Address: No. 12 Ngo Quyen Str., Hoan Kiem Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 6270 3621; Fax: (84-4) 6270 3609  
Website: www.molisa.gov.vn

#### *Ministry of Transport*

##### **INFORMATION TECHNOLOGY CENTER**

Address: No. 80 Tran Hung Dao Str., Hoan Kiem Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3942 4243; Fax: (84-4) 3822 1066  
Website: www.mt.gov.vn

#### *Ministry of Contruction*

##### **INFORMATION CENTER**

Address: 37 Le Dai Hanh Str., Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3821 5137; Fax:(84-4) 3974 1709  
Website: www.moc.gov.vn

#### *Ministry of Education and Training*

##### **AUTHORITY OF INFORMATION TECHNOLOGY**

Address: No. 18 Alley No. 30 Ta Quang Buu Str.,  
Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Điện thoại: (84-4) 3869 5712; Fax: (84-4) 3869 3712;  
Website: www.moet.gov.vn

### **Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn**

#### **TRUNG TÂM TIN HỌC VÀ THÔNG KÊ**

Địa chỉ: 02 Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3734 1635; Fax: (84-4) 3823 0381  
Website: www.agroviet.gov.vn; www.mard.gov.vn;

### **Bộ Thông tin và Truyền thông**

#### **TRUNG TÂM THÔNG TIN**

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3556 3457; Fax: (84-4) 3556 3458  
Website: www.mic.gov.vn

### **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

#### **TRUNG TÂM TIN HỌC**

Địa chỉ: 6B Hoàng Diệu, quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (84) 80 43485; Fax: (84) 80 48473  
Website: www.mpi.gov.vn

### **Bộ Nội vụ**

#### **TRUNG TÂM THÔNG TIN**

Địa chỉ: 08 Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 6282 1016; Fax: (84-4) 6282 1020  
Website: www.moha.gov.vn

### **Bộ Y tế**

#### **CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Địa chỉ: Ngõ 135 Núi Trúc, quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3736 8315; Fax: (84-4) 3736 8319  
Website: www.cimsi.org.vn ; www.cimsi.vn

### **Bộ Khoa học và Công nghệ**

#### **TRUNG TÂM TIN HỌC**

Địa chỉ: 113 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3943 9062; Fax: (84-4) 3943 6706  
Website: www.most.gov.vn

### **Bộ Văn hóa - Thể thao và Du Lịch**

#### **TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Địa chỉ: 20 Ngõ 2 Hoa Lư, Văn Hồ, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3974 5846; Fax: (84-4) 3974 5846  
Website: www.bvhttdl.gov.vn; www.cinet.gov.vn

### **Bộ Tài nguyên và Môi trường**

#### **CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Địa chỉ: 28 Phạm Văn Đồng, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3754 8925; Fax: (84-4) 3754 8925  
Website: www.ciren.gov.vn

### **Thanh tra Chính phủ**

#### **TRUNG TÂM THÔNG TIN**

Địa chỉ: Lô D29 Khu đô thị mới Trần Thái Tông,  
quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84) 80 48114  
Website: www.thanhtra.gov.vn

### **Ngân hàng nhà nước Việt Nam**

#### **CỤC CÔNG NGHỆ TIN HỌC NGÂN HÀNG**

Địa chỉ: 64 Nguyễn Chí Thanh, quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3834 3784; Fax: (84-4) 3834 5180  
Website: www.sbv.gov.vn

### **Ủy ban dân tộc**

#### **TRUNG TÂM TIN HỌC**

Địa chỉ: 80 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3823 1122;  
Website: www.ubdt.gov.vn; www.cema.gov.vn

### **Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam**

#### **TRUNG TÂM TIN HỌC VÀ TÍNH TOÁN**

Địa chỉ: 18 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3791 6938; (84-4) 3791 4773;  
Fax: (84-4) 3791 6938  
Website: www.ciid.vast.ac.vn

### **Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam**

#### **TRUNG TÂM ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Địa chỉ: 01 Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 6273 0552; Fax: (84-4) 6273 0552  
Website: www.vass.gov.vn

### **Kiểm toán Nhà nước**

#### **TRUNG TÂM TIN HỌC**

Địa chỉ: 111 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 6282 2158; Fax: (84-4) 6282 2159  
Website: www.kiemtoannn.gov.vn; www.sav.gov.vn

**Ministry of Agriculture and Rural Development****CENTRE FOR INFORMATICS AND STATISTICS**

Address: No. 02 Ngoc Ha Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3734 1635; Fax: (84-4) 3823 0381

Website: www.agroviet.gov.vn; www.mard.gov.vn

**Ministry of Information and Communications****INFORMATION CENTER**

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3556 3457; Fax: (84-4) 3556 3458

Website: www.mic.gov.vn

**Ministry of Planning and Investment****INFORMATICS CENTER**

Address: No. 6B Hoang Dieu Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84) 80 43485; Fax: (84) 80 48473

Website: www.mpi.gov.vn

**Ministry of Home Affairs****INFORMATION CENTER**

Address: No. 08 Ton That Thuyet Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 6282 1016

Fax: (84-4) 6282 1020

Website: www.moha.gov.vn

**Ministry of Health****AUTHORITY OF INFORMATION TECHNOLOGY**

Address: Alley No. 135 Nui Truc Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3736 8315; Fax: (84-4) 3736 8319

Website: www.cimsi.org.vn; www.cimsi.vn

**Ministry of Science and Technology****INFORMATICS CENTER**

Địa chỉ: No. 113 Tran Duy Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3943 9062; Fax: (84-4) 3943 6706

Website: www.most.gov.vn

**Ministry of Culture – Sports and Tourism****INFORMATION TECHNOLOGY CENTER**

Address: No. 20 Alley No. 2 Hoa Lu Str., Van Ho, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3974 5846

Fax: (84-4) 3974 5846

Website: www.bvhttdl.gov.vn; www.cinet.gov.vn

**Ministry of Natural Resources and Environment****DEPARTMENT OF INFORMATION TECHNOLOGY**

Address: No. 28 Pham Van Dong Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3754 8925; Fax: (84-4) 3754 8925

Website: www.ciren.gov.vn

**Government Inspectorate****INFORMATION CENTER**

Address: Plot D29 New Urban Area, Tran Thai Tong Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84) 80 48114

Website: www.thanhtra.gov.vn

**State Bank of Viet Nam****INFORMATICS TECHNOLOGY AGENCY**

Address: No. 64 Nguyen Chi Thanh Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3834 3784; Fax: (84-4) 3834 5180

Website: www.sbv.gov.vn

**Committee for Ethnic Minority Affairs****INFORMATICS CENTER**

Address: No. 80 Phan Dinh Phung Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3823 1122

Website: www.ubdt.gov.vn; www.cema.gov.vn

**Viet Nam Academy of Science and Technology****CENTER FOR INFORMATION INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT**

Address: No. 18 Hoang Quoc Viet Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3791 6938; (84-4) 3791 4773

Fax: (84-4) 3791 6938

Website: www.ciid.vast.ac.vn

**Viet Nam Academy of Social Sciences****CENTER FOR INFORMATION TECHNOLOGY APPLICATION**

Address: No. 01 Lieu Giai Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 6273 0552; Fax: (84-4) 6273 0552

Website: www.vass.gov.vn

**State Audit Office of Viet Nam****INFORMATICS CENTER**

Address: No. 111 Tran Duy Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 6282 2158; Fax: (84-4) 6282 2159

Website: www.kiemtoannn.gov.vn; www.sav.gov.vn

## 2.2 Tại các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

### Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang

Địa chỉ: 01 Lê Hồng Phong, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Điện thoại: (84-76) 395 6898; Fax: (84-76) 395 6898  
Website: <http://sottht.angiang.gov.vn>

### Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Địa chỉ: 198 Bạch Đằng, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
Điện thoại: (84-64) 351 2223; Fax: (84-64) 351 2224  
Website: <http://sottht.baria-vungtau.gov.vn>

### Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: 04 Phan Đình Phùng, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu  
Điện thoại: (84-781) 394 2236; Fax: (84-781) 394 2555  
Website: <http://stttt.baclieu.gov.vn>

### Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Kạn

Địa chỉ: 10 Trường Chinh, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn  
Điện thoại: (84-281) 381 0198; Fax: (84-281) 387 1064  
Website: <http://backan.gov.vn/sottht>

### Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ: Đường Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: (84-240) 355 5996; Fax: (84-240) 355 5995  
Website: <http://stttt.bacgiang.gov.vn>

### Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ: 11A Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh  
Điện thoại: (84-241) 387 5555; Fax: (84-241) 387 5000  
Website: <http://stttt.bacninh.gov.vn>

### Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bến Tre

Địa chỉ: 28 Cách Mạng Tháng Tám, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre  
Điện thoại: (84-75) 381 8103; Fax: (84-75) 381 8104  
Website: [www.bentre.gov.vn](http://www.bentre.gov.vn)

### Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Dương

Địa chỉ: 36 Trịnh Hoài Đức, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
Điện thoại: (84-650) 384 2999; Fax: (84-650) 384 2300  
Website: [www.binhduong.gov.vn](http://www.binhduong.gov.vn)

### Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Định

Địa chỉ: 460 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định  
Điện thoại: (84-56) 381 5519; Fax: (84-56) 381 5517  
Website: <http://stttt.binhdinhh.gov.vn>

### Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: Quốc lộ 14, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước  
Điện thoại: (84-651) 388 8207; Fax: (84-651) 388 8201  
Website: <http://www.ict-binhphuoc.gov.vn>

### Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Thuận

Địa chỉ: 16 Cường Để, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận  
Điện thoại: (84-62) 383 3500; Fax: (84-62) 383 3501  
Website: <http://stttt.binhthuan.gov.vn>

### Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cà Mau

Địa chỉ: 284 Trần Hưng Đạo, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau  
Điện thoại: (84-780) 356 7887; Fax: (84-780) 356 7889  
Website: <http://sottht.camau.gov.vn>

### Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ: 113 phố Cũ, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng  
Điện thoại: (84-26) 385 9818; Fax: (84-26) 385 9866  
Website: <http://www.caobang.gov.vn/wps/portal/sottht>

### Sở Thông tin và Truyền thông TP. Cần Thơ

Địa chỉ: 03A Nguyễn Trãi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ  
Điện thoại: (84-710) 381 1502; Fax: (84-710) 381 1502  
Website: <http://sottht.cantho.gov.vn>

## 2.2 Units in provincial agencies

### *Department of Information and Communications of An Giang Province*

Address: No. 01 Le Hong Phong Rd, Long Xuyên City, An Giang Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-76) 395 6898; Fax: (84-76) 395 6898  
Website: <http://sotttt.angiang.gov.vn>

### *Department of Information and Communications of Ba Ria - Vung Tau Province*

Address: No. 198 Bach Dang Rd, Ba Ria Dist., Ba Ria - Vung Tau Prov., Viet Nam  
Telepone: (84-64) 351 2223; Fax: (84-64) 351 2224  
Website: <http://sotttt.baria-vungtau.gov.vn>

### *Department of Information and Communications of Bac Lieu Province*

Address: No. 04 Phan Dinh Phung Rd, Bac Lieu City, Bac Lieu Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-781) 394 2236; Fax: (84-781) 394 2555  
Website: <http://stttt.baclieu.gov.vn>

### *Department of Information and Communications of Bac Kan Province*

Address: No. 10 Truong Chinh Rd, Bac Kan Dist., Bac Kan Prov., Viet Nam  
Address: (84-281) 381 0198; Fax: (84-281) 387 1064  
Website: <http://backan.gov.vn/sotttt>

### *Department of Information and Communications of Bac Giang Province*

Address: Hoang Van Thu Rd, Bac Giang City, Bac Giang Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-240) 355 5996, Fax: (84-240) 355 5995  
Website: <http://stttt.bacgiang.gov.vn>

### *Department of Information and Communications of Bac Ninh Province*

Address: No. 11A Ly Thai To Rd, Bac Ninh City, Bac Ninh Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-241) 387 5555 Fax: (84-241) 387 5000  
Website: <http://stttt.bacninh.gov.vn>

### *Department of Information and Communications of Ben Tre Province*

Address: No. 28 Cach Mang Thang Tam Rd, Ben Tre City, Ben Tre Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-75) 381 8103; Fax: (84-75) 381 8104  
Website: [www.bentre.gov.vn](http://www.bentre.gov.vn)

### *Department of Information and Communications of Binh Duong Province*

Address: No. 36 Trinh Hoai Duc, Thu Dau Mot City, Binh Duong Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-650) 384 2999; Fax: (84-650) 384 2300  
Website: [www.binhduong.gov.vn](http://www.binhduong.gov.vn)

### *Department of Information and Communications of Binh Dinh Province*

Address: No. 460 Tran Hung Dao Rd, Quy Nhon City, Binh Dinh Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-56) 381 5519; Fax: (84-56) 381 5517  
Website: <http://stttt.binhdinh.gov.vn>

### *Department of Information and Communications of Binh Phuoc Province*

Address: Highway 4, Dong Xoai Dist., Binh Phuoc Prov., Viet Nam  
Điện thoại: (84-651) 388 8207; Fax: (84-651) 388 8201  
Website: <http://www.ict-binhphuoc.gov.vn>

### *Department of Information and Communications of Binh Thuan Province*

Address: No. 16 Cuong De Rd, Phan Thiet City, Binh Thuan Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-62) 383 3500; Fax: (84-62) 383 3501  
Website: <http://stttt.binhthuan.gov.vn>

### *Department of Information and Communications of Ca Mau Province*

Address: No. 284 Tran Hung Dao Rd, Ca Mau City, Ca Mau Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-780) 356 7887; Fax: (84-780) 356 7889  
Website: <http://sotttt.camau.gov.vn>

### *Department of Information and Communications of Cao Bang Province*

Address: No. 113 Old Str., Cao Bang Dist., Cao Bang Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-26) 385 9818; Fax: (84-26) 385 9866  
Website: <http://www.caobang.gov.vn/wps/portal/sotttt>

### *Department of Information and Communications of Can Tho City*

Address: No. 03A Nguyen Trai Rd, Ninh Kieu Str., Can Tho City, Viet Nam  
Telephone: (84-710) 381 1502; Fax: (84-710) 381 1502  
Website: <http://sotttt.cantho.gov.vn>

### **Sở Thông tin và Truyền thông TP. Đà Nẵng**

Địa chỉ: 15 Quang Trung, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng  
Điện thoại: (84-511) 384 0123; Fax: (84-511) 384 0124  
Website: <http://tntt.danang.gov.vn>

### **Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Lắk**

Địa chỉ: 15 Nơ Trang Long, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh  
Đắk Lắk  
Điện thoại: (84-500) 386 0010; Fax: (84-500) 386 0008  
Website: [www.stttt.daklak.gov.vn](http://www.stttt.daklak.gov.vn)

### **Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Nông**

Địa chỉ: Đường 23 Tháng 3, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh  
Đắk Nông  
Điện thoại: (84-501) 626 0215; Fax: (84-501) 626 0203  
Website: <http://stttt.daknong.gov.vn>

### **Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Điện Biên**

Địa chỉ: Phố 10, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên  
Điện thoại: (84-230) 383 5666; Fax: (84-230) 383 5669  
Website: <http://dic.gov.vn>

### **Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Nai**

Địa chỉ: 281 Đường 30-4, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
Điện thoại: (84-61) 382 4841; Fax: (84-61) 382 7071  
Website: <http://stttt.dongnai.gov.vn>

### **Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Tháp**

Địa chỉ: 12 Trần Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp  
Điện thoại: (84-67) 387 3999; Fax: (84-67) 387 3999  
Website: <http://www.stttt.dongthap.gov.vn>

### **Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai**

Địa chỉ: 17 Trần Hưng Đạo, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai  
Điện thoại: (84-59) 371 7564; Fax: (84-59) 371 7564  
Website: <http://tntt.gialai.gov.vn>

### **Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Giang**

Địa chỉ: 222 Nguyễn Trãi, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang  
Điện thoại: (84-219)386 0986; Fax: (84-219) 386 0988  
Website: <http://stttt.haugiang.gov.vn>

### **Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Nam**

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
Điện thoại: (84-351) 384 4999; Fax: (84-351) 384 4999  
Website: <http://hanam.gov.vn/vi-vn/stttt>

### **Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hà Nội**

Địa chỉ: 185 Giảng Võ, quận Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3512 3536; Fax: (84-4) 3736 6617  
Website: <http://ict-hanoi.gov.vn>

### **Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Tĩnh**

Địa chỉ: 66 Phan Đình Phùng, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh  
Điện thoại: (84-39) 369 4496; Fax: (84-39) 385 0288  
Website: <http://www.ict-hatinh.gov.vn>

### **Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hải Dương**

Địa chỉ: 199 Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Dương,  
tỉnh Hải Dương  
Điện thoại: (84-320) 389 7350; Fax: (84-320) 389 7345  
Website: <http://sotttt.haiduong.gov.vn>

### **Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hải Phòng**

Địa chỉ: 62 Võ Thị Sáu, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng  
Điện thoại: (84-31) 373 6907; Fax: (84-31) 373 6907  
Website: <http://haiphong.gov.vn/sothongtintruyenthong>

### **Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hậu Giang**

Địa chỉ: Đường Điện Biên Phủ, TP. Vị Thanh,  
tỉnh Hậu Giang  
Điện thoại: (84-711) 358 1345; Fax: (84-711) 358 1345  
Website: <http://sotttt.haugiang.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Da Nang City**

Address: No. 15 Quang Trung Str., Hai Chau Dist.,  
Da Nang City, Viet Nam  
Telephone: (84-511) 384 0123; Fax: (84-511) 384 0124  
Website: <http://tntt.danang.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Dak Lak Province**

Address: No. 15 No Trang Long Rd, Buon Ma Thuot City,  
Dak Lak Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-500) 386 0010 - Fax: (84-500) 386 0008  
Website: [www.stttt.daklak.gov.vn](http://www.stttt.daklak.gov.vn)

**Department of Information and Communications of Dak Nong Province**

Address: 23-3 Rd, Gia Nghia Dist., Dak Nong Prov.,  
Viet Nam  
Telephone: (84-501) 626 0215; Fax: (84-501) 626 0203  
Website: <http://stttt.daknong.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Dien Bien Province**

Address: No. 10 Str., Dien Bien Phu City,  
Dien Bien Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-230) 383 5666; Fax: (84-230) 383 5669  
Website: <http://dic.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Dong Nai Province**

Address: No. 281, 30-4 Rd, Bien Hoa City,  
Dong Nai Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-61) 382 4841; Fax: (84-61) 382 7071  
Website: <http://stttt.dongnai.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Dong Thap Province**

Address: No. 12 Tran Phu Rd, Cao Lanh City,  
Dong Thap Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-67) 387 3999; Fax: (84-67) 387 3999  
Website: <http://www.stttt.dongthap.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Gia Lai Province**

Address: No. 17 Tran Hung Dao Rd, Pleiku City,  
Gia Lai Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-59) 371 7564; Fax: (84-59) 371 7564  
Website: <http://tntt.gialai.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Ha Giang Province**

Address: No. 222 Nguyen Trai Rd, Ha Giang City,  
Ha Giang Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-219)386 0986; Fax: (84-219) 386 0988  
Website: <http://stttt.hagiang.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Ha Nam Province**

Address: Ly Thai To Rd, Phu Ly City, Ha Nam Prov.,  
Viet Nam  
Telephone: (84-351) 384 4999; Fax: (84-351) 384 4999  
Website: <http://hanam.gov.vn/vi-vn/stttt>

**Department of Information and Communications of Ha Noi City**

Address: No. 185 Giang Vo Str., Dong Da Dist.,  
Ha Noi City, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3512 3536; Fax: (84-4) 3736 6617  
Website: <http://ict-hanoi.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Ha Tinh Province**

Address: No. 66 Phan Dinh Phung Rd, Ha Tinh City,  
Ha Tinh Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-39) 369 4496; Fax: (84-39) 385 0288  
Website: <http://www.ict-hatinh.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Hai Duong Province**

Address: No. 199 Nguyen Luong Bang,  
Hai Duong City, Hai Duong Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-320) 389 7350; Fax: (84-320) 389 7345  
Website: <http://sotttt.haiduong.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Hai Phong City**

Address: No. 62 Vo Thi Sau Str., Ngo Quyen Dist.,  
Hai Phong City, Viet Nam  
Telephone: (84-31) 373 6907; Fax: (84-31) 373 6907  
Website: <http://haiphong.gov.vn/sothongtintruyenthong>

**Department of Information and Communications of Hau Giang Province**

Address: Dien Bien Phu Rd, Vi Thanh City,  
Hau Giang Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-711) 358 1345; Fax: (84-711) 358 1345  
Website: <http://sotttt.haugiang.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hòa Bình**

Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, TP. Hòa Bình,  
tỉnh Hòa Bình  
Điện thoại: (84-218) 379 8780; Fax: (84-218) 389 8678  
Website: <http://sothongtin.hoabinh.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hưng Yên**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Lương Bằng, TP. Hưng Yên,  
tỉnh Hưng Yên  
Điện thoại: (84-321) 386 7089; Fax: (84-321) 386 7090  
Website: <http://sottht.hungyen.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: 59 Lý Tự Trọng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3520 2727; Fax: (84-8) 3520 2424  
Website: <http://www.ict-hcm.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Khánh Hòa**

Địa chỉ: Nhà A1, Khu liên cơ số 01 Trần Phú,  
TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa  
Điện thoại: (84-58) 356 3531; Fax: (84-58) 356 3530  
Website: <http://www.ict-khanhhoa.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Kiên Giang**

Địa chỉ: 123-125 Nguyễn Hùng Sơn, TP. Rạch Giá,  
tỉnh Kiên Giang  
Điện thoại: (84-77) 392 1616; Fax: (84-77) 392 1600  
Website: <http://stttt.kiengiang.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Kon Tum**

Địa chỉ: 112E Bà Triệu, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum  
Điện thoại: (84-60) 391 5457 ; Fax: (84-60) 391 2299  
Website: <http://stttt.kontum.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lai Châu**

Địa chỉ: Nhà D, Khu hợp khối hành chính tỉnh Lai Châu,  
thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu  
Điện thoại: (84-231) 379 1558; Fax: (84-231) 379 1559  
Website: <http://laichau.gov.vn/sothongtintruyenthong>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn**

Địa chỉ: 01 Mai Thế Chuẩn, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn  
Điện thoại: (84-25) 381 4918; Fax: (84-25) 381 4614  
Website: <http://www.langson.gov.vn/bcvt>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai**

Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai  
Điện thoại: (84-20) 382 8665; Fax: (84-20) 382 8667  
Website: <http://laocai.gov.vn/sites/sottht>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lâm Đồng**

Địa chỉ: 19 Lê Hồng Phong, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng  
Điện thoại: (84-63) 354 1546; Fax: (84-63) 354 1547  
Website: <http://stttt.lamdong.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Long An**

Địa chỉ: 01A Huỳnh Việt Thanh, TP. Tân An, tỉnh Long An  
Điện thoại: (84-72) 382 4888, Fax: (84-72) 352 3567  
Website: <http://stttt.longan.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nam Định**

Địa chỉ: 250 Hùng Vương, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định  
Điện thoại: (84-350) 363 1115; Fax: (84-350) 363 1330  
Website: <http://sottht.namdinh.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nghệ An**

Địa chỉ: 06 Lê Hoàn, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An  
Điện thoại: (84-38) 359 9522; Fax: (84-38) 359 9522  
Website: <http://nghean.gov.vn/wps/portal/sottht>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Bình**

Địa chỉ: 04 Phạm Văn Nghị, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình  
Điện thoại: (84-30) 388 9238, Fax: (84-30) 388 9239  
Website: <http://www.ttttninhbinh.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Hoa Binh Province**

Address: Tran Hung Dao Rd, Hoa Binh City,  
Hoa Binh Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-218) 379 8780; Fax: (84-218) 389 8678  
Website: <http://sothongtin.hoabinh.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Hung Yen Province**

Address: Nguyen Luong Bang Rd, Hung Yen City,  
Hung Yen Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-321) 386 7089; Fax: (84-321) 386 7090  
Website: <http://sotthtt.hungyen.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Ho Chi Minh City**

Address: No. 59 Ly Tu Trong, Dist.1, Ho Chi Minh City,  
Viet Nam  
Telephone: (84-8) 3520 2727; Fax: (84-8) 3520 2424  
Website: <http://www.ict-hcm.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Khanh Hoa Province**

Address: A1 Buiding, Interagency Area, No. 01 Tran Phu Rd,  
Nha Trang City, Khanh Hoa Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-58) 356 3531; Fax: (84-58) 356 3530  
Website: <http://www.ict-khanhhoa.vn>

**Department of Information and Communications of Kien Giang Province**

Address: No. 123-125 Nguyen Hung Son Rd,  
Rach Gia City, Kien Giang Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-77) 392 1616; Fax: (84-77) 392 1600  
Website: <http://stttt.kiengiang.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Kon Tum Province**

Address: No. 112E Ba Trieu Rd, Kon Tum City,  
Kon Tum Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-60) 391 5457 ; Fax: (84-60) 391 2299  
Website: <http://stttt.kontum.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Lai Chau Province**

Address: Building D, Administrative Area of Lai Chau  
Province, Tan Phong Ward, Lai Chau Dist.,  
Lai Chau Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-231) 379 1558; Fax: (84-231) 379 1559  
Website: <http://laichau.gov.vn/sothongtintruyenthong>

**Department of Information and Communications of Lang Son Province**

Address: No. 01 Mai The Chuan Rd, Lang Son City,  
Lang Son Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-25) 381 4918; Fax: (84-25) 381 4614  
Website: <http://www.langson.gov.vn/bcvt>

**Department of Information and Communications of Lao Cai Province**

Address: Tran Hung Dao Highway, Lao Cai City,  
Lao Cai Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-20) 382 8665; Fax: (84-20) 382 8667  
Website: <http://laocai.gov.vn/sites/sotthtt>

**Department of Information and Communications of Lam Dong**

Address: No. 19 Le Hong Phong, Da Lat City,  
Lam Dong Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-63) 354 1546; Fax: (84-63) 354 1547  
Website: <http://stttt.lamdong.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Long An Province**

Address: No. 01A Huynh Viet Thanh Rd, Tan An City,  
Long An Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-72) 382 4888, Fax: (84-72) 352 3567  
Website: <http://stttt.longan.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Nam Dinh Province**

Address: No. 250 Hung Vuong Rd, Nam Dinh City,  
Nam Dinh Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-350) 363 1115; Fax: (84-350) 363 1330  
Website: <http://sotthtt.namdinh.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Nghe An Province**

Address: No. 06 Le Hoan Rd, Vinh City, Nghe An Prov.,  
Viet Nam  
Telephone: (84-38) 359 9522; Fax: (84-38) 359 9522  
Website: <http://nghean.gov.vn/wps/portal/sotthtt>

**Department of Information and Communications of Ninh Binh Province**

Address: No. 04 Pham Van Nghi Rd, Ninh Binh City,  
Ninh Binh Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-30) 388 9238, Fax: (84-30) 388 9239  
Website: <http://www.ttttninhbinh.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Thuận**

Địa chỉ: 17 Nguyễn Trãi, TP. Phan Rang - Tháp Chàm,  
tỉnh Ninh Thuận  
Điện thoại: (84-68) 392 0292; Fax: (84-68) 392 0292  
Website: <http://www.ninhthuan.gov.vn/chinhquyen/sottt>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Thọ**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, TP. Việt Trì,  
tỉnh Phú Thọ  
Điện thoại: (84-210) 381 2494; Fax: (84-210) 381 1485  
Website: <http://tntt.phutho.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên**

Địa chỉ: 10 Trần Phú, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên  
Điện thoại: (84-57) 381 9958; Fax: (84-57) 381 9958  
Website: <http://www.phuyen.gov.vn/wps/portal/sotttt>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Bình**

Địa chỉ: 02 Hương Giang, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình  
Điện thoại: (84-52) 384 4303; Fax: (84-52) 384 4456  
Website: <http://www.dic-quangbinh.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Nam**

Địa chỉ: 50 Hùng Vương, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam  
Điện thoại: (84-510) 381 1758; Fax: (84-510) 381 1759  
Website: <http://www.dptqnam.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Ngãi**

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi  
Điện thoại: (84-55) 371 1570; Fax: (84-55) 371 1577  
Website: <http://www.quangngai.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Ninh**

Địa chỉ: Trụ sở liên cơ quan số 02 Nguyễn Văn Cừ, TP.  
Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh  
Điện thoại: (84-33) 363 8468; Fax: (84-33) 363 8822  
Website: <http://quangninh.gov.vn/vi-VN/So/sothongtintt>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Trị**

Địa chỉ: 28 Trần Hưng Đạo, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị  
Điện thoại: (84-53) 355 4715; Fax: (84-53) 355 4711  
Website: <http://www.quangtri-ict.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng**

Địa chỉ: 56 Lê Duẩn, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Điện thoại: (84-79)362 1090; Fax: (84-79) 362 1171  
Website: <http://www.sotttt.soctrang.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sơn La**

Địa chỉ: 47 Tô Hiệu, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La  
Điện thoại: (84-22) 375 0983; Fax: (84-22) 375 0926  
Website : <http://www.sonla.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tây Ninh**

Địa chỉ: 06 Trần Quốc Toàn, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh  
Điện thoại: (84-66) 382 4666; Fax: (84-66) 381 2878  
Website: <http://sotttt.tayninh.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Bình**

Địa chỉ: 09 Trần Hưng Đạo, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình  
Điện thoại: (84-36) 374 3787; Fax: (84-36) 374 3787  
Website: <http://sotttt.thaibinh.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên**

Địa chỉ: 05 Nha Trang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên  
Điện thoại: (84-280) 365 5369; Fax: (84-280) 365 5336  
Website: <http://thainguyen.gov.vn/wps/portal/sotttt>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thanh Hóa**

Địa chỉ: 32 Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa  
Điện thoại: (84-37) 371 3988; Fax: (84-37) 371 3985  
Website: <http://stttt.thanhhoa.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Ninh Thuan Province**

Address: No. 17 Nguyen Trai Rd, Phan Rang - Thap Cham City, Ninh Thuan Prov., Viet Nam  
 Telephone: (84-68) 392 0292; Fax: (84-68) 392 0292  
 Website: <http://www.ninhthuan.gov.vn/chinhquyen/sottt>

**Department of Information and Communications of Phu Tho Province**

Address: Nguyen Tat Thanh Rd, Viet Tri City, Phu Tho Prov., Viet Nam  
 Telephone: (84-210) 381 2494; Fax: (84-210) 381 1485  
 Website: <http://tttt.phutho.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Phu Yen Province**

Address: No. 10 Tran Phu Rd, Tuy Hoa City, Phu Yen Prov., Viet Nam  
 Telephone: (84-57) 381 9958; Fax: (84-57) 381 9958  
 Website: <http://www.phuyen.gov.vn/wps/portal/sotttt>

**Department of Information and Communications of Quang Binh Province**

Address: No. 02 Huong Giang Rd, Dong Hoi City, Quang Binh Prov., Viet Nam  
 Telephone: (84-52) 384 4303; Fax: (84-52) 384 4456  
 Website: <http://www.dic-quangbinh.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Quang Nam Province**

Address: No. 50 Hung Vuong Rd, Tam Ky City, Quang Nam Prov., Viet Nam  
 Telephone: (84-510) 381 1758; Fax: (84-510) 381 1759  
 Website: <http://www.dptqnam.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Quang Ngai Province**

Address: No. 118 Hung Vuong Rd, Quang Ngai City, Quang Ngai Prov., Viet Nam  
 Telephone: (84-55) 371 1570; Fax: (84-55) 371 1577  
 Website: <http://www.quangngai.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Quang Ninh Province**

Address: Interagency Area, No. 02 Nguyen Van Cu Rd, Ha Long City, Quang Ninh Prov., Viet Nam  
 Telephone: (84-33) 363 8468; Fax: (84-33) 363 8822  
 Website: <http://quangninh.gov.vn/vi-VN/So/sothongtint>

**Department of Information and Communications of Quang Tri Province**

Address: No. 28 Tran Hung Dao Rd, Dong Ha City, Quang Tri Prov., Viet Nam  
 Telephone: (84-53) 355 4715; Fax: (84-53) 355 4711  
 Website: <http://www.quangtri-ict.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Soc Trang Province**

Address: No. 56 Le Duan Rd, Soc Trang City, Soc Trang Prov., Viet Nam  
 Telephone: (84-79)362 1090; Fax: (84-79) 362 1171  
 Website: <http://www.sotttt.soctrang.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Son La Province**

Address: No. 47 To Hieu Rd, Son La City, Son La Prov., Viet Nam  
 Telephone: (84-22) 375 0983; Fax: (84-22) 375 0926  
 Website : <http://www.sonla.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Tay Ninh Province**

Address: No. 06 Tran Quoc Toan Rd, Tay Ninh Dist., Tay Ninh Prov., Viet Nam  
 Telephone: (84-66) 382 4666; Fax: (84-66) 381 2878  
 Website: <http://sotttt.tayninh.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Thai Binh Province**

Address: No. 09 Tran Hung Dao Rd, Thai Binh City, Thai Binh Prov., Viet Nam  
 Telephone: (84-36) 374 3787; Fax: (84-36) 374 3787  
 Website: <http://sotttt.thaibinh.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Thai Nguyen Province**

Address: No. 05 Nha Trang Rd, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Prov., Viet Nam  
 Telephone: (84-280) 365 5369; Fax: (84-280) 365 5336  
 Website: <http://thainguyen.gov.vn/wps/portal/sotttt>

**Department of Information and Communications of Thanh Hoa Province**

Address: No. 32 Le Loi Highway, Thanh Hoa City, Thanh Hoa Prov., Viet Nam  
 Telephone: (84-37) 371 3988; Fax: (84-37) 371 3985  
 Website: <http://stttt.thanhhoa.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thừa Thiên Huế**

Địa chỉ: 36 Phạm Văn Đồng, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế  
Điện thoại: (84-54) 388 2333; Fax: (84-54) 388 2444  
Website: <http://www.stttt.hue.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Vĩnh Long**

Địa chỉ: 35 Đường 2 Tháng 9, TP. Vĩnh Long,  
tỉnh Vĩnh Long  
Điện thoại: (84-70) 383 6333; Fax: (84-70) 383 6444  
Website: <http://www.stttt.vinhlong.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tiền Giang**

Địa chỉ: 02 Lê Văn Duyệt, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang  
Điện thoại: (84-733) 888 8880; Fax: (84-73) 388 8881  
Website: <http://stttt.tiengiang.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Vĩnh Phúc**

Địa chỉ: 396 Mê Linh, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
Điện thoại: (84-211) 384 6464; Fax: (84-211) 384 6488  
Website: <http://sotttt.vinhphuc.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Trà Vinh**

Địa chỉ: 06 Trưng Nữ Vương, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh  
Điện thoại: (84-74) 385 0856; Fax: (84-74) 385 0850  
Website: <http://travinh.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Yên Bái**

Địa chỉ: Tổ 57, phường Đồng Tâm, TP. Yên Bái,  
tỉnh Yên Bái  
Điện thoại: (84-29) 385 8959; Fax: (84-29) 385 8929  
Website: <http://sotttt.yenbai.gov.vn>

**Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang**

Địa chỉ: 274 Tân Trào, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang  
Điện thoại: (84-276) 325 0589; Fax: (84-276) 325 0589  
Website: <http://stttttuyenquang.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Thua Thien Hue Province**

Address: No. 36 Pham Van Dong Rd, Hue City,  
Thua Thien Hue Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-54) 388 2333; Fax: (84-54) 388 2444  
Website: <http://www.stttt.hue.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Tien Giang Province**

Address: No. 02 Le Van Duyet Rd, My Tho City,  
Tien Giang Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-733) 888 8880; Fax: (84-73) 388 8881  
Website: <http://stttt.tiengiang.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Tra Vinh Province**

Address: No. 06 Trung Nu Vuong Rd, Tra Vinh City,  
Tra Vinh Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-74) 385 0856; Fax: (84-74) 385 0850  
Website: <http://travinh.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Tuyen Quang Province**

Address: No. 274 Tan Trao Rd, Tuyen Quang City,  
Tuyen Quang Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-276) 325 0589; Fax: (84-276) 325 0589  
Website: <http://stttttuyenquang.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Vinh Long Province**

Address: No. 35, 2-9 Rd, Vinh Long City,  
Vinh Long Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-70) 383 6333; Fax: (84-70) 383 6444  
Website: <http://www.stttt.vinhlong.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Vinh Phuc Province**

Address: No. 396 Me Linh Rd, Vinh Yen City, Vinh Phuc  
Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-211) 384 6464; Fax: (84-211) 384 6488  
Website: <http://sotttt.vinhphuc.gov.vn>

**Department of Information and Communications of Yen Bai Province**

Address: Group 57, Dong Tam Ward, Yen Bai City,  
Yen Bai Prov., Viet Nam  
Telephone: (84-29) 385 8959; Fax: (84-29) 385 8929  
Website: <http://sotttt.yenbai.gov.vn>

### 3. HIỆP HỘI NGHỀ NGHIỆP VỀ CNTT-TT

#### ***Hội Tin học Việt Nam (VAIP)***

Trụ sở chính: Tầng 06, 14 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 38211725; Fax: (84-4) 38211708  
Website: [www.vaip.org.vn](http://www.vaip.org.vn)

#### ***Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA)***

Trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà Cung Trí thức, Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3577 2336; Fax: (84-4) 3577 2337  
Website: [www.vinasa.org.vn](http://www.vinasa.org.vn)

#### ***Hiệp hội Doanh nghiệp Điện tử Việt Nam (VEIA)***

Trụ sở chính: 11B Phan Huy Chú, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3933 2845; Fax: (84-4) 3933 2846  
Website: [www.veia.org.vn](http://www.veia.org.vn)

#### ***Hiệp hội An toàn thông tin Việt Nam (VNISA)***

Trụ sở chính: 226 Hào Nam, quận Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 6290 1028;  
Website: [www.vnisa.org.vn](http://www.vnisa.org.vn)

#### ***Hiệp hội Internet Việt Nam (VIA)***

Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Technosoft, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3633 0355; Fax (84-4) 3633 0481  
Website: [www.via.org.vn](http://www.via.org.vn)

#### ***Hiệp hội Vô tuyến Điện tử Việt Nam (REV)***

Trụ sở chính: Tầng 02, 57 Vũ Thạnh, quận Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 6295 9849; Fax: (84-4) 3512 3614  
Website: [www.rev.org.vn](http://www.rev.org.vn)

#### ***Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (VECOM)***

Trụ sở chính: Phòng 702, Tầng 07, Tòa nhà HKC, 285 Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 6278 4479  
Website: [www.vecom.vn](http://www.vecom.vn)

#### ***Hội Truyền thông số Việt Nam***

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà VTC Online, 18 Tam Trinh, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3633 8833; Fax: (84-4) 3633 9933  
Website: [www.vdca.org.vn](http://www.vdca.org.vn)

#### ***Hội Tin học TP. Hồ Chí Minh (HCA)***

Trụ sở chính: 79 Trương Định, quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3822 2876; Fax: (84-8) 3825 0053  
Website: [www.hca.org.vn](http://www.hca.org.vn)

#### ***Hội Tin học - Viễn thông Hà Nội***

Địa chỉ: 02 Ngõ 87 Lê Thanh Nghị, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3628 5326; Fax: (84-4) 3628 5327  
Website: [www.hanict.org.vn](http://www.hanict.org.vn)

### 3. ORGANIZATIONS AND ASSOCIATIONS ON ICT

#### *Viet Nam Association for Information Processing (VAIP)*

Address: 06<sup>th</sup> Floor, No. 14 Tran Hung Dao Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3821 1725; Fax: (84-4) 3821 1708  
 Website: [www.vaip.org.vn](http://www.vaip.org.vn)

#### *Viet Nam Software and Information Technology Services Association (VINASA)*

Address: 11<sup>th</sup> Floor, Cung Tri Thuc Building, Tran Thai Tong Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3577 2336; Fax: (84-4) 3577 2337  
 Website: [www.vinasa.org.vn](http://www.vinasa.org.vn)

#### *Viet Nam Electronic Industries Association (VEIA)*

Address: No. 11B Phan Huy Chu Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3933 2845; Fax: (84-4) 3933 2846  
 Website: [www.veia.org.vn](http://www.veia.org.vn)

#### *Viet Nam Information Security Association (VNISA)*

Address: No. 226 Hao Nam Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3972 8457  
 Website: [www.vnisa.org.vn](http://www.vnisa.org.vn)

#### *Viet Nam Internet Association (VIA)*

Address: 03<sup>rd</sup> Floor, Technosoft Building, Duy Tan Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3633 0355; Fax (84-4) 3633 0481  
 Website: [www.via.org.vn](http://www.via.org.vn)

#### *Radio-Electronics Association of Viet Nam (REV)*

Address: 02<sup>nd</sup> Floor, No. 57 Vu Thanh, Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 6295 9849; Fax: (84-4) 3512 3614  
 Website: [www.rev.org.vn](http://www.rev.org.vn)

#### *Viet Nam E-commerce Association (VECOM)*

Address: Room 702, 07<sup>th</sup> Floor, HKC Building, No. 285 Doi Can, Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 6278 4479  
 Website: [www.vecom.vn](http://www.vecom.vn)

#### *Viet Nam Digital Communication Association*

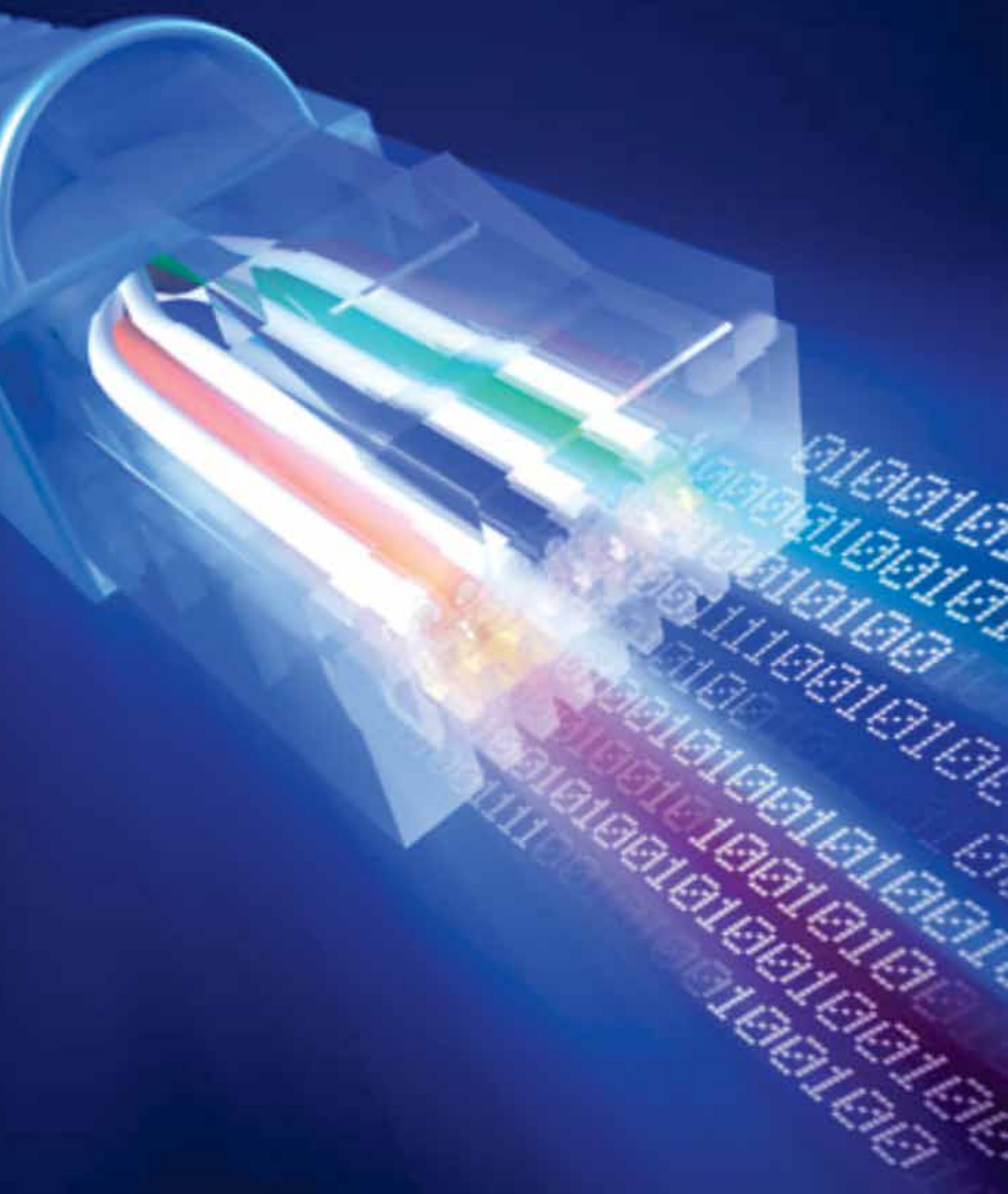
Address: 14<sup>th</sup> Floor, VTC Online Building, No. 18 Tam Trinh Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Điện thoại: (84-4) 3633 8833; Fax: (84-4) 3633 9933  
 Website: [www.vdca.org.vn](http://www.vdca.org.vn)

#### *Ho Chi Minh City Computer Association (HCA)*

Address: No. 79 Truong Dinh Str., Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
 Telephone: (84-8) 3822 2876 ; Fax: (84-8) 3825 0053  
 Website: [www.hca.org.vn](http://www.hca.org.vn)

#### *Ha Noi Informatics and Telecommunications Association*

Address: No. 02 Alley No. 87 Le Thanh Nghi Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3628 5326; Fax: (84-4) 3628 5327  
 Website: [www.hanict.org.vn](http://www.hanict.org.vn)





# MỘT SỐ TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP CNTT-TT TIÊU BIỂU

## Several Typical Organizations, Enterprises on ICT



## 1. DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TIÊU BIỂU

### 1.1 Doanh nghiệp phần cứng, điện tử

#### *Tổng Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Việt Nam*

Trụ sở chính: 15 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3825 6404; Fax: (84-4) 3826 4786  
Website: [www.veic.com.vn](http://www.veic.com.vn)

#### *Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel*

Trụ sở chính: 01 Giang Văn Minh, quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 6255 6789; Fax: (84-4) 6299 6789  
Website: [www.viettel.com.vn](http://www.viettel.com.vn)

#### *Công ty TNHH 4P*

Trụ sở chính: Tầng 15, 53 Quang Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3945 4510; Fax: (84-4) 3945 4515  
Website: [www.4p.com.vn](http://www.4p.com.vn)

#### *Công ty Mitsustar Việt Nam*

Trụ sở chính: 90 Đường Láng, quận Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3853 8795; Fax: (84-4) 3853 8794  
Website: [www.mitsustar.com.vn](http://www.mitsustar.com.vn)

#### *Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông (VNPT Technology)*

Trụ sở chính: 124 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3748 0921/1057; Fax: (84-4) 3784 0925  
Website: [www.vnpt-technology.vn](http://www.vnpt-technology.vn)

#### *Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH Một thành viên*

Trụ sở chính: 347 Lê Đức Thọ, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3894 1072; Fax: (84-8) 3894 0947  
Website: [www.cns.com.vn](http://www.cns.com.vn)

#### *Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ FPT*

Trụ sở chính: 236 Điện Biên Phủ, quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 7300 6666; Fax: (84-8) 3930 6002  
Website: [www.elead.com.vn](http://www.elead.com.vn)

## 1. TYPICAL INFORMATION TECHNOLOGY ENTERPRISES

### 1.1 Hardware, electronics enterprises

#### *Viet Nam Electronics and Informatics Corporation*

Address: No. 15 Tran Hung Dao Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3825 6404; Fax: (84-4) 3826 4786  
 Website: [www.veic.com.vn](http://www.veic.com.vn)

#### *Viettel Group*

Address: No. 01 Giang Van Minh Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 6255 6789; Fax: (84-4) 6299 6789  
 Website: [www.viettel.com.vn](http://www.viettel.com.vn)

#### *4P Co., Ltd*

Address: 15<sup>th</sup> Floor, No. 53 Quang Trung Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3945 4510; Fax: (84-4) 3945 4515  
 Website: [www.4p.com.vn](http://www.4p.com.vn)

#### *Mistustar Viet Nam*

Address: No. 90 Lang Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3853 8795; Fax: (84-4) 3853 8794  
 Website: [www.mistustar.com.vn](http://www.mistustar.com.vn)

#### *VNPT Technology JSC*

Address: No. 124 Hoang Quoc Viet Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3748 0921/1057; Fax: (84-4) 3784 0925  
 Website: [www.vnpt-technology.vn](http://www.vnpt-technology.vn)

#### *Saigon Industry Corporation*

Address: No. 347 Le Duc Tho Str., Go Vap Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam  
 Telephone: (84-8) 3894 1072; Fax: (84-8) 3894 0947  
 Website: [www.cns.com.vn](http://www.cns.com.vn)

#### *FPT Technology Products Co., Ltd*

Address: No. 236 Dien Bien Phu Str., Dist.3, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
 Telephone: (84-8) 7300 6666; Fax: (84-8) 3930 6002  
 Website: [www.elead.com.vn](http://www.elead.com.vn)

## 1.2 Doanh nghiệp phần mềm

### Công ty Cổ phần Phần mềm FPT

Trụ sở chính: Toà nhà FPT, Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
 Điện thoại: (84-4) 3768 9048  
 Fax: (84-4) 3768 9049  
 Website: www.fpt-software.com

### Công ty CSC Việt Nam

Trụ sở chính: 366 Nguyễn Trãi, quận 5, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: (84-8) 3923 8520  
 Fax: (84-8) 3923 8521  
 Website: www.csc.com

### Doanh nghiệp Tư nhân Dịch vụ Tường Minh

Trụ sở chính: 111 Nguyễn Đình Chính, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: (84-8) 3997 8000  
 Fax: (84-8) 3990 3303  
 Website: www.tmasolutions.com

### Công ty Tin học Lạc Việt

Trụ sở chính: 23 Nguyễn Thị Huỳnh, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.  
 Điện thoại: (84-8) 3842 3333  
 Fax: (84-8) 3842 2370  
 Website: www.lacviet.com.vn

### Công ty TNHH Gameloft Việt Nam

Trụ sở chính: Tòa nhà E-Town, 364 Cộng Hòa, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: (84-8) 6297 1167  
 Fax: (84-8) 6297 1168  
 Website: www.gameloft.com.vn

### Công ty Cổ phần Phần mềm Việt

Trụ sở chính: Tầng 18, Tòa nhà VTC Online, 18 Tam Trinh, quận Hoàng Mai, Hà Nội  
 Điện thoại: (84-4) 3974 5699  
 Fax: (84-4) 3974 5700  
 Website: www.vietsoftware.com

### Công ty TNHH Harvey Nash

Trụ sở chính: Tòa nhà E-town 2, 364 Cộng Hòa, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: (84-8) 7300 3388  
 Website: www.harveynash.vn

### Công ty Cổ phần MISA

Trụ sở chính: Tầng 9, Tòa nhà TechnoSoft, Lô B1D, Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
 Điện thoại: (84-4) 3795 9595  
 Fax: (84-4) 3795 8088  
 Website: www.misa.com.vn

### Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC

Trụ sở chính: Tầng 14, tòa nhà CMC, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
 Điện thoại: (84-4) 3943 9066  
 Fax: (84-4) 3943 9067  
 Website: www.cmcsoft.com.

### Công ty Cổ phần Công nghệ Tinh Vân

Trụ sở chính: Tầng 8, Khách sạn Thể thao, Làng Sinh viên Hacinco, quận Thanh Xuân, Hà Nội  
 Điện thoại: (84-4) 3558 9970  
 Fax: (84-4) 3558 9971  
 Website: www.tinhvan.vn

### Công ty TNHH Pyramid Consulting Việt Nam

Trụ sở chính: Etown 1, Lầu 3, 364 Cộng Hòa, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: (84-8) 3812 3367  
 Fax: (84-8) 3812 3218  
 Website: www.pyramid-consulting.com

### Công ty TNHH GHP Far East

Trụ sở chính: Tòa nhà Saigon ICT, Công viên phần mềm Quang Trung, quận 12, TP. Hồ Chí Minh.  
 Điện thoại: (84-8) 3715 5359  
 Fax: (84-8) 3715 5391  
 Website: www.ghp-fareast.vn

### Công ty Cổ phần Global Cybersoft (Việt Nam)

Trụ sở chính: Tòa nhà Helios, Công viên phần mềm Quang Trung, quận 12, TP. Hồ Chí Minh.  
 Điện thoại: (84-8) 5437 1199  
 Fax: (84-8) 5437 1188  
 Website: www.globalcybersoft.com

### Công ty TNHH Mạng máy tính Phú Sĩ

Trụ sở chính: 51 Đường Phạm Hùng, quận 8, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: (84-8) 3825 0100  
 Fax: (84-8) 3823 3195  
 Website: www.fujinet.net

### Công ty Cổ phần Phần mềm Luvina

Trụ sở chính: 1001 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
 Điện thoại: (84-4) 3793 1104  
 Fax: (84-4) 3793 1106  
 Website: www.luvina.net

## 1.2 Software enterprises

### *FPT Software JSC*

Address: FPT Building, Pham Hung Str.,  
Cau Giay Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3768 9048  
Fax: (84-4) 3768 9049  
Website: www.fpt-software.com

### *CSC Viet Nam Co., Ltd*

Address: No. 366 Nguyen Trai, Dist. 5,  
Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Telephone: (84-8) 3923 8520  
Fax: (84-8) 3923 8521  
Website: www.csc.com

### *TMA Solutions*

Address: No. 111 Nguyen Dinh Chinh Str.,  
Phu Nhuan Dist.,  
Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Telephone: (84-8) 3997 8000  
Fax: (84-8) 3 990 3303  
Website: www.tmasolutions.com

### *LacViet Computing Corporation*

Address: No. 23 Nguyen Thi Huynh,  
Phu Nhuan Dist.,  
Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Telephone: (84-8) 3842 3333  
Fax: (84-8) 3842 2370  
Website: www.lacviet.com.vn

### *Gameloft Viet Nam Co., Ltd*

Address: 7<sup>th</sup> Floor, E-Town Building,  
No. 364 Cong Hoa Str., Tan Binh  
Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Telephone: (84-8) 6297 1167  
Fax: (84-8) 6297 1168  
Website: www.gameloft.com

### *VietSoftware JSC*

Address: 18<sup>th</sup> Floor, VTC Online Building, No.  
18 Tam Trinh Str., Hoang Mai Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3974 5699/121  
Fax: (84-4) 3974 5700  
Website: www.vietsoftware.com

### *Harvey Nash Co., Ltd (Harvey Nash)*

Address: Etown 2 Building, No. 364 Cong  
Hoa Str., Tan Binh Dist.,  
Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Telephone: (84-8) 7300 3388  
Website: www.harveynash.vn

### *MISA JSC*

Address: 09<sup>th</sup> Floor, TechnoSoft Building, Plot  
B1D, Duy Tan Str., Cau Giay Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3795 9595  
Fax: (84-4) 3795 8088  
Website: www.misa.com.vn

### *CMC Software Co., Ltd*

Address: 14<sup>th</sup> Floor, CMC Tower,  
Duy Tan Str., Cau Giay  
Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3943 9066  
Fax: (84-4) 3943 9067  
Website: www.cmcsoft.com

### *Tinh Van Corporation*

Address: 08<sup>th</sup> Floor, Sport Hotel,  
Hacingo Student Village,  
Thanh Xuan Dist., Ha Noi,  
Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3558 9970  
Fax: (84-4) 3558 9971  
Website: www.tinhvan.vn

### *Pyramid Consulting Viet Nam Co., Ltd*

Address: Etown 1, No. 364 Cong Hoa  
Str., Tan Binh Dist.,  
Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Telephone: (84-8) 3812 3367  
Fax: (84-8) 3812 3218  
Website: www.pyramid-consulting.com

### *GHP Far East Co., Ltd*

Address: Saigon ICT Building,  
Quang Trung Software  
Park, Dist. 12, Ho Chi Minh  
City, Viet Nam  
Telephone: (84-8) 3715 5359  
Fax: (84-8) 3715 5391  
Website: www.ghp-fareast.vn

### *Global Cybersoft Viet Nam JSC*

Address: Helios Building,  
Quang Trung Software  
Park, Dist. 12, Ho Chi Minh  
City, Viet Nam  
Telephone: (84-8) 5437 1199  
Fax: (84-8) 5437 1188  
Website: www.globalcybersoft.com

### *Fujinet Co., Ltd*

Address: No. 51 Pham Hung Str.,  
Dist. 8, Ho Chi Minh City,  
Viet Nam  
Telephone: (84-8) 3825 0100  
Fax: (84-8) 3823 3195  
Website: www.fujinet.net

### *Luvina Software JSC*

Address: No. 1001 Hoang Quoc Viet  
Str, Cau Giay Dist., Ha Noi,  
Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3793 1104  
Fax: (84-4) 3793 1106  
Website: www.luvina.net

### 1.3 Doanh nghiệp phần mềm nguồn mở

#### **Công ty Cổ phần NetNam**

Trụ sở chính: Tầng 3, Nhà 2B, Khu Công nghệ Nghĩa Đô, 18 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3756 4907; Fax: (84-4) 3756 1888

Website: [www.netnam.vn](http://www.netnam.vn)

#### **Công ty Cổ phần Tin học Giải pháp Tích hợp Mở (iNET)**

Trụ sở chính: 115/100 Lê Văn Sỹ, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3991 9150; Fax: (84-8) 3991 9152

Website: [www.inetcloud.vn](http://www.inetcloud.vn)

#### **Công ty Cổ phần Phần mềm Việt**

Trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà VTC Online, 18 Tam Trinh, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3974 5699; Fax: (84-4) 3974 5700

Website: [www.vietsoftware.com](http://www.vietsoftware.com)

#### **Công ty Cổ phần Tin học Lạc Tiên**

Trụ sở chính: KC45 Huỳnh Tấn Phát, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 2211 5070; Fax: (84-8) 6262 1286

Website: [www.lactien.com](http://www.lactien.com)

#### **Công ty Cổ phần công nghệ DTT**

Trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà 319 Bộ Quốc phòng, 63 Lê Văn Lương, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6266 5599; Fax: (84-4) 6266 5539

Website: [www.dtt.vn](http://www.dtt.vn)

#### **Công ty Cổ phần EcoIT**

Trụ sở chính: A13 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6281 4275; Fax: (84-4) 6275 0064

Website: [www.ecoit.asia](http://www.ecoit.asia)

#### **Công ty Cổ phần Giải pháp Thông tin (iWay)**

Trụ sở chính: 20A ngõ 98 Thái Hà, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3537 8680; Fax: (84-4) 3537 8684

Website: [www.iwayvietnam.com](http://www.iwayvietnam.com)

#### **Công ty Cổ phần Phát triển nguồn mở Việt Nam**

Trụ sở chính: Phòng 1805, Tòa nhà CT2 Nàng Hương, 583 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 8587 2007; Fax: (84-4) 3550 0914

Website: [www.vinades.vn](http://www.vinades.vn)

#### **Công Ty Cổ phần tư vấn và tích hợp công nghệ D&L**

Trụ sở chính: C08-1, Tòa nhà chung cư Bộ Kế hoạch và Đầu tư, phố Đông Quan, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6655 2836 ; Fax: (84-4) 3767 8812

Website: [www.dlcorp.com.vn](http://www.dlcorp.com.vn)

#### **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Tâm Việt**

Trụ sở chính: 08 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6682 2443; Fax: (844) 6682 2443

Website: [www.tamviettech.vn](http://www.tamviettech.vn)

## 1.3 Open source softwares enterprises

### *Netnam JSC*

Address: 03<sup>rd</sup> Floor, 2B Building, Nghia Do Technological Park, No. 18 Hoang Quoc Viet Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3756 4907; Fax: (84-4) 3756 1888  
 Website: [www.netnam.vn](http://www.netnam.vn)

### *iNet Solutions Corporation*

Address: No. 115/100 Le Van Sy Str., Phu Nhuan Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam  
 Telephone: (84-8) 3991 9150; Fax: (84-8) 3991 9152  
 Website: [www.inetcloud.vn](http://www.inetcloud.vn)

### *Vietsoftware JSC*

Address: 12<sup>th</sup> Floor, VTC Online Building, No 18 Tam Trinh Str., Hoang Mai Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3974 5699; Fax: (84-4) 3974 5700  
 Website: [www.vietsoftware.com](http://www.vietsoftware.com)

### *Lac Tien JSC*

Address: KC45 Huy Tan Phat Str., Dist.7, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
 Telephone: (84-8) 2211 5070; Fax: (84-8) 6262 1286  
 Website: [www.lactien.vn](http://www.lactien.vn)

### *DTT Technology Group*

Address: 4<sup>th</sup> Floor, Building No. 319 of the Ministry of National Defense, No. 63 Le Van Luong Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 6266 5599; Fax: (84-4) 6266 5539  
 Website: [www.dtt.vn](http://www.dtt.vn)

### *EcoIT JSC*

Address: A13 Hoang Cau Str., O Cho Dua Ward, Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 6281 4275; Fax: (84-4) 6275 0064  
 Website: [www.ecoit.asia](http://www.ecoit.asia)

### *Iway JSC*

Address: No. 20A Alley No. 98 Thai Ha Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3537 8680; Fax: (84-4) 3537 8684  
 Website: [www.iwayvietnam.com](http://www.iwayvietnam.com)

### *Vinades JSC*

Address: Room 1805, CT2 Nang Huong Building, No. 583 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 8587 2007; Fax: (84-4) 3550 0914  
 Website: [www.vinades.vn](http://www.vinades.vn)

### *D&L Corporation*

Address: C08-1, Block of flats of the Ministry of Planning and Investment, Dong Quan Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 6655 2836; Fax: (84-4) 3767 8812  
 Website: [www.dlcorp.com.vn](http://www.dlcorp.com.vn)

### *Tam Viet Technology JSC*

Address: No. 08 Lang Ha Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 6682 2443; Fax: (844) 6682 2443  
 Website: [www.tamviettech.vn](http://www.tamviettech.vn)

## 1.4 Doanh nghiệp nội dung số

### **Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông tin (VTC Intecom)**

Trụ sở chính: 23 Lạc Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 4455 1530; Fax: (84-4) 3636 7728  
Website: [www.intecom.vtc.vn](http://www.intecom.vtc.vn)

### **Công ty Cổ phần VNG**

Trụ sở chính: 182 Lê Đại Hành, quận 11, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3866 4666; Fax: (84-8) 3866 4666  
Website: [www.vng.com.vn](http://www.vng.com.vn)

### **Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT**

Trụ sở chính: 153 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 7300 9999 ; Fax: (84-8) 3929 1758  
Website: [www.fptonline.net](http://www.fptonline.net)

### **Công ty Phần mềm và Truyền thông VASC**

Trụ sở chính: 97 Nguyễn Chí Thanh, quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3772 2728; Fax: (84-4) 3772 2733  
Website: [www.vasc.com.vn](http://www.vasc.com.vn)

### **Công ty TNHH DIGI-TEXX Việt Nam**

Trụ sở chính: Lầu 2, Tòa nhà Anna, Công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: (84-8) 3715 5325; Fax: (84-8) 3715 9402  
Website: [www.digi-texx.com.vn](http://www.digi-texx.com.vn)

### **Công ty Cổ phần iNet**

Trụ sở chính: Tầng 6 Tòa nhà Âu Việt , 01 Lê Đức Thọ, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3838 5588; Fax: (84-4) 3793 0979  
Website: [www.inet.vn](http://www.inet.vn)

### **Công ty TNHH P.A Việt Nam**

Trụ sở chính: 254A Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 6256 3737; Fax: (84-8) 6290 6480  
Website: [www.pavietnam.vn](http://www.pavietnam.vn)

## 1.4 Digital content enterprises

### *VTC Investment and Development of Technology JSC (VTC Intecom)*

Address: No. 23 Lac Trung Str, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 4455 1530; Fax: (84-4) 3636 7728  
 Website: www.intecom.vtc.vn

### *VNG JSC*

Address: No. 182 Le Dai Hanh Str., Dist. 11, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
 Telephone: (84-8) 3866 4666; Fax: (84-8) 3866 4666  
 Website: www.vng.com.vn

### *FPT Online Service JSC*

Address: No 153 Nguyen Dinh Chieu Str., Dist. 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
 Telephone: (84-8) 7300 9999 ; Fax:(84-8) 3929 1758  
 Website: www.fptonline.net

### *VASC Software and Media Company*

Address: No. 97 Nguyen Chi Thanh Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3772 2728; Fax: (84-4) 3772 2733  
 Website: www.vasc.com.vn

### *DIGI-TEXX Viet Nam Co., Ltd*

Address: 02<sup>nd</sup> Floor, Anna Building Quang Trung Software Park, Tan Chanh Hiep Ward,  
 Dist.12, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3715 5325; Fax: (84-4) 3715 9402  
 Website: www.digi-texx.com.vn

### *iNet JSC*

Address: 06<sup>th</sup> Floor Au Viet Building, No. 01 Le Duc Tho Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3838 5588; Fax: (84-4) 3793 0979  
 Website: www.inet.vn

### *P.A Viet Nam Co., Ltd*

Address: No. 254A Nguyen Dinh Chieu, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
 Telephone: (84-8) 6256 3737; Fax: (84-8) 6290 6480  
 Website: www.pavietnam.vn

## 1.5 Doanh nghiệp tích hợp hệ thống

### **Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (FIS)**

Trụ sở chính: Tầng 22, Tòa nhà Keangnam, Lô E6, Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3562 6000; Fax: (84-4) 3562 4850  
Website: [www.fis.com.vn](http://www.fis.com.vn)

### **Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

Trụ sở chính: 152 Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội  
Điện thoại: (84-8) 3847 4548; Fax: (84-8) 3847 4549  
Website: [www.hipt.vn](http://www.hipt.vn)

### **Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT**

Trụ sở chính: Tầng 9, Tòa nhà Saigon Paragon, 03 Nguyễn Lương Bằng, quận 7, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 5412 3400; Fax: (84-8) 5410 8801  
Website: [www.hpt.vn](http://www.hpt.vn)

### **Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu**

Trụ sở chính: Lô U.12B, 16A Đường 22, Khu Chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3770 0968; Fax: (84-8) 3770 0969  
Website: [www.saobacdau.vn](http://www.saobacdau.vn)

### **Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC**

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà CMC, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3795 8686; Fax: (84-4) 3795 8383  
Website: [www.cmcsi.com.vn](http://www.cmcsi.com.vn)

## 1.5 Enterprises in IT integration service

### *FPT Information System Co., Ltd*

Address: 22<sup>nd</sup> Floor, Keangnam Landmark Tower, Plot E6, Pham Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3562 6000; Fax: (84-4) 3562 4850  
Website: [www.fis.com.vn](http://www.fis.com.vn)

### *HiPT Group*

Address: No. 152 Thuy Khue Str., Tay Ho Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-8) 3847 4548; Fax: (84-8) 3847 4549  
Website: [www.hipt.vn](http://www.hipt.vn)

### *HPT Informatics Technology Service JSC*

Address: 09<sup>th</sup> Floor, Saigon Paragon Building, No. 03 Nguyen Luong Bang Str., Dist. 7, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Telephone: (84-8) 5412 3400; Fax: (84-8) 5410 8801  
Website: [www.hpt.vn](http://www.hpt.vn)

### *Sao Bac Dau Technologies JSC*

Address: Plot U12B, No. 16A Road No. 22, Tan Thuan Export Processing Zone, Tan Thuan Dong Ward, Dist. 7, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Telephone: (84-8) 3770 0968; Fax: (84-8) 3770 0969  
Website: [www.saobacdau.vn](http://www.saobacdau.vn)

### *CMC System Integration Co., Ltd*

Address: 16<sup>th</sup> Floor, CMC Tower, Duy Tan Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3795 8686; Fax: (84-4) 3795 8383  
Website: [www.cmcsi.com.vn](http://www.cmcsi.com.vn)

## 1.6 Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, giải pháp an toàn thông tin

### *Công ty Tư vấn Đầu tư và Phát triển Công nghệ*

Trụ sở chính: 18 Lý Thường Kiệt,  
quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3933 0808  
Fax: (84-4) 3933 0101  
Website: www.aic.com.vn

### *Công ty Cổ phần an toàn an ninh thông tin CMC (CMCInfosec)*

Trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà CMC,  
phố Duy Tân, quận Cầu Giấy,  
Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3795 8282  
Fax: (84-4) 3984 5053  
Website: www.cmcinfosec.com

### *Tập đoàn HIPT*

Trụ sở chính: 152 Thụy Khuê, quận Tây Hồ,  
Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3847 4548  
Fax: (84-4) 3847 4549  
Website: www.hipt.vn

### *Công ty Cổ phần Tin học Mi Mi*

Trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà San Nam, Dịch  
Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3938 0390  
Fax: (84-4) 3775 9550  
Website: www.mi2.com.vn

### *Công ty TNHH MTV Ứng dụng Kỹ thuật và Sản xuất*

Trụ sở chính: 18A Cộng Hoà, quận Tân Bình,  
TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3811 0181  
Fax: (84-8) 3811 0688  
Website: www.tecapro.com.vn

### *Công ty Cổ phần Công nghệ an ninh không gian mạng Việt Nam (VNCS)*

Trụ sở chính: 116 Thái Hà, quận Đống Đa,  
Việt Nam  
Điện thoại: (84-4) 6291 1416  
Website: www.vnacs.vn

### *Công ty Cổ phần An ninh mạng Việt Nam (VSEC)*

Trụ sở chính: Biệt thự số 26-BT2, Khu Đô thị  
Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 6683 5506  
Website: www.vsec.com.vn

### *Trung tâm Phần mềm và Giải pháp An ninh mạng (BKIS)*

Trụ sở chính: Tầng 5- Hitech, Đại học Bách  
Khoa Hà Nội, 1A Đại Cồ Việt,  
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3868 4757  
Fax: (84-4) 3868 4755  
Website: www.bkav.com.vn

### *Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT (FIS)*

Trụ sở chính: Tầng 22, Tòa nhà  
Keangnam, Lô E6, Phạm  
Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3562 6000  
Fax: (84-4) 5624850  
Website: www.fis.com.vn

### *Viện Công nghệ An toàn thông tin (IST)*

Trụ sở chính: 226 Hào Nam, quận Đống Đa,  
Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3972 8457  
Fax: (84-4) 3972 8457  
Website: www.ist-vnisa.org.vn

### *Công ty Cổ phần phát triển phần mềm và hỗ trợ công nghệ (MISOFT)*

Trụ sở chính: 11 Phan Huy Chú, quận  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3933 1613  
Fax: (84-4) 3933 1612  
Website: www.misoft.com.vn

### *Công ty Điện toán và Truyền số liệu (VDC)*

Trụ sở chính: Lô IIA, Làng quốc tế Thăng  
Long, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3793 0569  
Fax: (84-4) 3793 0506  
Website: www.vdc.com.vn

### *Công ty Cổ phần Công nghệ An toàn thông tin và Truyền thông (VNIST)*

Trụ sở chính: 7D ngách 378/39 Thụy Khuê,  
quận Tây Hồ, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3623 0658  
Website: www.vnist.vn

## 1.6 Enterprises in information security services/solutions

### *Advancing Technologies & Investment Consultants JSC*

Address: No. 18 Ly Thuong Kiet Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3933 0808  
 Fax: (84-4) 3933 0101  
 Website: www.aic.com.vn

### *CMC Information Security JSC (CMCInfoSec)*

Address: 04<sup>th</sup> Floor, CMC Tower, Duy Tan Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3795 8282  
 Fax: (84-4) 3984 5053  
 Website: www.cmcinfosec.com

### *HiPT Group*

Address: No. 152 Thuy Khue Str., Tay Ho Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3847 4548  
 Fax: (84-4) 3847 4549  
 Website: www.hipt.vn

### *Mi Mi Informatics JSC*

Address: 7<sup>th</sup> Floor, San Nam Building, Dich Vong Hau Ward, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3938 0390  
 Fax: (84-4) 3775 9550  
 Website: www.mi2.com.vn

### *Technology Application and Production Co., Ltd*

Address: No. 18A Cong Hoa Str., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam  
 Telephone: (84-8) 3811 0181  
 Fax: (84-8) 3811 0688  
 Website: www.tecapro.com.vn

### *Viet Nam Cyber Security Technology JSC (VNCS)*

Address: No. 116 Thai Ha Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 6291 1416  
 Website: www.vnacs.vn

### *Viet Nam Security Network JSC (VSEC)*

Address: Villa 26-BT2, Van Quan Urban Area, Ha Dong Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 6683 5506  
 Website: www.vsec.com.vn

### *Bach Khoa Internet Security (BKIS)*

Address: 05<sup>th</sup> Floor Hitech Building,, University of Technology, No. 01A Dai Co Viet Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3868 4757  
 Fax: (84-4) 3868 4755  
 Website: www.bkav.com.vn

### *FPT Information System Co., Ltd (FIS)*

Address: 22<sup>nd</sup> Floor, Keangnam Landmark Tower, Plot E6, Pham Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3562 6000  
 Fax: (84-4) 3562 4850  
 Website: www.fis.com.vn

### *Information Security Technology Institute (IST)*

Address: No. 226 Hao Nam Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3972 8457  
 Fax: (84-4) 3972 8457  
 Website: www.ist-vnisa.org.vn

### *Software Development and Technology Promotion JSC (MISOFT)*

Address: No. 11 Phan Huy Chu Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 39331613  
 Fax: (84-4) 3933 1612  
 Website: www.misoft.com.vn

### *Viet Nam Datacommunications Company (VDC)*

Address: Plot 02A, Thang Long International Village, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3793 0569  
 Fax: (84-4) 3793 0506  
 Website: www.vdc.com.vn

### *Viet Nam Information and Telecommunication Security Technology JSC (VNIST)*

Address: No. 7D Alley No. 378/39 Thuy Khue Str., Tay Ho Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3623 0658  
 Website: www.vnist.vn

## 1.7 Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số

### **Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT-CA)**

Trụ sở chính: Nhà Internet, Lô IIA, Làng Quốc tế Thăng Long, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3793 2924/3793 0506; Fax: (84-4) 3793 0506  
Website: [www.vnpt-ca.vn](http://www.vnpt-ca.vn)

### **Công ty Cổ phần Công nghệ thẻ Nacencomm (CA2)**

Trụ sở chính: Tầng 5, 02 Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3576 5146; Fax: (84-4) 3576 5147  
Website: [www.cavn.vn](http://www.cavn.vn)

### **Công ty Cổ phần Hệ thống thông tin FPT (FPT-CA)**

Trụ sở chính: Tầng 22, Tòa nhà Keangnam, Lô E6, Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: 1900 6625; Fax: (84-4)3514 3663  
Website: [www.ca.fis.com.vn](http://www.ca.fis.com.vn)

### **Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel (VIETTEL-CA)**

Trụ sở chính: Tòa nhà N2 Viettel, Km 2 Đại lộ Thăng Long, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội  
Điện thoại: 1900 9099; Fax: (84-4) 6288 0005  
Website: [www.viettel-ca.vn](http://www.viettel-ca.vn)

### **Công ty TNHH An ninh mạng BKAV (BKAV-CA)**

Trụ sở chính: Toà nhà Bkav, Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 7305 0060/1900 5454; Fax: (84-4) 3782 2135  
Website: [www.bkavca.vn](http://www.bkavca.vn)

### **Công ty Công nghệ và Truyền thông CK (CK-CA)**

Trụ sở chính: 4/122 Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3664 7888; Fax: (84-4) 3664 7770  
Website: [www.ckca.vn](http://www.ckca.vn)

### **Công ty Cổ phần Truyền thông Newtelecom (Newtel-CA)**

Trụ sở chính: 08 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3772 7766; Fax: (84-4) 3772 7755  
Website: [www.newtel-ca.vn](http://www.newtel-ca.vn)

### **Công ty Cổ phần Chữ ký số Vina (Smartsign-CA)**

Trụ sở chính: 385C Nguyễn Trãi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3920 8141; Fax: (84-8) 3920 8142  
Website: [www.smartsign.com.vn](http://www.smartsign.com.vn)

### **Công ty Cổ phần Chứng số an toàn (Safe-CA)**

Trụ sở chính: 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 2220 0911; Fax: 84-8) 2220 0913  
Website: [www.safecert.com.vn](http://www.safecert.com.vn)

## 1.7 Digital signature authentication service providers

### *Viet Nam Posts and Telecommunications Group (VNPT-CA)*

Address: Internet Building, Plot 02A, International Thang Long Village, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3793 2924/3793 0506; Fax: (84-4) 3793 0506  
 Website: www.vnpt-ca.vn

### *Nacencomm Technologies JSC (CA2)*

Address: 05<sup>th</sup> Floor, No 02 Chua Boc Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3576 5146; Fax: (84-4) 3576 5147  
 Website: www.cavn.vn

### *FPT Information System JSC (FPT-CA)*

Address: 22<sup>nd</sup> Floor, Keangnam Landmark Tower, Plot E6, Pham Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: 1900 6625; Fax: (84-4) 3514 3663  
 Website: www.ca.fis.com.vn

### *Viettel Group (VIETTEL-CA)*

Address: N2 Viettel Building, Km 02, Thang Long Highway, Me Tri Ward, Tu Liem Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: 1900 9099; Fax: (84-4) 6288 0005  
 Website: www.viettel-ca.vn

### *BKAV Co., Ltd (BKAV-CA)*

Address: Bkav Building, Yen Hoa Ward, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 7305 0060/1900 5454; Fax: (84-4) 3782 2135  
 Website: www.bkavca.vn

### *CK Media (CK-CA)*

Address: No. 4/122 Dinh Cong Str., Hoang Mai Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3664 7888; Fax: (84-4) 3664 7770  
 Website: www.ckca.vn

### *Newtelecom Media JSC (Newtel-CA)*

Address: No. 08 Lang Ha Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3772 7766; Fax: (84-4) 3772 7755  
 Website: www.newtel-ca.vn

### *Smartsign JSC (Smartsign-CA)*

Address: No. 385C Nguyen Trai Str., Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
 Telephone: (84-8) 3920 8141; Fax: (84-8) 3920 8142  
 Website: www.smartsign.com.vn

### *Safecert JSC (Safe-CA)*

Address: No. 37 Ton Duc Thang Str., Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
 Telephone: (84-8) 2220 0911; Fax: (84-8) 2220 0913  
 Website: www.safecert.com.vn

**1.8 Doanh nghiệp đạt chứng chỉ CMMi từ mức 3 trở lên giai đoạn 2011-2014****1.8.1 Doanh nghiệp đạt chứng chỉ CMMi mức 5**

TT	Tổ chức/doanh nghiệp	Website	Năm đạt
1	Công ty Cổ phần phần mềm FPT	www.fpt-software.com	2011
2	Doanh nghiệp Tư nhân Dịch vụ Tường Minh	www.tmasolutions.com	2011
3	Công ty TNHH Global Cybersoft Việt Nam	www.globalcybersoft.com	2013
4	Công ty TNHH Luxoft Việt Nam	www.luxoft.com	2013
5	Công ty TNHH CSC Việt Nam	www.csc.com	2014

**1.8.2 Doanh nghiệp đạt chứng chỉ CMMi mức 3**

STT	Tổ chức/doanh nghiệp	Website	Năm đạt
1	Công ty Phần mềm Viettel	www.viettel.com.vn	2011
2	Công ty THH ISB Việt Nam	www.isb.com.vn	2011
3	Công ty TNHH Fujinet Việt Nam	www.fujinet.vn	2011
4	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm Toshiba	www.toshiba-tsdv.com	2011
5	Công ty TNHH GHP Far East	www.ghp-fareast.com.vn	2012
6	Công ty GMO Runsystem	www.runsystem.vn	2012
7	Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	www.ctin.vn	2012
8	Công ty Lạc Việt	www.lacviet.com	2012
9	Công ty TNHH Larion	www.elarion.com	2012
10	Công ty cổ phần phần mềm Luvina	www.luvina.net	2012
11	Công ty TNHH MISA	www.misa.com.vn	2012
12	Công ty TNHH Pyramid Consulting	www.pyramid-consulting.com	2012
13	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển truyền thông và công nghệ	www.neo.com.vn	2012
14	Công ty Công nghệ Unitech	www.unitech.vn	2012
15	Công ty điện toán và truyền số liệu VDC	www.vdc.com.vn	2012
16	VNPT Hải Phòng	www.hptel.com.vn	2012
17	Công ty Qsoft Việt Nam	www.qsoftvietnam.com	2012
18	Công ty Softech	www.softtech.vn	2012
19	Công ty TNHH CNTT ELCA Việt Nam	www.elca.com.vn	2013
20	Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	www.fis.com.vn	2013
21	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Vĩnh Cửu	-	2013
22	Công ty Giải pháp Kỹ thuật và Kinh doanh Robert Bosch Việt Nam	www.bosch.com.vn	2013
23	Công ty Cổ phần Công nghệ Tinh Vân	www.tinhvan.vn	2013
24	Công ty TNHH Cadena Việt Nam	www.cadena-it.com	2014
25	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đông Tiến	www.dtsc.vn	2014
26	Viện Nghiên cứu và Phát triển Viettel	www.viettelrd.com.vn	2014

## 1.8 Vietnamese enterprises certificated with CMMi level 3+ in period 2011-2014

### 1.8.1 Enterprises certificated with CMMi level 5

TT	Organizations/enterprises	Website	Certificated year
1	FPT Software JSC	www.fpt-software.com	2011
2	TMA Solutions	www.tmasolutions.com	2011
3	Global Cybersoft Viet Nam Co., Ltd	www.globalcybersoft.com	2013
4	Luxoft Viet Nam Co., Ltd	www.luxoft.com	2013
5	CSC Viet Nam Co., Ltd	www.csc.com	2014

### 1.8.2 Enterprises certificated with CMMi level 3

No.	Organizations/enterprises	Website	Certificated year
1	Viettel software Company	www.viettel.com.vn	2011
2	ISB Viet Nam Co., Ltd	www.isb.com.vn	2011
3	Fujinet Viet Nam Co., Ltd	www.fujinet.vn	2011
4	Toshiba Software Development Co., Ltd	www.toshiba.com.vn	2011
5	GHP Far East Co., Ltd	www.ghp-fareast.com.vn	2012
6	GMO Runsystem Corporation	www.runsystem.vn	2012
7	JSC for Telecoms and Informatics	www.ctin.vn	2012
8	Lac Viet Computing Company	www.lacviet.com	2012
9	Larion Co., Ltd	www.elarion.com	2012
10	Luvina Software Corporation	www.luvina.net	2012
11	MISA Co., Ltd	www.misa.com.vn	2012
12	Pyramid Consulting Co., Ltd	www.pyramid-consulting.com	2012
13	Technology and Media Development Investment JSC	www.neo.com.vn	2012
14	United Technology Coporation	www.unitech.vn	2012
15	Viet Nam Data Communication Company	www.vdc.com.vn	2012
16	VNPT Hai Phong	www.hptel.com.vn	2012
17	Qsoft Viet Nam Co., Ltd	www.qsoftvietnam.com	2012
18	Softech Corporation	www.softech.vn	2012
19	ELCA IT Viet Nam Co., Ltd	www.elca.com.vn	2013
20	FPT System Integrity Corporation	www.fis.com.vn	2013
21	Perpetuity Technology Solutions JSC	-	2013
22	Robert Bosch Engineering and Business Solutions Viet Nam Co., Ltd	www.bosch.com.vn	2013
23	Tinh Van Technologies Corporation	www.tinhvan.vn	2013
24	Cadena Viet Nam, Co. Ltd	www.cadena-it.com	2014
25	Dong Tien Service Corporation	www.dtsc.vn	2014
26	Viettel Research and Development Institute	www.viettelrd.com.vn	2014

## 2. DOANH NGHIỆP VIỄN THÔNG VÀ INTERNET TIÊU BIỂU

### 2.1 Doanh nghiệp viễn thông

#### 2.2.1. Dịch vụ viễn thông cố định

##### *Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)*

Trụ sở chính: 57 Huỳnh Thúc Kháng,  
quận Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3577 5104  
Fax: (84-4) 3934 5851  
Website: www.vnpt.vn

##### *Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel)*

Trụ sở chính: 01 Giang Văn Minh, quận Ba Đình,  
Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 6255 6789  
Fax: (84-4) 6299 6789  
Website: www.viettel.com.vn

#### 2.2.2 Dịch vụ viễn thông di động

##### *Công ty Viễn thông Viettel (Viettel Telecom)*

Trụ sở chính: 01 Giang Văn Minh, quận Ba Đình,  
Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 6255 6789  
Fax: (84-4) 6299 6789  
Website: www.vietteltelecom.vn

##### *Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Toàn cầu - Gtel Mobile (GMobile)*

Trụ sở chính: 280B Lạc Long Quân,  
quận Tây Hồ, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3767 4846  
Fax: (84-4) 3767 4854  
Website: www.gmobile.vn

##### *Công ty Thông tin Di động VMS (MobiFone)*

Trụ sở chính: Lô VP1, Phường Yên Hòa,  
quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3783 1733  
Fax: (84-4) 3783 1734  
Website: www.mobifone.com.vn

##### *Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội (Vietnamobile)*

Trụ sở chính: 02 Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3572 9833  
Fax: (84-4) 3572 9834  
Website: www.vietnamobile.com.vn

##### *Công ty Dịch vụ Viễn thông VinaPhone*

Trụ sở chính: 216 Trần Duy Hưng,  
quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3773 5555  
Fax: (84-4) 3773 7544  
Website: www.vinaphone.com.vn

### 2.2 Doanh nghiệp Internet

##### *Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)*

Trụ sở chính: 57 Huỳnh Thúc Kháng,  
quận Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3577 5104  
Fax: (84-4) 3934 5851  
Website: www.vnpt.vn

##### *Công ty Cổ phần Viễn thông FPT*

Trụ sở chính: Tầng 01, Tòa nhà FPT Cầu Giấy,  
phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 7300 2222  
Fax: (84-4) 7300 8889  
Website: www.fpt.vn

##### *Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel)*

Trụ sở chính: 01 Giang Văn Minh, quận Ba Đình,  
Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 6255 6789  
Fax: (84-4) 6299 6789  
Website: www.viettel.com.vn

## 2. TYPICAL TELECOMMUNICATION OPERATORS AND INTERNET SERVICE PROVIDERS

### 2.1 Telecommunication operators

#### 2.1.1 Fixed-line telephone services

##### *Viet Nam Posts and Telecommunications Group (VNPT)*

Head Office: No. 57 Huynh Thuc Khang Str.,  
Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3577 5104  
Fax: (84-4) 3934 5851  
Website: www.vnpt.vn

#### 2.1.2 Mobile phone services

##### *Viettel Telecom Company (Viettel)*

Head Office: No. 01 Giang Van Minh Str.,  
Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 6255 6789  
Fax: (84-4) 6299 6789  
Website: www.vietteltelecom.vn

##### *Viet Nam Mobile Telecom Services Company (MobiFone)*

Head Office: VP1 Block, Yen Hoa Ward,  
Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3783 1733  
Fax: (84-4) 3783 1734  
Website: www.mobifone.com.vn

##### *Viet Nam Telecom Services Company (VinaPhone)*

Head Office: No. 216 Tran Duy Hung Str.,  
Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3773 5555  
Fax: (84-4) 3773 7544  
Website: www.vinaphone.com.vn

##### *Viettel Telecom Company (Viettel)*

Head Office: No. 01 Giang Van Minh Str.,  
Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 6255 6789  
Fax: (84-4) 6299 6789  
Website: www.vietteltelecom.vn

##### *Global Telecommunication Corporation - Gtel Mobile (GMobile)*

Head Office: No. 20B Lac Long Quan Str.,  
Tay Ho Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3767 4846  
Fax: (84-4) 3767 4854  
Website: www.gmobile.vn

##### *Ha Noi Telecom Corporation (Vietnamobile)*

Head Office: No. 02 Chua Boc Str., Dong Da Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3572 9833  
Fax: (84-4) 3572 9834  
Website: www.vietnamobile.com.vn

### 2.2 Internet service providers

##### *Viet Nam Posts and Telecommunications Group (VNPT) FPT Telecom JSC*

Head Office: No. 57 Huynh Thuc Khang Str.,  
Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3577 5104  
Fax: (84-4) 3934 5851  
Website: www.vnpt.vn

Head Office: 01<sup>st</sup> Floor, FPT Building, Duy Tan  
Str., Cau Giay Dist., Ha Noi,  
Viet Nam  
Telephone: (84-4) 7300 2222  
Fax: (84-4) 7300 8889  
Website: www.fpt.vn

##### *Viettel Group (Viettel)*

Head Office: No. 01 Giang Van Minh Str.,  
Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 6255 6789  
Fax: (84-4) 6299 6789  
Website: www.viettel.com.vn

### 3. NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN TIÊU BIỂU

#### *Công ty Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV)*

Địa chỉ: 31-33 Đinh Công Tráng, Phường Tân Định, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Website: [www.sctv.com.vn](http://www.sctv.com.vn)

#### *Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam (VTVcab)*

Địa chỉ: 884 La Thành, quận Ba Đình, Hà Nội

Website: [www.vtvocab.vn](http://www.vtvocab.vn)

#### *Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Truyền thông HTV (HTV-TMS)*

Địa chỉ: 02 BIS Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Website: [www.tms.com.vn](http://www.tms.com.vn)

#### *Công ty TNHH Truyền hình số vệ tinh (K+)*

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp A Tòa nhà Resco, 521 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

Website: [www.kplus.vn](http://www.kplus.vn)

#### *Tổng Công ty Truyền thông đa phương tiện Việt Nam (VTC)*

Địa chỉ: 67B Hàm Long, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: [www.vtc.com.vn](http://www.vtc.com.vn)

#### *Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)*

Địa chỉ: 57 Huỳnh Thúc Kháng, quận Ba Đình, Hà Nội

Website: [www.vnpt.vn](http://www.vnpt.vn)

#### *Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel*

Địa chỉ: 01 Giang Văn Minh, quận Ba Đình, Hà Nội

Website: [www.viettel.com.vn](http://www.viettel.com.vn)

#### *Công ty Cổ phần Nghe nhìn Toàn cầu (AVG)*

Địa chỉ: 15AV Hồ Xuân Hương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Website: [www.truyenhinhanvien.vn](http://www.truyenhinhanvien.vn); [www.anvientv.net](http://www.anvientv.net)

#### *Công ty Cổ phần Dịch vụ truyền thanh - truyền hình Hà Nội (BTS)*

Địa chỉ: 05 Huỳnh Thúc Kháng, quận Ba Đình, Hà Nội

Website: [www.hctv.com.vn](http://www.hctv.com.vn)

### 3. TYPICAL PAY TV PROVIDERS

#### *Saigontourist Cable Television Co, Ltd (SCTV)*

Address: No. 31-33 Dinh Cong Trang Str., Tan Dinh Ward, Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Website: [www.sctv.com.vn](http://www.sctv.com.vn)

#### *Viet Nam Cable Television Corporation (VTVcab)*

Address: No. 884 La Thanh Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: [www.vtvtcab.vn](http://www.vtvtcab.vn)

#### *HTV Technology and Media Services Co., Ltd (HTV-TMS)*

Address: No. 02 BIS Nguyen Thi Minh Khai Str., Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Website: [www.tms.com.vn](http://www.tms.com.vn)

#### *Viet Nam Satellite Digital Television Co., Ltd (K+)*

Address: 15<sup>th</sup> Floor, Tower A Resco Building, No. 521 Kim Ma Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: [www.kplus.vn](http://www.kplus.vn)

#### *Viet Nam Multimedia Corporation (VTC)*

Address: No. 67B Ham Long Str., Hoan Kiem Distr., Ha Noi, Viet Nam

Website: [www.vtc.com.vn](http://www.vtc.com.vn)

#### *Viet Nam Posts and Telecommunications Group (VNPT)*

Address: No. 57 Huynh Thuc Khang Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: [www.vnpt.vn](http://www.vnpt.vn)

#### *Viettel Group (Viettel)*

Address: No. 01 Giang Van Minh Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: [www.viettel.com.vn](http://www.viettel.com.vn)

#### *An Vien Television (AVG)*

Address: No. 15AV Ho Xuan Huong Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: [www.truyenhinhanvien.vn](http://www.truyenhinhanvien.vn); [www.anvientv.net](http://www.anvientv.net)

#### *Ha Noi Broadcasting and Television Services JSC (BTS)*

Address: No. 05 Huynh Thuc Khang Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: [www.hctv.com.vn](http://www.hctv.com.vn)

## 4. DOANH NGHIỆP BƯU CHÍNH TIÊU BIỂU

### *Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost)*

Trụ sở chính: 05 Đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3768 9407; Fax: (84-4) 3768 9433  
Website: [www.vnpost.vn](http://www.vnpost.vn)

### *Công ty TNHH Chuyển phát nhanh DHL-VNPT (DHL-VNPT)*

Trụ sở chính: 04 Phan Thúc Duyệt, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3844 6203; Fax: (84-8) 3847 8113  
Website: [www.dhl.com.vn](http://www.dhl.com.vn)

### *Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel (VTP)*

Trụ sở chính: 01 Giang Văn Minh, quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 6266 0306; Fax: (84-69) 522490  
Website: [www.viettelpost.com.vn](http://www.viettelpost.com.vn)

### *Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện (PT-EMS)*

Trụ sở chính: 01 Tân Xuân, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3757 5577; Fax: (84-4) 3757 6144  
Website: [www.ems.com.vn](http://www.ems.com.vn)

### *Công ty Cổ phần UPS Việt Nam (UPS)*

Trụ sở chính: 18 Cộng Hòa, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-4) 3811 2888; Fax: (84-4) 3811 5888  
Website: [www.ups.com](http://www.ups.com)

### *Công ty TNHH TNT-Vietrans Express World Wide Việt Nam (TNT-Vietrans)*

Trụ sở chính: Phòng 803-806, Tầng 8, Tòa nhà Khâm Thiên, 193-195 Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3715 0855; Fax: (84-4) 3513 3038  
Website: [www.tnt.com](http://www.tnt.com)

### *Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Kerry TTC (Kerry TTC Express)*

Trụ sở chính: 30 Ngõ 102 Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3984 5845;  
Website: [www.kerryttc.com.vn](http://www.kerryttc.com.vn)

## 4. TYPICAL POSTAL OPERATORS

### *Viet Nam Post Corporation (VNPost)*

Head Office: No. 05 Pham Hung Str., My Dinh Ward, Tu Liem Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3768 9407; Fax: (84-4) 3768 9433  
 Website: [www.vnpost.vn](http://www.vnpost.vn)

### *DHL-VNPT Express Co., Ltd (DHL-VNPT)*

Head Office: No. 04 Phan Thuc Duyen Str., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam  
 Telephone: (84-8) 38446203; Fax: (84-8) 3847 8113  
 Website: [www.dhl.com.vn](http://www.dhl.com.vn)

### *Viettel Post JSC (VTP)*

Head Office: No. 01 Giang Van Minh Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 6266 0306; Fax: (84-69) 522490

### *P&T Express JSC (PT-EMS)*

Head Office: No. 01 Tan Xuan, Xuan Dinh Ward, Tu Liem Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3757 5577, Fax: (84-4) 3757 6144  
 Website: [www.ems.com.vn](http://www.ems.com.vn)

### *UPS Viet Nam JSC (UPS)*

Head Office: No. 18 Cong Hoa Str., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3811 2888; Fax: (84-4) 3811 5888  
 Website: [www.ups.com](http://www.ups.com)

### *TNT-Vietrans Express Worldwide Co., Ltd (TNT-Vietrans Express)*

Head Office: Room 803-806, 08<sup>th</sup> Floor, Kham Thien Building, 193-195 Kham Thien Str.,  
 Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3715 0855; Fax: (84-4) 3513 3038  
 Website: [www.tnt.com](http://www.tnt.com)

### *Kerry TTC Express JSC (Kerry TTC Express)*

Head Office: No. 30, Alley No. 102, Khuong Trung Str., Thanh Xuan Dist., Ha Noi, Viet Nam  
 Telephone: (84-4) 3984 5845  
 Website: [www.kerryttc.com.vn](http://www.kerryttc.com.vn)

## 5. TỔ CHỨC, CƠ SỞ ĐÀO TẠO VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐÀO TẠO CNTT-TT TIÊU BIỂU

### 5.1 Đào tạo đại học, cao đẳng

- Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông**  
Địa chỉ: Km 10 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội  
Website: www.ptit.edu.vn
- Học viện Kỹ thuật Quân sự**  
Địa chỉ: Số 100 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Website: www.mta.edu.vn
- Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội**  
Địa chỉ: 144 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Website: www.coltech.vnu.edu.vn
- Trường Đại học Bách khoa Hà Nội**  
Địa chỉ: 01 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Website: www.hust.edu.vn
- Học viện An ninh Nhân dân**  
Địa chỉ: Km9 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Học viện Kỹ thuật Mật mã**  
Địa chỉ: 141 Chiến Thắng, huyện Thanh Trì, Hà Nội.  
Website: www.actvn.edu.vn
- Trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh**  
Địa chỉ: 268 Lý Thường Kiệt, quận 10, TP. Hồ Chí Minh  
Website: www.hcmut.edu.vn
- Trường Đại học Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh**  
Địa chỉ: Khu phố 6, Phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
Website: www.uit.edu.vn
- Trường Đại học FPT**  
Địa chỉ: Tòa nhà Detech, 08 Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Website: www.fpt.edu.vn
- Trường Đại học Cần Thơ**  
Địa chỉ: Khu II, Đường 3/2, quận Ninh Kiều, Cần Thơ  
Website: www.ctu.edu.vn
- Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng**  
Địa chỉ: 54 Nguyễn Lương Bằng, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng  
Website: www.dut.edu.vn
- Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên**  
Địa chỉ: Xã Quyết Thắng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên  
Website: www.ictu.edu.vn

### 5.2 Đào tạo phi chính quy và cao đẳng nghề

- Hệ thống Aptech Việt Nam**  
Địa chỉ: Tòa nhà Detech, 08 Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Website: www.aptech.edu.vn
- Hệ thống NIIT Việt Nam**  
Địa chỉ: 138C Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
Website: www.niit.edu.vn
- Hệ thống Arena Multimedia**  
Địa chỉ: 80 Trúc Khê, quận Đống Đa, Hà Nội  
Website: www.arena-multimedia.vn
- Học viện Công nghệ thông tin Hà Nội (Hanoi CTT)**  
Địa chỉ: 101A Nguyễn Khuyến, quận Đống Đa, Hà Nội  
Website: www.hanoictt.com.vn
- Viện Công nghệ kỹ thuật (Saigon CTT)**  
Địa chỉ: Tòa nhà DTS, 287B Điện Biên Phủ, quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
Website: www.saigonctt.com.vn
- Trường SaigonTECH**  
Địa chỉ: Tòa nhà SaigonTech, Lô 14, đường số 5, Công viên phần mềm Quang Trung, quận 12, TP. Hồ Chí Minh  
Website: www.saigontech.edu.vn
- Trường Cao đẳng nghề Công nghệ thông tin iSPACE**  
Địa chỉ: 240 Võ Văn Ngân, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
Website: www.ispace.edu.vn
- Trường Cao đẳng CNTT Hữu nghị Việt - Hàn**  
Địa chỉ: 57 Nguyễn Hữu Thọ, quận Hải Châu, Đà Nẵng  
Website: www.viethanit.edu.vn
- Trung tâm Đào tạo Quản trị & An ninh mạng Athena**  
Địa chỉ: 02 Bis Đinh Tiên Hoàng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Website: www.athena.com.vn
- Trung tâm Đào tạo Mạng máy tính Nhất nghệ**  
Địa chỉ: 105 Bà huyện Thanh Quan, quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
Website: www.nhatnghe.com
- Trường Đào tạo Công nghệ thông tin InfoWorld**  
Địa chỉ: 06 Phan Đình Giót, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Website: www.infoworldschool.com
- Trung tâm Tin học Việt Tin**  
Địa chỉ: 278/4 Nguyễn Văn Linh, quận Thanh Khê, Đà Nẵng  
Website: www.vietin.com

## 5. TYPICAL UNIVERSITIES AND INSTITUTIONS OFFERING ICT DEGREES

### 5.1 Universities, colleges

1. **Posts and Telecommunications Institute of Technology**  
Address: Km10 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Website: [www.ptit.edu.vn](http://www.ptit.edu.vn)
2. **Military Technical Academy**  
Address: No.100 Hoang Quoc Viet Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Website: [www.mta.edu.vn](http://www.mta.edu.vn)
3. **University of Engineering and Technology - Viet Nam National University, Ha Noi**  
Address: No. 144 Xuan Thuy Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Website: [www.coltech.vnu.edu.vn](http://www.coltech.vnu.edu.vn)
4. **People's Security Academy**  
Address: Km9 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Ha Noi, Viet Nam
5. **Ha Noi University of Science and Technology**  
Address: No. 01 Dai Co Viet, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Website: [www.hust.edu.vn](http://www.hust.edu.vn)
6. **Academy of Cryptography Techniques**  
Address: No. 141 Chien Thang Str., Thanh Tri Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Website: [www.actvn.edu.vn](http://www.actvn.edu.vn)
7. **University of Technology - Viet Nam National University, Ho Chi Minh City**  
Address: No. 286 Ly Thuong Kiet Str., Dist. 10, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Website: [www.hcmut.edu.vn](http://www.hcmut.edu.vn)
8. **Information Technology University - Viet Nam National University, Ho Chi Minh City**  
Address: Quarter No. 6, Linh Trung Ward, Thu Duc Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Website: [www.uit.edu.vn](http://www.uit.edu.vn)
9. **FPT University**  
Address: Detech Building, No. 08 Ton That Thuyet Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Website: [www.fpt.edu.vn](http://www.fpt.edu.vn)
10. **Can Tho University**  
Address: Block II, 3/2 Str., Ninh Kieu Dist. Can Tho, Viet Nam  
Website: [www.ctu.edu.vn](http://www.ctu.edu.vn)
11. **University of Science and Technology - Da Nang University**  
Address: No. 54 Nguyen Luong Bang Str., Lien Chieu Dist., Da Nang, Viet Nam  
Website: [www.dut.edu.vn](http://www.dut.edu.vn)
12. **University of Information and Communication Technology - Thai Nguyen University**  
Address: Quyet Thang Commune, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province, Viet Nam  
Website: [www.ictu.edu.vn](http://www.ictu.edu.vn)

### 5.2 Non-formal and vocational colleges

1. **Aptech Viet Nam**  
Address: Detech Building, No. 08 Ton That Thuyet Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Website: [www.aptech.edu.vn](http://www.aptech.edu.vn)
2. **NIIT Viet Nam**  
Address: No. 138C Nguyen Dinh Chieu Str., Dist. 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Website: [www.niit.edu.vn](http://www.niit.edu.vn)
3. **Arena Multimedia**  
Address: No. 80 Truc Khe Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Website: [www.arena-multimedia.vn](http://www.arena-multimedia.vn)
4. **Hanoi CTT IT Academy (Hanoi CTT)**  
Address: No. 101A Nguyen Khuyen Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Website: [www.hanoictt.com.vn](http://www.hanoictt.com.vn)
5. **Saigon Institute for Techniques and Technology (Saigon CTT)**  
Address: DTS Building, No. 287B Dien Bien Phu Str., Dist. 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Website: [www.saigonctt.com.vn](http://www.saigonctt.com.vn)
6. **SaigonTECH**  
Address: SaigonTech Building, Plot 14, Block 5, Quang Trung Software park, Dist. 12, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Website: [www.saigontech.edu.vn](http://www.saigontech.edu.vn)
7. **iSPACE**  
Address: No. 240 Vo Van Ngan Str., Thu Duc Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Website: [www.ispace.edu.vn](http://www.ispace.edu.vn)
8. **Viet Nam - Korea Friendship IT College**  
Address: No. 57 Nguyen Huu Tho, Hai Chau Dist., Da Nang, Viet Nam  
Website: [www.viethanit.edu.vn](http://www.viethanit.edu.vn)
9. **Athena Center**  
Address: No. 02 Bis Dinh Tien Hoang Str., Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Website: [www.athena.com.vn](http://www.athena.com.vn)
10. **Nhat Nghe Center**  
Address: No. 105 Ba Huyen Thanh Quan Str., Dist. 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Website: [www.nhatnghe.com](http://www.nhatnghe.com)
11. **InfoWorld**  
Address: No. 06 Phan Dinh Giot Str., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Website: [www.infoworldschool.com](http://www.infoworldschool.com)
12. **Viet Tin Center**  
Address: No. 278/4 Nguyen Van Linh Str., Thanh Khe Dist., Da Nang, Viet Nam  
Website: [www.vietin.com](http://www.vietin.com)

## 6. DOANH NGHIỆP QUỐC TẾ ĐANG HOẠT ĐỘNG TẠI VIỆT NAM

### Công ty TNHH Intel Products Việt Nam

Trụ sở chính: Lô I2, Đường D2, Khu Công nghệ cao  
TP. Hồ Chí Minh, quận 9, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3736 6200  
Fax: (84-8) 3736 0510  
Website: www.intel.vn

### Công ty TNHH Canon Việt Nam

Trụ sở chính: Lô A1, Khu Công nghiệp Thăng Long,  
huyện Đông Anh, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3811 2111  
Fax: (84-4) 3771 1678  
Website: www.canon-vn.com.vn

### Công ty TNHH Fujitsu Việt Nam

Trụ sở chính: Phòng 01-03, Tầng 17 Tòa nhà Keangnam,  
Khu E6, Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 2220 3113  
Fax: (84-4) 2220 3114  
Website: www.fujitsu.com

### Công ty TNHH IBM Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà Pacific, 83B Lý Thường Kiệt,  
quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3946 2021  
Fax: (84-4) 3946 0203  
Website: www.ibm.com

### Công ty TNHH Panasonic Việt Nam

Trụ sở chính: Lô J1-J2, Khu công nghiệp  
Thăng Long, huyện Đông Anh, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3955 0111  
Fax: (84-4) 3955 0144  
Website: www.panasonic.com.vn

### Công ty LG Electronics Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 35, tòa nhà Keangnam, Tòa 70 tầng, Lô E6,  
Đường Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3934 5110  
Fax: (84-4) 3934 5118  
Website: www.lg.com

### Công ty TNHH Ericsson Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Keangnam,  
Tòa 72 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng,  
quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3838 0100  
Fax: (84-4) 3838 0101  
Website: www.ericsson.com

### Công ty TNHH Microsoft Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 16, Tòa nhà Capital Tower,  
109 Trần Hưng Đạo, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3935 1053  
Fax: (84-4) 3934 5118  
Website: www.microsoft.com.vn

### Công ty TNHH Thiết kế Renesas Việt Nam

Trụ sở chính: Đường Tân Thuận, Khu Chế xuất Tân Thuận,  
quận 7, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3770 0255  
Fax: (84-8) 3770 0249  
Website: www.vietnam.renesas.com

### Công ty TNHH Sumitomo Bakelite Việt Nam

Trụ sở chính: Lô C6, Khu Công nghiệp Thăng Long,  
huyện Đông Anh, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3881 1531  
Fax: (84-4) 3881 1532

### Văn phòng đại diện ZTE tại Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 17, 266 Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 6272 1818  
Fax: (84-4) 6272 2636  
Website: www.zte.com.vn

### Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam

Trụ sở chính: Khu công nghiệp Yên Phong I,  
xã Yên Phong, huyện Yên Trung, Bắc Ninh  
Điện thoại: (84-241) 369 6049  
Fax: (84-241) 369 6003  
Website: www.samsung.com.vn

### Công ty TNHH Yahoo! Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Centec 72-74 Nguyễn Thị  
Minh Khai, quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 6299 8031  
Fax: (84-8) 6299 8001  
Website: www.vn.yahoo.com

### Công ty TNHH Công nghệ Huawei Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 21, Tòa nhà Charmvit Tower,  
117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 2220 8818  
Fax: (84-4) 2220 8828  
Website: www.huawei.com

### Công ty TNHH Siemens Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 4 và 5 Tòa nhà Landmark, 5B Tôn Đức  
Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-4) 3825 1900  
Fax: (84-8) 3825 1580  
Website: www.siemens.com.vn

### Công ty TNHH DongAh Elecomm Việt Nam

Trụ sở chính: Khu công nghiệp Lương Sơn,  
xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình  
Điện thoại: (84-281) 382 6781  
Fax: (84-281) 382 6783  
Website: www.dongah.vn

### Công ty TNHH Nec Tokin Electronics Việt Nam

Trụ sở chính: Lô A5 – A6, Công viên công nghệ Long Bình,  
Khu Chế xuất Long Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai  
Điện thoại: (84-61) 389 1970  
Fax: (84-61) 389 1973

### Công ty Toshiba Việt Nam

Trụ sở chính: Phòng 1702, Tầng 17, Tòa nhà Centec Tower,  
72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3,  
TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3824 2818  
Website: www.toshiba.com.vn

### Công ty TNHH Thông tin NTT Việt Nam

Trụ sở chính: L4A-10,11 Trung tâm Vincom,  
72 Lê Thánh Tôn, quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3827 3646  
Fax: (84-8) 3827 3643  
Website: www.ntt.com.vn

### Công ty TNHH Cisco Systems tại Việt Nam

Trụ sở chính: Phòng 2301-2305, Tầng 23,  
Tòa nhà Keangnam, Tòa 72 tầng, Lô E6,  
Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 3974 6227  
Fax: (844) 3974 2790  
Website: www.cisco.com

### Công ty TNHH Jabii Việt Nam

Trụ sở chính: Lô 14, Nhà máy F02, Lê Văn Việt, Khu công nghệ  
cao Sài Gòn, quận 9, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3736 0547  
Fax: (84-8) 3736 0545

### Công ty TNHH Fuhong Precision Component

Trụ sở chính: Khu Công nghệ cao Đình Trám,  
huyện Việt Yên, Bắc Giang.  
Điện thoại: (84-241) 385 6888

## 6. ICT MULTI-NATIONAL COMPANIES IN VIET NAM

### *Intel Products Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: Plot I2, D1 Road, Saigon Hi-Tech Park,  
District 9, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Telephone: (84-8) 3736 6200  
Fax: (84-8) 3736 6510  
Website: www.intel.vn

### *Canon Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: Plot A1, Thang Long Industrial Zone,  
Dong Anh Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3811 2111  
Fax: (84-4) 3771 1678  
Website: www.canon-vn.com.vn

### *Fujitsu Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: Room 01-03<sup>rd</sup>, 17<sup>th</sup> Floor Keangnam Landmark  
Tower, Plot E6, Pham Hung Str., Tu Liem Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 2220 3113  
Fax: (84-4) 2220 3114  
Website: www.fujitsu.com

### *IBM Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: 02<sup>th</sup> Floor, Pacific Building, No 83B Ly Thuong  
Kiet Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3946 2021  
Fax: (84-4) 3946 0203  
Website: www.ibm.com

### *Panasonic Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: Plot J1-J2, Thang Long Industrial Zone,  
Dong Anh Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3955 0111  
Fax: (84-4) 3955 0144  
Website: www.panasonic.com.vn

### *LG Electronics Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: 35<sup>th</sup> Floor, Hanoi Lanmark Tower 70, Plot E6,  
Pham Hung Str., Cau Giay Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3934 5110  
Fax: (84-4) 3934 5118  
Website: www.lg.com

### *Ericsson Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: 15<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark Tower,  
Building 72, Plot E6, Pham Hung Str.,  
Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3838 0100  
Fax: (84-4) 3838 0101  
Website: www.ericsson.com

### *Microsoft Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: 16<sup>th</sup> Floor, Capital Tower Building, No. 109  
Tran Hung Dao Str., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3935 1053  
Fax: (84-4) 3934 5118  
Website: www.microsoft.com.vn

### *Renesas Design Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: Tan Thuan Road, Tan Thuan  
Export Processing Zone, Dist. 7, Ho Chi Minh  
City, Viet Nam  
Telephone: (84-8) 3770 0255  
Fax: (84-8) 3770 0249  
Website: www.vietnam.renesas.com

### *Sumitomo Bakelite Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: Plot C6, Thang Long Industrial Zone,  
Dong Anh Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 3881 1531  
Fax: (84-4) 3881 1532  
Website: www.sbv.com.vn

### *Representative Office of ZTE in Viet Nam*

Head Office: 17<sup>th</sup> Floor, No. 266 Doi Can Str., Ba Dinh Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 6272 1818  
Fax: (84-4) 6272 2636  
Website: www.zte.com

### *Samsung Electronics Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: Yen Phong I Industrial Zone, Yen Phong Ward,  
Yen Trung Dist., Bac Ninh, Viet Nam  
Telephone: (84-241) 369 6049  
Fax: (84-241) 369 6003  
Website: www.samsung.com.vn

### *Yahoo! Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: 8<sup>th</sup> Floor, Centec Building, No 72-74 Nguyen Thi  
Minh Khai, Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Telephone: (84-8) 6299 8031  
Fax: (84-8) 6299 8001  
Website: www.vn.yahoo.com

### *Huawei Technology Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: 21<sup>st</sup> Floor, Charmvit Tower, No. 117 Tran Duy  
Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 2220 8818  
Fax: (84-4) 2220 8828  
Website: www.huawei.com

### *Siemens Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: 04 - 05<sup>th</sup> Landmark Building, No. 5B Ton Duc  
Thang Str., Dist.1, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Telephone: (84-4) 825 1900  
Fax: (84-8) 3825 1580  
Website: www.siemens.com.vn

### *DongAh Elecomm Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: Luong Son Industrial Zone, Hoa Son Ward,  
Luong Son Dist., Hoa Binh, Viet Nam  
Telephone: (84-281) 382 6781  
Fax: (84-281) 382 6783  
Website: www.dongah.vn

### *Nec Tokin Electronics Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: Plot A5-A6, Long Binh Export Processing Zone,  
Bien Hoa City, Dong Nai, Viet Nam  
Telephone: (84-61) 389 1970  
Fax: (84-61) 389 1973

### *Toshiba Viet Nam*

Head Office: Room 1702, 17<sup>th</sup> Floor, Centec Tower,  
No. 72 - 74 Nguyen Thi Minh Khai Str., Dist. 3,  
Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Telephone: (84-8) 3824 2818  
Website: www.toshiba.com.vn

### *NTT Communication Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: L4A-10,11 Vincom Center, No. 72 Le Thanh Ton,  
Dist.1, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Telephone: (84-8) 3827 3646  
Fax: (84-8) 3827 3643  
Website: www.ntt.com.vn

### *Cisco Systems Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: Room 2301-2305, 23<sup>rd</sup> Floor, Keangnam  
Landmark Tower, Building 72, Lot E6,  
Pham Hung Str., Tu Liem Dist, Ha Noi, Viet Nam  
Website: www.cisco.com  
Telephone: (84-4) 3974 6227  
Fax: (84-4) 3974 2790

### *Jabil Viet Nam Co., Ltd*

Head Office: Plot I4, F02 Factory, Le Van Viet Str., Saigon  
Hi-Tech Park, Dist. 9, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Telephone: (84-8) 3736 0547  
Fax: (84-8) 3736 0545

### *Fuhong Precision Component Co., Ltd*

Head Office: Dinh Tram Hi-Tech Park, Viet Yen Dist.,  
Bac Giang, Viet Nam  
Telephone: (84-241) 385 6888

## 7. CÁC KHU CNTT TẬP TRUNG TẠI VIỆT NAM

### 7.1 Khu Công viên Phần mềm Quang Trung

- Trụ sở chính: 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Văn phòng đại diện: Nhà 3, khu Công viên Phần mềm Quang Trung, quận 12, TP. Hồ Chí Minh
- Diện tích đất: 434.539,7 m<sup>2</sup>
- Diện tích văn phòng: 130.606 m<sup>2</sup>
- Số doanh nghiệp CNTT hoạt động: 106
- Số nhân lực: trên 25.000 người, trong đó tổng số lao động chuyên về CNTT là trên 6.100 người
- Điện thoại: (84-8) 3715 8999
- Fax: (84-8) 3715 5985
- Email: qstc@qstc.com.vn
- Website: www.quangtrungsoft.com.vn

### 7.2 Khu CNTT tập trung Cầu Giấy

- Trụ sở chính: Phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Diện tích đất: 83.549 m<sup>2</sup>
- Diện tích văn phòng: 20.054 m<sup>2</sup>
- Số doanh nghiệp CNTT đang hoạt động: 85
- Số nhân lực: gần 15.000 người, trong đó số lao động chuyên về CNTT là trên 9.800 người.
- Điện thoại: (84-4) 3768 6221

### 7.3 Trung tâm Giao dịch CNTT Hà Nội

- Trụ sở chính: 185 Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội
- Diện tích đất: 1.700 m<sup>2</sup>
- Diện tích văn phòng: 2.500 m<sup>2</sup>
- Số doanh nghiệp CNTT đang hoạt động: 38
- Số nhân lực: 600 người, trong đó số lao động chuyên về CNTT là 500 người.
- Điện thoại: (84-4) 3512 1430
- Fax: (84-4) 3512 1486

### 7.4 Trung tâm Công nghệ Phần mềm TP. Hồ Chí Minh

- Trụ sở chính: 123 Trương Định, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Diện tích đất: 3.000 m<sup>2</sup>
- Số doanh nghiệp CNTT đang hoạt động: 28
- Số nhân lực: 500 người
- Điện thoại: (84-8) 3932 0990
- Fax: (84-8) 3932 0993
- Email: sales@ssp.com.vn
- Website: www.ssp.com.vn

### 7.5 Khu Công viên Phần mềm Đà Nẵng

- Trụ sở chính: 02 Quang Trung, quận Hải Châu, Đà Nẵng
- Diện tích đất: 4.697,6 m<sup>2</sup>
- Diện tích văn phòng: 9.115 m<sup>2</sup>
- Số doanh nghiệp CNTT đang hoạt động: 29
- Số nhân lực: 2.000 người
- Điện thoại: (84-511) 388 8666
- Fax: (84-511) 388 8879
- Email: sales@dsp.vn
- Website: www.dsp.vn

### 7.6. Khu Công nghệ Phần mềm Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

- Trụ sở chính: Khu phố 6, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Diện tích đất: 230.000 m<sup>2</sup>
- Diện tích văn phòng: 14.925 m<sup>2</sup>
- Số nhân lực: 610 trong đó có gồm 420 nhân lực CNTT.
- Điện thoại: (84-8) 3724 4000
- Fax: (84-8) 3724 2058
- Email: vanphong@vnu-itp.edu.vn
- Website: www.vnu-itp.edu.vn

### 7.7. E-Town

- Address: 364 Cộng Hòa, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Diện tích đất: 35.000m<sup>2</sup> gồm 7 toà nhà eTown1, eTown2, eTown3, eTown4, trụ sở REE và khu thể thao liên hợp eTown
- Diện tích văn phòng: 84.300 m<sup>2</sup>
- Điện thoại: (84-8) 3810 4462
- Fax: (84-8) 3810 6816
- E-mail: sales@etown.com.vn
- Website: www.etown.com.vn

### 7.8. Trung tâm Công nghệ Phần mềm Cần Thơ

- Trụ sở chính: 29 Cách Mạng Tháng Tám, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
- Diện tích văn phòng: 1.656 m<sup>2</sup>
- Điện thoại: (84-71) 376 1937
- Fax: (84-71) 376 1937
- E-mail : canthosoft@csp.vn
- Website: www.csp.vn

## 7. INFORMATION TECHNOLOGY PARKS IN VIET NAM

### 7.1 Quang Trung Software City

- Address: No. 97 - 101 Nguyen Cong Tru, Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Representative Office: Building 3, Quang Trung Software City, Dist. 12, Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Size of land: 434,539.7 m<sup>2</sup>
- Size of office space: 130,606 m<sup>2</sup>
- Number of IT enterprises: 106
- Number of employees: over 25.000 people including over 6.100 IT employees.
- Telephone: (84-8) 3715 8999
- Fax: (84-8) 3715 5985
- Email: qstc@qstc.com.vn
- Website: www.quangtrungsoft.com.vn

### 7.2 Cau Giay IT Park

- Address: Duy Tan Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
- Size of land: 83,549 m<sup>2</sup>
- Size of office space: 20,054 m<sup>2</sup>
- Number of IT enterprises: 85
- Number of employees: nearly 15,000 people including 9,800 IT employees.
- Telephone: (84-4) 3768 6221

### 7.3 Ha Noi IT Trading Center

- Address: No. 185 Giang Vo Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
- Size of land: 1,700 m<sup>2</sup>
- Size of office space: 2,500 m<sup>2</sup>
- Number of IT enterprises: 38
- Number of IT employees: 600 people including 500 IT employees.
- Telephone: (84-4) 3512 1430
- Fax: (84-4) 3512 1486

### 7.4 Saigon Software Park

- Address: No. 123 Truong Dinh Str., Dist 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Size of land: 3,000 m<sup>2</sup>
- Number of IT enterprises: 28
- Number of employees: 500 people
- Telephone: (84-8) 3932 0990
- Fax: (84-8) 3932 0993
- Email: sales@ssp.com.vn
- Website: www.ssp.com.vn

### 7.5 Da Nang Software Park

- Address: No. 02 Quang Trung Str., Hai Chau Dist., Da Nang, Viet Nam
- Size of land: 4,697.6 m<sup>2</sup>
- Size of office space: 9,115 m<sup>2</sup>
- Number of IT enterprises: 29
- Number of employees: 2,000 people
- Telephone: (84-511) 388 8666
- Fax: (84-511) 388 8879
- Email: sales@dsp.vn
- Website: www.dsp.vn

### 7.6 IT Park of Viet Nam National University, Ho Chi Minh City

- Address: Neighbourhood No. 06, Thu Duc Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Size of land: 230,000 m<sup>2</sup>
- Size of office space: 14,925 m<sup>2</sup>
- Number of employees: 610 including 420 IT employees.
- Telephone: (84-8) 3724 4000
- Fax: (84-8) 3724 2058
- Email: vanphong@vnu-itp.edu.vn
- Website: www.vnu-itp.edu.vn

### 7.7 E-Town

- Address: No. 364 Cong Hoa Str., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Size of land: 35,000 m<sup>2</sup> including 7 buildings like eTown1, eTown2, eTown 3, eTown4, eTown EW, REE head office and eTown sport complex.
- Size of office space: 84,300 m<sup>2</sup>
- Telephone: (84-8) 3810 4462
- Fax: (84-8) 3810 6816
- E-mail: sales@etown.com.vn
- Website: www.etown.com.vn

### 7.8 Can Tho Software Park

- Address: No. 29 Cach Mang Thang Tam Str., Ninh Kieu Dist., Can Tho City, Viet Nam
- Size of office space: 1,656 m<sup>2</sup>
- Telephone: (84-71) 376 1937
- Fax: (84-71) 376 1937
- E-mail: canthosoft@csp.vn
- Website: www.csp.vn

## 8. QUỸ ĐẦU TƯ MẠO HIỂM VÀ CÔNG NGHỆ ĐANG HOẠT ĐỘNG

### *Quỹ IDG Venture Việt Nam (IDGVV)*

#### **Văn phòng tại Hà Nội**

- Địa chỉ: Tầng 09, 60 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3936 3363
- Fax: (84-4) 2220 0349

#### **Văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh**

- Địa chỉ: Tầng 57, Tòa nhà Bitexco, 02 Hải Triều, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3827 8888
- Fax: (84-8) 3827 8899
- Website: [www.idgvv.com.vn](http://www.idgvv.com.vn)
- Năm thành lập: 2004
- Số vốn đăng ký: 100 triệu USD
- Địa chỉ đầu tư trong nước tiêu biểu: Moore Corp, Apollo Việt Nam, YeuTheThao, YeuAmNhac Group, Vinapay.

### *Quỹ DFJ VinaCapital L.P. (VinaCapital)*

#### **Văn phòng tại Hà Nội**

- Địa chỉ: Tầng 6, 17 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3936 4630
- Fax: (84-4) 3936 4629

#### **Văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh**

- Địa chỉ: Tầng 17, Tòa tháp Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3821 9930
- Fax: (84-8) 3821 9931
- Website: [www.dfj-vinacapital.com](http://www.dfj-vinacapital.com)
- Năm thành lập: 2006
- Số vốn quản lý: 50 triệu USD
- Địa chỉ đầu tư trong nước tiêu biểu: Chicilon Media, DirectWithHotels, Gapit, Greenvity, TaxOnline, Vietnam Online Network, Yeah1.

### *Công ty Tài chính quốc tế (IFC), Ngân hàng Thế giới*

#### **Văn phòng tại Hà Nội**

- Địa chỉ: Tầng 3, 63 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3934 2282
- Fax: (84-4) 3934 2289

#### **Văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh**

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Somerset Chancellor Court, 21 - 23 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3823 5266
- Fax: (84-8) 3827 7566
- Website: [www.ifc.org](http://www.ifc.org)
- Địa chỉ đầu tư trong nước tiêu biểu: Techcombank, VIPBank, OCB.

### *Quỹ Mekong Capital (Mekong Enterprise Fund)*

#### **Văn phòng tại Hà Nội**

- Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà HAREC, 4A Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3772 4888
- Fax: (84-4) 3772 4868

#### **Văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh**

- Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Capital Place, 06 Thái Văn Lung, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 3827 3161
- Fax: (08) 3827 3162
- Website: [www.mekongcapital.com](http://www.mekongcapital.com)
- Năm thành lập: 2001
- Địa chỉ đầu tư trong nước tiêu biểu: Thế giới di động, Tập đoàn Golden Gate, Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ), Công ty Dược phẩm Traphaco, FPT.

## 8. OVERVIEW OF TECHNOLOGY FUNDS AND VENTURE CAPITAL FOR IT ENTERPRISES

### *IDG Venture Viet Nam (IDGVV)*

#### **Office in Ha Noi**

- Address: 09<sup>th</sup> Floor, No. 60 Ly Thai To Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam
- Telephone: (84-4) 3936 3363
- Fax: (84-4) 2220 0349

#### **Office in Ho Chi Minh City**

- Address: 57<sup>th</sup> Floor, Bitexco Finance Building, No. 02 Hai Trieu Str., Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Telephone: (84-8) 3827 8888
- Fax: (84-8) 3827 8899
- Website: [www.idgvv.com.vn](http://www.idgvv.com.vn)
- Established year: 2004
- Fund's capital: 100 million USD
- Typical portfolio companies: Moore Corp, Apollo Viet Nam, YeuTheThao, YeuAmNhac Group, Vinapay.

### *International Finance Corporation (IFC), World Bank*

#### **Office in Ha Noi**

- Address: 03<sup>rd</sup> Floor, No. 63 Ly Thai To Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam
- Telephone: (84-4) 3934 2282
- Fax: (84-4) 3934 2289

#### **Office in Ho Chi Minh City**

- Address: 03<sup>rd</sup> Floor, Somerset Chancellor Court Tower, No. 21 - 23 Nguyen Thi Minh Khai Str., Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Telephone: (84-8) 3823 5266
- Fax: (84-8) 3827 7566
- Website: [www.ifc.org](http://www.ifc.org)
- Typical portfolio companies: Techcombank, VIPBank, OCB.

### *DFJ VinaCapital L.P. (VinaCapital)*

#### **Office in Ha Noi**

- Address: 06<sup>th</sup> Floor, No. 17 Ngo Quyen Str., Hoan Kiem Dist. Ha Noi, Viet Nam
- Telephone: (84-4) 3936 4630
- Fax: (84-4) 3936 4629

#### **Office in Ho Chi Minh City**

- Address: 17<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower, No. 115 Nguyen Hue Str., Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Telephone: (84-8) 3821 9930
- Fax: (84-8) 3821 9931
- Website: [www.dfvina.com](http://www.dfvina.com)
- Established year: 2006
- Fund's capital: 50 million USD
- Typical portfolio companies: Chicilon Media, DirectWithHotels, Gapit, Greenvity, TaxOnline, Vietnam Online Network, Yeah1.

### *Mekong Capital (Mekong Enterprise Fund)*

#### **Office in Ha Noi**

- Address: 12<sup>th</sup> Floor, HAREC Building, No. 4A Lang Ha Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
- Telephone: (84-4) 3772 4888
- Fax: (84-4) 3772 4868

#### **Office in Ho Chi Minh City**

- Address: 08<sup>th</sup> Floor, Capital Place Building, No. 06 Thai Van Lung Str., Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Telephone: (08) 3827 3161
- Fax: (08) 3827 3162
- Website: [www.mekongcapital.com](http://www.mekongcapital.com)
- Established year: 2001
- Typical portfolio companies: Mobile World, Golden Gate Group, Phu Nhuan Jewellery (PNJ), Traphaco, FPT.

## **BAN BIÊN TẬP SÁCH TRẮNG 2014**

1. Ông Nguyễn Minh Hồng Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Trưởng Ban;
2. Ông Nguyễn Trọng Đường Vụ trưởng Vụ Công nghệ thông tin, Phó Trưởng Ban;
3. Bà Phan Thị Phương Nhung Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Phó Trưởng Ban;
4. Ông Nguyễn Thanh Tuyên Phó Vụ trưởng Vụ Công nghệ thông tin, thành viên;
5. Bà Nguyễn Vũ Hồng Thanh Phó Vụ trưởng Vụ Bưu chính, thành viên;
6. Ông Đinh Quang Trung Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, thành viên;
7. Ông Triệu Minh Long Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, thành viên;
8. Bà Nguyễn Minh Hằng Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, thành viên;
9. Bà Lê Thị Ngọc Mơ Phó Cục trưởng Cục Viễn thông, thành viên;
10. Ông Tạ Quang Nghĩa Phó Cục trưởng Cục Tin học hóa, thành viên;
11. Ông Nguyễn Hà Yên Phó Cục trưởng Cục Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử, thành viên;
12. Ông Trần Minh Tân Phó Giám đốc Trung tâm Internet Việt Nam, thành viên;
13. Ông Hoàng Đăng Hải Phó Giám đốc Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam, thành viên;
14. Ông Trần Minh Tuấn Phó Viện trưởng Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông, thành viên.

## 2014 WHITE BOOK EDITORIAL BOARD

1. Mr. Nguyen Minh Hong Deputy Minister of Information and Communications, Head of Editorial Board;
2. Mr. Nguyen Trong Duong Director General of Department of Information Technology, Deputy Head of Editorial Board;
3. Ms. Phan Thi Phuong Nhung Deputy Director General of Department of Planning and Finance, Deputy Head of Editorial Board;
4. Mr. Nguyen Thanh Tuyen Deputy Director General of Department of Information Technology, member;
5. Ms. Nguyen Vu Hong Thanh Deputy Director General of Department of Posts, member;
6. Mr. Dinh Quang Trung Deputy Director General of Department of Science and Technology, member;
7. Mr. Trieu Minh Long Deputy Director General of Department of International Cooperation, member;
8. Ms. Nguyen Minh Hang Deputy General Director of Department of Legal Affairs, member;
9. Ms. Le Thi Ngoc Mo Deputy Director General of Viet Nam Telecommunications Authority, member;
10. Mr. Ta Quang Nghia Deputy Director General of Viet Nam Information Technology Application, member;
11. Mr. Nguyen Ha Yen Deputy Director General of Authority of Broadcasting and Electronic Information, member;
12. Mr. Tran Minh Tan Deputy Director of Viet Nam Internet Network Information Center, member;
13. Mr. Hoang Dang Hai Deputy Director of Viet Nam Computer Emergency Response Team, member;
14. Mr. Tran Minh Tuan Deputy Director of Viet Nam Institute of Information and Communications Strategy, member.

# CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM 2014

VIET NAM INFORMATION AND COMMUNICATION TECHNOLOGY 2014

## Chịu trách nhiệm nội dung

### Content Responsibility

## BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

MINISTRY OF INFORMATION AND COMMUNICATIONS

Bản quyền đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chép, phân phối dưới dạng in ấn, điện tử hay bất kỳ hình thức nào khác không được sự cho phép của Bộ Thông tin và Truyền thông là vi phạm pháp luật.

This publication and all parts thereof are protected by copyright. All rights reserved. Any use of it outside the strict provisions of the copyright law without the consent of the Ministry of Information and Communication is forbidden and will incur penalties.

## Chịu trách nhiệm xuất bản

### Giám đốc - Tổng Biên tập

**Nguyễn Thị Thu Hà**

Biên tập: Ngô Thị Mỹ Hạnh - Nguyễn Thọ Việt

Thiết kế: Nguyễn Văn Sinh - Trần Hồng Minh

## Publishing Responsibility

### Director - Editor in Chief

**Nguyen Thi Thu Ha**

Editors: Ngo Thi My Hanh - Nguyen Tho Viet

Designer: Nguyen Van Sinh - Tran Hong Minh

In 1.200 cuốn, khổ 18,5 x 25,7cm,  
tại Công ty TNHH In và Dịch vụ Thương mại Phú Thịnh  
Địa chỉ: 16/3 ngõ 191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô,  
Cầu Giấy, Hà Nội

Đăng ký xuất bản số: 1875-2014/CXBIPH/1-551/TTTT

Giấy phép xuất bản số: 305/QĐ-NXB TTTT

ngày 18 tháng 10 năm 2014

In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2014.

**Mã số: QT 01 HM 14**

Printed 1.200 copies, size 18,5 x 25,7cm,  
In Phu Thinh Printing and Service trading Co., Ltd  
Address: 16/3 Alley 191 Lac Long Quan Str.,  
Nghia Do Ward, Cau Giay District, Ha Noi City

Publishing Plan: 1875-2014/CXBIPH/1-551/TTTT

Publishing Decision: No 305/QĐ-NXB TTTT

date 18/10/2014

Completed and Registered in October 2014.

**Code No: QT 01 HM 14**

# Viet Nam Information and Communication Technology White Book

The Viet Nam ICT White Book is published by The National Commission on Application of IT and The Ministry of Information and Communications. The White Book provides official information and data on Viet Nam to support state management agencies in planning, implementing and building appropriate policies, mechanisms, providing information to domestic and overseas enterprises and foreign investors for setting up their business strategy orientations and to attract foreign investment to Viet Nam.



Liên hệ  
Vụ Công nghệ thông tin  
Bộ Thông tin và Truyền thông

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3943 7720; Fax: (84-4) 3943 6404  
Email: [vanthuctt@mic.gov.vn](mailto:vanthuctt@mic.gov.vn)

Contact

Department of Information Technology  
Ministry of Information and Communications

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3943 7720; Fax: (84-4) 3943 6404  
Email: [vanthuctt@mic.gov.vn](mailto:vanthuctt@mic.gov.vn)

